

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

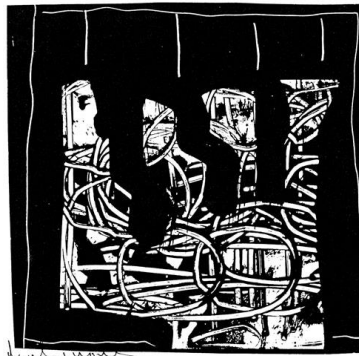
### **Phạm Công Thiện (II)**

#### **Tiểu sử**

Mất ngày 3.8.2011 tại Houston, Hoa Kỳ.

#### **Tác phẩm**

Tinh túy trong sáng của đạo lý Phật giáo  
Bay đi những cơn mưa phùn  
Mặt trời không bao giờ có thực.



những Phạm Công Thiện  
(tranh Đinh Cường)

## **Mục Lục**

### **Thực sự hôm nay – 2**

Phạm Công Thiện: “Đã đi mất hẳn đi rồi” – Viên Linh - 5

### **Mặt trời vẫn còn đó – 7**

Nhớ thương Phạm Công Thiện – Đặng Tiến - 9

### **Bay về một sợi tóc – 13**

Phạm Công Thiện, ông là ai? – Nguyễn Mạnh Trinh - 15

### **Nỗi cô đơn của Hoài Khanh - 20**

Mấy tường khúc với/về Phạm Công Thiện – Bùi Vĩnh Phúc - 21

Còn đó một góc trời – Phan Văn Thạnh - 31

Giới thiệu Phạm Công Thiện - Hoàng Ngọc Tuấn - 34

Phạm Công Thiện và đỉnh lặng - Trịnh Thanh Thủy - 38

### **Phụ đính:**

**Phạm Công Thiện một thi sĩ kỹ tuyệt thiên tài**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Thực sự hôm nay

Truyện có nghĩa là gì?

P.C.T.

### 1

Thực sự hôm nay tôi không còn muốn sống nữa. Tôi cũng không còn muốn tự tử. Tôi cũng không sợ chết. Đôi lúc cũng sợ chết, đôi lúc thôi. Cái chết đối với tôi như một chiếc xích lô máy. Nhiều lúc ngồi xích lô máy, tôi tự hỏi: tại sao nó không lủi vào xe nhà binh cho rồi; nhưng lại có nhiều lúc khác, ngồi thúc chân trong chiếc xích lô máy, nhìn lên một chút trời nắng, tôi thấy rằng sống lơ phờ cũng vui và dễ, như đèn đỏ tắt thì đèn xanh cháy lên. Đỏ và xanh, sống và chết, vui và buồn, yêu và ghét, tôi bỗng thấy ghét mấy chữ “và” này. Và thế rồi một buổi chiều, tôi thấy yêu chữ “và” này. “Và thế rồi”, ba chữ này, ba tiếng này, tôi nghĩ rằng không thể tìm được một loạt chữ nào ở thế giới khả dĩ gọi lại tất cả lù mù hiện lên trong đó. Và thế rồi, không có quyển sách nào ở thế giới mà không lệ thuộc vào điệu cải lương: “và thế rồi...”, thế mà không ngôn ngữ nào ở thế giới có được âm thanh leo xuống và kéo dài ra như một con sông chảy ngược. Âm thanh bắc thang, tôi muốn viết một cuốn tiểu thuyết lãng mạn như thành phố Đà Lạt, mang nhan đề là “âm thanh bắc thang”. Ngày nhỏ, mỗi lúc em tôi làm lỗi, tôi bênh vực nó và mẹ tôi hay nói: “Mày đừng bắc thang cho nó leo”. Thuở đó, tôi hay giựt mình và lấy làm lạ: “Tại sao không có thi sĩ nào dùng kiểu nói bắc thang để bênh vực cho mùa hạ?”. Tôi ghét mùa hạ và thích viết một quyển tiểu thuyết thực lạnh, không phải lạnh hiểu theo nghĩa bóng mà lại là thứ lạnh thực đen, lạnh vô cùng lạnh. Tôi lại thích viết một quyển tiểu thuyết mà nhân vật chính trong đó hay thích dùng mấy chữ “vô cùng”. Thí dụ bây giờ trưa và trời lại tối vì sắp mưa, nhân vật chính ấy đi vô đi ra trong nhà và nói lí nhí trong đầu: “Đời sống sao khó hiểu vô cùng, nhưng mình phải chịu đựng, dù sự chịu đựng ấy quả là vô cùng. Ngày mai, tôi sẽ bắt đầu lại, yêu mọi sự, ông sẽ chết, tôi và ông sẽ chết, tôi buồn vô cùng”.

— Tại sao hồi nhỏ ông hay giựt mình?

— Khoan khoan đã, ông hãy để nó giựt mình, để tôi kể tiếp...

— Hãy kể tiếp, chậm rãi, hãy kể một cách bình thản.

— Tôi nói đến đâu rồi?

— Vô cùng...

— À, mà ông biết xích lô máy là cái gì không?

— Ở Nữu Ước không có loại xe này, nhưng ông hãy kể tiếp về nhân vật yêu thích dùng mấy chữ “vô cùng”...

— Ở xứ tôi có xích lô đạp, rồi đến xích lô máy...

— Thôi, đúng giờ rồi, ngày mai, ông trở lại đây như thường lệ.

Tôi xô cửa, cửa nặng quá xô muốn té nhào. Chuyển xe lửa chiều nay chạy băng qua trên đầu tôi, tôi bước xuống hầm xe lửa, mua một đồng xu nhỏ bỏ vào máy, đi vào hầm đợi, đi trờ tới chỗ bán báo của ông Mỹ bụng phệ, mặc áo ca rô xanh đỏ, đeo kính trắng. Tôi dở tờ *Playboy* ra đọc mục lục, thấy bài phỏng vấn mục sư Martin Luther King và ngó sơ qua những hình đầm mọng mị. Đại khái cũng thế thôi, mỗi khi tôi tự bắt chợt mình đang làm chuyện cấm thì tôi liền đọc thoại nội tâm: “Đại khái thì cũng thế thôi.” Thực ra, *Playboy* cũng chẳng có gì đáng gọi là chuyện cấm, nhưng đứng chờ xe lửa, bên cạnh ông Mỹ bụng phệ hút xì gà và chờ tôi trả tiền (vừa hút xì gà vừa chờ lấy tiền báo) thì tôi lại đồng hoá sự chờ lấy tiền của ông ta với chuyện chờ xe lửa của tôi; đứng lơ rờ ngó hình màu và bắt buộc người ta phải chờ mình như chờ xe lửa thì đó cũng là một thứ chuyện cấm đối với ý thức gương mẫu của một người “tự trọng”. Xe lửa rồ tới, tôi nhẩy ngay vào cửa hé, ngồi ngay hướng thuận đi tới (ngồi nghịch hướng, chóng mặt chút ít). Hai người da đen đang đùa giỡn với nhau, anh lùn nhón người lên thọc thọc vào nách anh cao và nói một tràng bi bô, rồi cả hai cười ồm lên như khi (khi có cười không? Khi

thường nghe rằng. Hồi nhỏ đi sờ thú, tôi hay lấy đá vụn liệng vào hạ bộ của mấy con khỉ và chúng nghe rằng khè khè như ông kẹ. Từ đó, tôi bỗng thấy rằng tất cả thi sĩ đều giống khỉ. Nguyễn Du là một con khỉ, một loại khỉ trắng, ngồi buồn trước thu phong). Tôi ngó chung quanh tôi, những người ngồi trong xe lửa đều giống khỉ hết, nhưng một loài khỉ không có đuôi và làm bằng sáp cứng. Khỉ bằng sáp mà cũng biết đi, biết đứng, biết nói và biết cười. Tôi cũng là một con khỉ, tệ hơn là khỉ nửa, vì tôi không biết cười, không biết nghe rằng; ngồi trong chiếc xe lửa chạy giữa thành phố Nữ Ước mà tôi nhảy liệng từ nước này qua nước khác, từ Sài Gòn qua Hồng Kông, từ Bangkok qua Calcutta, từ Lhasa qua Téhéran, từ Cà Mau qua Mexico, từ lúc ba tuổi cho đến lúc hai mươi tuổi, từ mười sáu tuổi cho đến lúc tám mươi tuổi: tôi tưởng tượng mình là con voi già chống gậy đi lụm khụm trên những chiếc lá vàng, trông thơ mộng và mắt dạy như chuyện cổ tích trẻ con. Tôi bước xuống xe lửa và leo lên bậc thang đá dẫn ra đường thứ mười bốn, tôi thả bộ đi xuống Greenwich Village. Vừa bước đi vừa tìm một hiệu sách chịu mua sách cũ, trong tay tôi có cả một túi ny lông, đựng năm quyển sách đóng bìa dày, bìa cứng thực mới. Một cuốn nói về sự thông minh của loài khỉ đột, một cuốn *Kinh Dịch* được dịch ra chữ Anh, hai cuốn của Sayloran và một cuốn về thần học của Thomas D' Aquin (lúc ấy tôi có ghi học mấy giờ về thần học thời Trung cổ ở trường đại học Columbia, một trường đại học mà tôi ghét đến độ muốn ăn trường trai luôn), tôi mới vừa mua năm cuốn ấy vào tối đêm qua, tiêu hết năm mươi dollars cuối cùng, sáng nay lại thèm uống cà phê, lại đói vào lúc trưa và lại không muốn chia tay mượn tiền bạn bè nữa, tôi liền nghĩ ngay việc thủ tiêu năm quyển sách này với giá thật rẻ. Hiệu sách chịu mua sách cũ, trả tôi mười dollars để đổi lấy năm quyển sách tôi chỉ dở đọc sơ một quyển của Thomas d' Aquin và phải nằm ngáp năm lần rồi ngủ quách với bầy chữ La Tinh vo ve trong tiềm thức). Văn minh ngàn năm của nhân loại bây giờ thực rẻ: chỉ việc vứt nó đi thì được mười mỹ kim. Với mười mỹ kim này, tôi được hai bao thuốc Pall Mall đỏ, hai buổi cơm sinh viên nghèo, ba bốn tách cà phê suốt đêm ở quán Feenjon (hay Feenjohn, tôi không rõ tên, có những tên đáng nhớ hơn như: Brooklyn, Jamaica, Untergang nhưng ngược lại khó nhớ rõ: I ging hay I king hay I jing hay là Y ching?)

Khi tôi bước vào quán cà phê Feenjon thì trời đổ mưa, đường bên ngoài ướt hết. Người đàn ông và người đàn bà ôm nhau hôn ngay lối đi còn sót lại trong quán cà phê. Tất cả bàn đều ứ người. Mùi thuốc lá ngầy ngầy bay sà vào mũi, có khác gì mùi giấy cũ pha một chút nước mưa trộn lẫn với mùa nóng có người phát thư ban đêm đi qua nhà với tay cầm đuốc đang khi người ta đốt vải rách liệng ra ngoài sân để đuổi tiếng ó ma lai kêu vọng lại từ bên kia rừng cây, bên kia đồi đá? Đà Lạt hiện ra giữa quán cà phê đông người vào một buổi chiều mưa Nữ Ước. Tôi đã làm gì cho tôi? Một chút nước mưa, một chút nước biển, một chút đá, một chút ham muốn, một chút đói bụng, đói, đói, đói, đói đủ thứ. Đói cả sự chết, đói cả sự đói, đói óc, đói tim, đói hai ngón tay cái, đói mười ngón tay (quên cắt móng, dính đất đen thui, dơ một cách dễ chịu đựng vô cùng).

— Tại sao không dọn cơm ăn đi, đói quá rồi.

— Chờ một chút xíu thôi.

— Chiều nay ăn cơm với su luộc?

— Có đậu nữa, giàn đậu chim bay về phá quá.

— Tối chạng vạng heo rừng đã về phá rau cải lung tung.

— Mà sợ ma không?

— Ma lai hả?

— Ma, ma rừng, ma núi, ma ruộng, ma bờ, ma bụi.

— Đèn cầy còn hết, nhớ nhắc mai ra chợ mua thêm một hộp đèn cầy nữa, mua thứ đèn cầy lớn đó.

— Ừ mà nhớ nhắc má mua đèn dầu lửa cho tao, tao cần thức đêm để viết bài đăng bào kiếm tiền tháng tới.

— Má có mua rồi, để ở đầu tủ sau giường anh đó.

— Hôm qua tao thấy ma hiện về, nó ngồi ngay cửa lớn, ca hát giọng gì lè nè như con gà bị bóp cổ. Con ma nó nói nó đói quá, nó đòi ăn đèn cầy trắng...

Tôi chỉ là một con ma đói ở giữa thành phố lớn nhất thế giới. Quán cà phê này là nơi tôi lai vãng để tìm lại một chút khí dương giữa cõi chết. Đà Lạt và Nữu Ước. Đà Lạt gần gũi tôi hơn đang lúc bước vào quán cà phê ở Nữu Ước này. Tôi cần một chút Đà Lạt để sống, xin cho tôi một chút Đà Lạt, chỉ một chút, một chút thôi. Trời Nữu Ước trở lạnh, tôi cuộn khăn nỉ quanh cổ, đốt một điếu thuốc, ngồi giữa sự bình an của một mớ hình ảnh trong đầu. Một ngôi nhà to lớn, cũ, đầy rêu, nhện, chim và bồ câu, trước nhà có một hàng cây xưa cao vút và già như mấy cái cây thông rừng, ngôi nhà nằm trên một ngọn đồi ở ngoại ô Đà Lạt, trên đường đi về Dran. Một con bò nhai cỏ trước nhà, trên cao là một đám mây. Tôi không còn nhớ mây màu gì? Mây ở Đà Lạt có màu khác hẳn tất cả màu mây ở nơi khác. Màu trắng? Không, một màu nào đó không có trong đôi mắt của người tỉnh. Có lẽ là một màu nào đó trong mắt của người nhìn nước chảy, nước chảy trên cỏ trắng thon thon của một người đàn bà vừa cắt tóc thật ngắn để trá hình trong một sự đổi thay của Định mệnh.

## 2

Tôi làm gì để sống bây giờ? Tôi không đòi hỏi gì hết. Tôi chỉ cần ăn hai bữa hay một bữa trưa cũng được, tôi cần một gian phòng nhỏ, một cái bàn viết, một cây viết và một xấp giấy trắng. Thỉnh thoảng cũng cần một chút trời mưa, mưa dai và dài cả đêm cả ngày, rồi lại nhiều ngày cũng cần có một vài chiếc lá xanh trong ly nước để trước mặt, không có lá xanh thì có cỏ xanh dài cũng được. Chỉ cần một chùm cỏ xanh để trong ly nước đựng nơi bàn viết là tôi đủ sinh tố để sống một trăm ngày trọn vẹn. Còn hoa? Tôi không dám đòi hỏi nhiều. Có hoa trong ly nước thì cũng đẹp, nhưng đẹp hơn vẫn là cỏ, cỏ héo cũng được vì cỏ héo thì cũng là cỏ, một thứ cỏ mặm mà như đất già. Hoa héo không còn là hoa nữa, giống như là đàn bà viết văn thì không còn là con gà ở rừng lúa nữa mà lại trở thành gà được nuôi bằng những thực phẩm hoá học nhập cảng từ Hiệp Chúng Quốc. Hoa héo là hoa héo, chấm một chấm xuống hàng. Tôi đã hút đến điếu thuốc thứ mấy rồi? Năm nay là năm gì, năm của Thiên Đàng hay năm của Hoả Ngục? Không bao giờ tôi sống bình thường được, có nhiều lúc sao thấy thì giờ kéo dài ra như một người đàn ông cao gần hai thước và nằm dài trên cái giường một thước rưỡi — để hai chân lông lá thò thò dư dư ra. Có đôi lúc thì giờ giống như cây bút chì, chuốt hoài mà vẫn mòn đi, vì thân mềm như bún, bết trên giấy trơn tru như xe lửa chạy trên đồng bằng. Tôi cứ tự dạy: hãy bò thực chậm như đũa con nít bò trên sàn nhà, bò bằng hai tay và hai chân. Nhưng rồi bài học cũng khó thuộc: thường khi tôi muốn phóng nhanh hơn cả nai rừng. Tôi không chịu đi hai chân, không chịu chạy và cũng không chịu bay. Tôi muốn xẹt xẹt như làn chớp lúc trời bão. Xẹt trên trời một cái, xẹt dưới đất một cái, xẹt xuống con đường, cánh đồng, ngã tư, ngã ba. Rớt xuống một vệt sáng ở đây, ở đó, rồi tắt ngúm như lửa rạ. Viết văn không khác gì sống mỗi ngày, mỗi trang giấy trắng là mỗi ngày, muốn làm gì làm thì cũng bị nhốt vào trang giấy trắng, mỗi lần ngồi trước trang giấy trắng thì tôi chỉ lặp lại cái việc thức dậy mỗi buổi sáng, tôi ngồi thừ ra, lừ đừ như con vịt đục; viết một chữ trên trang giấy là bị lôi vào những gì không thể tránh được đi theo sau chữ ấy, đi theo một cách tế nhị khó ngờ được; chẳng hạn như khi tôi viết “gió” thì những gì không thể tránh được là “gió thổi trên thung lũng, gió về với mùa thu, tóc bạc trắng, vân vân”, hay dù tôi có nói ngược lại đi nữa thì cũng là ngược theo chiều gió, tức là một cách cuốn theo chiều gió, một cách lộn lại như hột vịt lộn. Điều đau đớn là không thể chạy trốn ở đâu mà thoát hoạ được, tờ giấy trắng nằm chình ình ra đấy, nếu tôi trốn viết, bỏ viết văn đi nữa thì cái đầu tôi vẫn nằm chình ình ra đấy; cái đầu của tôi, cái óc của tôi mới là giấy trắng, thực thụ, trắng hơn cả tờ giấy trắng, cái óc của tôi, nó làm tờ giấy trắng cho tư tưởng của con tim, rồi con tim của tôi nó lại làm tờ giấy trắng cho dòng máu của tôi; máu chảy trong thân thể tôi lại muốn viết văn trên tờ giấy trắng của con tim; rồi lại đến lượt máu của tôi lại làm tờ giấy trắng cho sự chết: sự chết viết văn trên tờ giấy trắng của máu, và sau cùng sự chết cũng lại phải làm tờ giấy trắng cho cái gì đó không có tên gọi; cái gì đó vô danh, vô tướng lại viết văn trên tờ giấy trắng của sự chết. Nếu tôi không phải là con vịt đục thì tôi phải lý luận rằng mỗi khi ngồi viết văn trước một trang giấy trắng trên bàn thì tôi chỉ lặp lại cái việc của người thức canh xác chết, ngồi

trước cái khăn lịm trắng toát, nhưng có một điều khó hiểu nhất: người ngồi cạnh xác chết lại chính là người đang nằm chết dưới cái khăn lịm trắng kia; lắm lúc bất thần có con mèo đen nhảy phóng qua xác chết thì cái xác kia ngồi dậy bước đi lảo đảo như người say rượu. Tôi gọi con mèo đen ấy là chữ viết.

Đà Lạt mùa này đầy hoa quỳ rừng, vàng bên kia đồi, vàng bên này đồi, vàng dưới kia đồi, vàng trên kia, trên cao kia, cao và gần trong tầm với của mắt. Tôi bước đi không vững, vì uống cả bình cà phê to, hai bình cà phê to như hai cái lu nước. Tôi thấy chữ A ra chữ B, chữ C ra chữ D, tôi thấy tôi chảy trong cống nước, tôi bay theo khói thuốc.

*Trong cuốn Bay đi những cơn mưa phùn của Phạm Công Thiện  
(Sài Gòn: nxb Phạm Hoàng, 1970)*

## Phạm Công Thiện: “Đã đi mất hẳn đi rồi” Viên Linh

Sinh hoạt văn hóa miền Nam, thu nhỏ vào lãnh vực Văn Học và Triết Học, và giới hạn từ 1963 trở đi, đã từng bùng phát triển, như hải triều, như thác đổ, phá vỡ những oi nồng của một thời kỳ ung độc, đưa thế hệ hai mươi thuở đó và những thế hệ hai mươi khác của đất nước trở về với suối nguồn tư tưởng Đông Phương, là công lao chung của một nhóm thanh niên trí thức đã xuất gia: Nhóm Vạn Hạnh.

Chưa bao giờ sinh viên học sinh miền Nam, vốn khắc khoải trước các vận động mở cửa nhìn ra thế giới, ù tai và nhức óc với những kinh điển siêu hình phương Tây, lại thấy được chân trời lồng lộng sáng lòa, hiển thế, thân ái, ai ngờ lại ở ngay ngưỡng cửa của ngôi nhà dân tộc mình. Hãy trở về Phương Đông, hãy vực dậy Hồn Việt.

Hồi ấy, mạnh mẽ lên đường từ 65-66, Nhóm Trẻ Tuổi năm bảy người ấy xông xáo trong các tờ tạp chí văn hóa, nơi những nhà xuất bản tôn giáo, dưới mái các giảng đường cao đẳng, vui sống là làm việc, học và hành, tung ra bốn phương những hoa thơm cỏ lạ, những tác phẩm chan chứa tình yêu thương, yêu thương con người nhân loại, tràn đầy hy vọng và tin tưởng. Họ không phải một người. Họ là một toán, một đoàn, một đội. Thời ấy miền Nam đâu đâu cũng nói chuyện võ hiệp, như xa xưa nơi phương Bắc thời các tay tử chiếng giang hồ tìm về Lương Sơn Bạc mưu chuyện đổi thay; họ tìm về Cao Đẳng Phật Học và Vạn Hạnh dựng nền đắp móng.

Không kể các bậc thầy đã xa như Đức Nhuận, Thanh Kiểm, Thanh Từ,... hay kế tiếp như Minh Châu, Nguyễn Đăng Thục, Tôn Thất Thiện, Trần Ngọc Ninh, Vũ Văn Mẫu,... Nhóm Trẻ là “Tây Độc” Phạm Công Thiện, “Đông Tà” Tuệ Sỹ, Chơn Hạnh “Trung Thần Thông,” Chơn Pháp “Bác Cái,” Nghi Lâm sư muội Trí Hải, và “Chu Bá Thông” Bùi Giáng, võ công tuyệt đỉnh nhưng không chịu hẳn một môn phái nào. Hôm qua, 8 tháng 3, 2011, Phạm Công Thiện đã ra đi.

Nói đến Phạm Công Thiện là nói đến tác phẩm “Ý thức mới trong văn nghệ và Triết học,” cuốn sách các sinh viên thường có trong tay, xuất bản năm 1965. Cũng phải nói đến cuốn luận văn quan trọng của Thiện, phê bình sách của Giáo Sư Nguyễn Văn Trung về Phật Giáo, và những cuốn khác như:

“Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, Tổ sư Thiền tông” 1964, “Im lặng hổ thẳm, Phương pháp suy tư về Việt và Tính, con đường của Triết lý Việt Nam” 1967, “Hổ thẳm của tư tưởng, Đặt lại căn nguyên tư tưởng hôm nay” 1967; không kể truyện ngắn, hay những cuốn sách viết về Rilke, 1969, Miller, 1969,... Với những cuốn sách ấy, Thích Nguyên Tánh Phạm Công Thiện đã đóng góp công lao lớn trong sự xây dựng Phật Giáo Việt Nam.

Để đưa tiền nhà thơ triết gia, không gì bằng nhắc đến một câu thơ của Goethe mà tác giả “Hố Thẳm” hay nhắc: “Trên Tất Cả Các Đỉnh Cao, Là Bình Yên.” Mới năm kia, Phạm Công Thiện đã sửa lại hai chữ sau cùng, dùng để đặt nhan đề cho tập thơ cuối cùng của ông, do Hương Tích xuất bản: Trên Tất Cả Các Đỉnh Cao Là Lặng Im.”

*Đã đi rồi đã đi chưa  
Thượng phương lụa trắng đong đưa giữa trời  
Đã đi mất hẳn đi rồi  
Hạ phương tịch mịch trùng khơi phong kiều  
Chuyển hình trên đỉnh cô liêu  
Lửa bay thành ngọn hồng điều mật ngôn  
Đại huyền biến ngưỡng triều tôn  
Tiền thân Tây Tạng nhập hồn chiêm bao  
Án nga nga năng bạch hào  
Một luồng sáng rực chiếu vào trái tim.*

(Phạm Công Thiện, Đi, tr. 22, Trên tất cả...)

6 giờ 22, 9 tháng 3, 2011

\*\*\*

## **Người Việt**

Wednesday, March 09, 2011

Giáo Sư Phạm Công Thiện qua đời, thọ 71 tuổi.

Nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng, dịch giả, giáo sư, cư sĩ Phật giáo Phạm Công Thiện vừa qua đời ngày 8 tháng 3 năm 2011 tại Houston, Texas, thọ 71 tuổi, theo Cáo bạch ngày 9 tháng 3, 2011 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cũng như sự xác nhận của gia đình. Theo lời một thành viên gia đình nói với một thân hữu, ông Phạm Công Thiện dường như biết trước thời điểm “sẽ đi,” và trong ngày cuối cùng của cuộc đời, ông dặn gia đình “không làm tang lễ rườm rà, chỉ hỏa thiêu.” Chiều cùng ngày, vẫn theo lời gia đình, ông thấy “mệt dần, bắt đầu nhập định, và ra đi nhẹ nhàng.”

Ông tên thật là Phạm Công Thiện, thời trẻ còn có bút hiệu Hoàng Thu Uyên cho các tác phẩm dịch, sinh ngày 1 tháng 6 năm 1941 tại Mỹ Tho trong một gia đình Thiên Chúa giáo. Từ tuổi thiếu niên ông đã nổi tiếng thần đồng về ngôn ngữ, năm 15 tuổi đã đọc thông viết thạo năm ngoại ngữ Anh, Pháp, Nhật, Hoa, Tây Ban Nha, ngoài ra còn biết tiếng Sanscrit và tiếng La Tinh. Năm 1957, 16 tuổi, ông xuất bản cuốn tự điển Anh Ngữ Tinh Âm, nhưng từ vài năm trước đó cho đến khi rời Việt Nam vào năm 1970, ông đã cộng tác với các báo Bông Lúa, Phổ Thông, Bách Khoa, Văn, Giũ Thơm Quê Mẹ. Từ những năm cuối thập niên 1950 ông đi dạy Anh ngữ tại một số trường tại Sài Gòn.

Đầu năm 1964, ông chuyển ra Nha Trang sống để an dưỡng sau một cuộc “khủng hoảng tinh thần.” Tại đây ông quy y ở chùa Hải Đức, lấy pháp danh Nguyên Tánh. Một thời gian sau ông lại về Sài Gòn. Từ năm 1966-1968, ông là giám đốc soạn thảo tất cả chương trình giảng dạy cho tất cả phân khoa viện Đại Học Vạn Hạnh. Từ năm 1968-1970, giữ chức trưởng khoa Văn học và Khoa học Nhân văn của viện. Tại đây ông cũng là sáng lập viên và chủ trương biên tập của tạp chí Tư Tưởng.

Ông rời Việt Nam từ năm 1970, chuyển sang sống ở Israel, Đức, rồi sống lâu dài tại Pháp. Tại đây ông trú ẩn và sa đọa lấy vợ và sau đó làm giáo sư Triết học Tây phương của viện Đại Học Toulouse. Năm 1983, ông sang Hoa Kỳ, định cư ở Los Angeles, giữ chức giáo sư viện Phật Giáo College of Buddhist Studies. Từ khoảng năm 2005, ông sang cư ngụ tại Houston, tiểu bang Texas cho đến ngày ông qua đời.

Giữa thập niên 1960, Giáo Sư Phạm Công Thiện bắt đầu nổi tiếng với các tác phẩm xuất bản tại Sài Gòn, mà cuốn đầu tiên gây chú ý nhiều cho giới văn nghệ và thanh niên sinh viên là Ý Thức Mới Trong Văn nghệ và Triết Học (1965), rồi đến Yên Lặng Hồ Thắm (1967), Hồ Thắm Của Tư Tưởng (1967), Mặt Trời Không Bao Giờ Có Thực (1967). Về tôn giáo có “Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, Tổ sư Thiền Tông” (1964), thơ thì có “Ngày sinh của rắn” (1967), các tác phẩm văn học thiên về tư tưởng: “Trời tháng Tư” (1966), “Bay đi những cơn mưa phùn” (1970). Tất cả các tác phẩm này đều do hai nhà An Tiêm và Lá Bối tại Sài Gòn ấn hành.

Tại hải ngoại ông xuất bản khoảng mười tác phẩm, hầu hết trong thập niên 1990, như Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất (1988), Sự Chuyển Động Toàn Diện Của Tâm Thức Trong Tư Tưởng Phật Giáo (1994), Triết Lý Việt Nam Về Sự Vượt Biên (1995), Tinh Túy Trong Sáng Của Đạo Lý Phật Giáo (1998), v.v... Ông cũng đóng góp nhiều cho báo chí, chẳng hạn viết cho tạp chí Thế Kỷ 21, nhật báo Người Việt. Có thể nói, tác phẩm cuối cùng của ông là bài viết cho Giai Phẩm Xuân Người Việt 2011.

Thượng Tọa Thích Viên Lý, viện chủ Chùa Điều Ngự, California, người từng nhiều năm cư ngụ cùng Phạm Công Thiện tại chùa Diệu Pháp, nói rằng cư sĩ Phạm Công Thiện đã “đóng góp rất lớn về mặt văn hóa đối với Việt Nam,” và luôn “mong Phật Giáo Việt Nam được xiển dương một cách đúng mức.”

Từ khi còn rất trẻ cho đến cuối đời, Phạm Công Thiện đã đóng góp rất nhiều cho văn hóa Việt Nam về các phương diện ngôn ngữ, thơ, văn và đặc biệt về tư tưởng triết học. Đối với Phật Giáo ông cũng là người có công lớn với các công trình nghiên cứu Phật học, và đặc biệt, đã góp nhiều công sức xây dựng viện Đại Học Phật Giáo Việt Nam đầu tiên Vạn Hạnh tại Sài Gòn từ năm 1966, trong đó có tập san Tư Tưởng là cơ quan phát huy tư tưởng Phật Giáo quan trọng nhất của Việt Nam trong thời cận đại.

## Mặt trời vẫn còn đó

Thành phố ấy có lẽ là thành phố lớn nhất ở khắp thế giới; thành phố không có tên, không lịch sử, một thành phố gồm có mười triệu người, theo bản thống kê gần đây của một Viện Quốc Tế về Phát Triển Đô Thị. Mỗi buổi sáng, lúc ông thức dậy thì một triệu người cũng thức dậy đồng lúc với ông, chín triệu người khác vẫn còn nằm ngủ; lúc ông đứng dậy mở cửa sổ thì một triệu người bắt đầu mở mắt theo cánh cửa sổ vừa mở; lúc ông đi vào phòng rửa mặt và mở máy nước chảy thì một triệu người khác nữa lại bắt đầu tỉnh thức khi ánh sáng tuôn chảy tràn lan theo tiếng nước róc rách bên hàng xóm. Buổi sáng ấy trời rơi bão, cơn bão ban mai đánh vào cánh cửa sổ phản phật, đập vào tất cả những cánh cửa sổ ở thành phố. Bão càng lúc càng nổi lên lũng bùng trong không khí, vừa lúc cơn mưa lớn đổ ào xuống những thì gần hết bảy triệu người còn ngủ giật mình thức dậy, tất cả gần mười triệu người ở thành phố đều thức dậy cả, chỉ còn lại có bốn người vẫn còn say ngủ. Người thứ nhất là một cô gái giang hồ, người thứ hai là một ông thầy tu, người thứ ba là một ông già cụt tay và người thứ tư là một ông mù mắt. Cô gái giang hồ nằm ngủ, ôm con chó Nhật bản ngo nguậy trên giường, tiếng nhạc điệu phát ra từ máy phát thanh ở đầu giường vẫn còn du dương thật nhẹ nhàng những bản tình ca lãng mạn, cô đã để máy chạy suốt từ khuya và nằm ngủ một nhọc hững hờ. Bão đập vào cửa từng lúc như



tiếng đập cửa của vài ba người khách đi tìm cô vào những giờ khuya khoắt; cô nằm mệt nhoài và ông có thể đoán cô đang mơ mộng, một giấc mộng đám cưới, một đám cưới có cô dâu mặc áo trắng và có một chàng mặc áo đen đứng ở cuối phố ngó theo. Bão đập vào bức màn đỏ treo ở cửa sổ phòng ngủ, con chó cựa mình nhảy vọt xuống nằm tiu nghỉu bên cạnh đôi dép của cô, ngậm một chiếc dép đi vào phòng tắm, đá một vũng trên chiếc khăn tắm của cô bỏ rơi trên sàn gạch. Cách phòng ngủ của cô gái giang hồ chừng năm cây số, trên một ngọn đồi trọc, không cây, không lá, một ngôi chùa gãy đổ loang lổ, ông thầy tu vừa mới thức dậy và nằm đọc kinh Kim Cang trên giường, ông lười ngồi dậy, và lười gõ mõ tụng kinh trước bàn thờ Phật; ông nằm dài trên giường trải chiếc chiếu xám, vừa đọc kinh vừa ngáp, chỉ thức được vài phút rồi ông ngủ say lại, không còn biết trời đất gì nữa. Con bão không tài nào đánh thức ông dậy nổi, các ngài có thể đoán rằng ông đang nằm chiêm bao thấy một hòn đảo nổi lên giữa biển xanh, một cù lao mọc lên xanh rì với từng đám cỏ đen, giữa hòn cù lao có một con sông nhỏ kẽ qua, nước chảy nhĩ nhĩ như tiếng thủ thi của mộng, hoạn, bào ảnh, sương, điện, hay ánh chớp loè của trời đất. Cuốn kinh Kim Cang rơi nhoài xuống đất và áp trên chiếc guốc cây nặng nề, tạo thành một bức tranh tĩnh vật mà họa sĩ phải là một kẻ không biết vẽ thì mới thấy đó là một cơn lốc của nghệ thuật trong sự xung đột giữa bước chân và con đường. Dưới chân đồi, các ngài có thể thấy một cụ già cụt tay ngồi trước cửa, ngủ gà ngủ gật dựa vào vách xi măng mới sơn trắng, mộng thấy mình đang giương tay bắn cung, tiếng tên bay vèo qua dĩ vãng và thực tại, hai bàn tay dang ra xa và chiếc tên bắn ra thành một chiếc tay, chiếc tay độc nhất bay vọt trong không gian vô tận như một con chó cụt đuôi phóng chạy vào đêm tối. Người thứ tư là ông mù mắt, ông không có tuổi tác, người ta cho rằng ông được khoảng hai mươi tám tuổi, nhưng nhìn thoáng qua nét mặt của ông, đôi khi người ta thấy ông chỉ chừng mười tuổi, đôi lúc ông chỉ chừng bốn mươi, đôi lúc ông lại khoảng chừng tám chục tuổi, nhưng chính ông mù thì ông chỉ biết ông ra đời cách đây hai mươi tám năm, nhưng ông hiểu rằng ông già hơn trái đất, và non như buổi sáng sớm có bão thổi lũng bùng trên từng con tròn xoáy vù vù. Ông ngồi trên ghế bên cửa sổ, một con chim sâu rĩa lông bên thành cửa và coi ông mù như không có, hay nếu có đi nữa thì chỉ có như một cây trụ lá, bất động như cuộc đời và vô tri như ý thức của một người điên không biết ngủ.

Bão lại vụt tắt, mưa bỗng vụt ngừng lại, không khí đứng khựng lại như sa mù, cô gái giang hồ, ông thầy tu và cụ già cụt tay đã thức dậy. Chín triệu chín trăm chín mươi chín người đã thức dậy, chỉ còn lại ông mù là chưa thức giấc, có ai hiểu nổi là ông đang chiêm bao thấy gì? Lắm lúc, tay ông giật giật lên, chân ông giật giật xuống, môi ông giật giật ra, tóc ông căng căng lên, ông đang mơ thấy mình đang đứng trên một hý trường bao la, trước hàng ngàn dãy ghế trống không người, ông đang cúi đầu, hất đầu, gật đầu điều khiển một ban nhạc vĩ đại, gồm hai trăm nhạc công và nhạc sĩ đủ loại, tất cả đều biến thành một, mọi sự được lùa vào nhau, xô vào nhau, chảy vào nhau như muôn ngàn con sóng toé bọt, đập âm vào ghềnh đá, sầm sầm, xé nát, vỡ toang, bản Đại hoà tấu thứ năm của Beethoven giựt giựt chỉ một lần, tiếng đập cửa, tiếng đập của lửa, tiếng đập của vàng trắng rơi vào óc của một thằng điên ở một tu viện nào đó. Con chim sâu tĩa vào một chiếc lá khô nằm thiu thiu bên thành cửa sổ, ông mù vẫn nằm chiêm bao, khi giấc mộng đại hoà tấu vừa dứt thì ông tiếp tục nằm mơ thấy màu đỏ và màu vàng, ông thấy ông đang quỳ lạy trước bàn thờ: trên bàn thờ không có tượng Phật hay tượng Chúa gì cả, mà chỉ có hai vòng tròn, một vòng đỏ ở trên và một vòng vàng ở dưới, giấc mộng kéo dài suốt ngày hôm đó cho mãi đến chiều tối, kéo dài cho đến khuya, rồi tiếp tục cho đến hai giờ sáng, lúc chín triệu chín trăm chín mươi chín người trong thành phố đã ngủ say hết thì chỉ còn ông mù là vừa mới thức dậy. Ông mở cửa sổ ra, chiếc lá khô bật bay giựt ra ngoài cánh cửa. Con chim bay đi đâu? Ông cũng không hề biết sự có mặt hay vắng mặt của con chim thân ái ấy. Nước chảy rào rào trong cuối gian phòng, ông mù ho sặc sặc, rồi nhổ phọt một búng nước miếng xuống lỗ phòng rửa. Ông đẩy cửa và bước thật chậm đi xuống một trạm xe lửa hầm gần đấy, ông đeo đôi kính đen và bước đi không cần gậy, vì mỗi lần bước xuống hầm xe lửa, ông chỉ cần quẹo qua hướng trái, khi xe chạy, lúc ngồi trên xe lửa, ông chỉ cần ngồi im kể lại trong óc một câu chuyện có những động tác và diễn biến nhất định, lúc câu chuyện trong óc ông vừa



chạm dứt thì lúc đó xe lửa cũng vừa ngừng lại để ông bước xuống, rồi bước lên trên những bậc đá, quẹo qua hướng trái, đi chừng vài bước, quẹo thêm một lần trái nữa là ông đến trước phòng ngủ mà ông muốn đi đến. Ông leo lên thang máy, bấm nút cuối cùng thì ông đến nơi tầng lầu quen thuộc. Mỗi ngày, bất luận đêm tối hay sáng trắng, trong tám năm trời rồi, ông đã đi trên lộ trình quen thuộc ấy: trong tám năm trời, mỗi lần ngồi trên xe lửa, ông cũng quẹo trái hai lần như vậy: trong tám năm trời, đứng trước cánh cửa phòng kia, ông cũng chỉ cần gõ một tiếng, đứng đợi một giây thì cửa mở và trước khi bước vào phòng ông cũng đứng lại một giây và đánh diêm lên hút điếu thuốc đầu tiên; trong tám năm trời, khi bước vào phòng, ông cũng vào thẳng phòng rửa, rồi phun vọt một búng nước miếng vào lỗ cầu, rồi bước chậm đến ghé kế bên cửa sổ, ngồi lẳng lẳng hút thuốc thả khói bồng bênh, đang lúc ấy, cô gái giang hồ cũng lẳng lẳng bước vào phòng rửa mặt và hệt khế một điếu quen thuộc mà cũng trong tám năm rồi cô cũng chỉ hát khế một điếu ấy vào hoàn cảnh như vậy, với những cử chỉ và động tác như vậy, cùng với sự có mặt thường lệ của ông mù trên ghé bành bên cạnh cửa sổ.

— Câu chuyện anh viết trong đầu đã kết thúc chưa?

— Vẫn kết thúc mỗi lần anh bước xuống xe lửa.

— À, anh thì vẫn thế.

— Mọi câu chuyện gì cũng đều kết thúc như thế.

— Bữa nay anh vẫn nói điều ấy chứ.

— Cũng vẫn chỉ có điều ấy thôi.

— Đi ngủ đi anh.

— Đi ngủ đi em.

— Sáng mai anh và em sẽ đến đó như thường lệ.

— Lại cuối tuần nữa.

— Anh vẫn không để ý gì hết.

— Em phải để ý cho anh.

— Có thể nào người ta nằm mộng trên tám năm mà cũng chỉ một giấc mộng duy nhất?

— Chỉ còn hai năm nữa là mười năm phải không?

— Nghĩa là còn bảy trăm ba chục ngày.

— Thì mộng sẽ dứt.

— Không có gì dứt hết.

— Câu chuyện vẫn tiếp tục.

— Và kết thúc trong mười năm.

— Để rồi tiếp tục nữa.

— Tiếp tục trong những người khác, trong tất cả những người đã gặp anh và đã nghe anh.

— Chỉ nghe một điều trong mười năm.

— Hay là không nghe gì hết và có chăng chỉ là một giấc mộng.

— Thực hơn là tất cả sự thực.

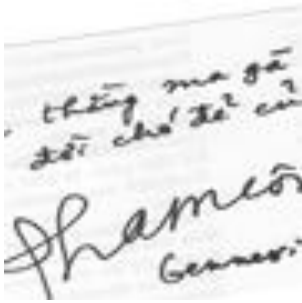
— Đi ngủ đi em.

— Dạ.

Cánh màn cửa sổ được kéo che lại khung trống, một người mù và cô gái giang hồ ôm nhau nằm dài trên giường, tiếng thở càng lúc càng trở nên đều đều, nhẹ nhẹ, không còn gì nữa, chỉ một lần, chỉ một lần, đêm và ngày, sáng và tối, nằng và chàng, thức và ngủ, nửa vàng trắng này tìm nửa vàng trắng kia.

*Trong cuốn Bay đi những cơn mưa phùn của Phạm Công Thiện  
(Sài Gòn: nxb Phạm Hoàng, 1970)*

**Nhớ thương Phạm Công Thiện  
Đặng Tiến**



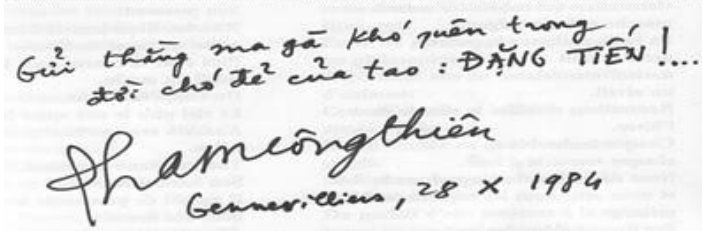
Thằng ma gà  
đời chó đẻ  
Phạm Công Thiện  
Geneser

Phạm Công Thiện, mới qua đời tại Houston ngày 8.3.2011, với tôi là chỗ cố tri thân thiết, ngang trang ngang lứa, cùng tập tành bước vào nghề văn những năm đầu thập niên 1960.

Thời đó, Thiện đã có chút ít tiếng tăm vì từ 16 tuổi đã có soạn một từ điển tiếng Anh (Anh ngữ tinh âm Từ Điển, 1957) được Nguyễn Hiến Lê viết lời giới thiệu nồng hậu.

Trước tiên, chúng tôi là bạn chơi, tại Sài gòn, cùng thân thiết với nhà thơ Hoàng Trúc Ly, đàn anh hiền lành và hòa nhã. Cùng đi chơi đêm lúc ấy với Thiện, thường có Trịnh Cung và nhà thơ Ninh Chữ, có tiệm may trên đường Tự Do, thường là kẻ chi tiền, dường như thỉnh thoảng có cả Tuấn Huy. Là sinh viên bận học tôi không tham dự những cuộc vui chơi này, nhưng hôm sau được nghe kể lại cặn kẽ.

Tiếp theo là bạn làm báo. Khoảng 1962-1963 gì đó, anh Hoàng Minh Tuynh làm chủ báo Mai, Sài gòn, bán nguyệt san. Anh Tuynh là người công giáo tiến bộ, có uy thế lúc ấy, và ưa giao thiệp với các bạn trẻ mà anh tin cậy, chung quanh Nguyễn Hữu Thái là sinh viên kiến trúc. Thái kéo bè với đám bạn trẻ như Phạm Công Thiện, Quỳnh Tân, Lê Hiếu Đăng, Bửu Ý và tôi. Có lúc anh Tuynh sang Đức vài tháng, giao phó tờ báo cho chúng tôi « muốn làm gì thì làm ». Thái và Thiện viết vung vít sao đó, tòa Tổng giám Mục có lưu ý và anh Tuynh kiểm soát tại tòa soạn.



Gửi thằng ma gà khó quên trong  
đời chó đẻ của tao: ĐẶNG TIÊN! ...  
Phạm Công Thiện  
Geneser, 28 X 1984

Phôi pha

Một hai hai một từ ngày  
Hột mai hai một mảy mảy tao tao.  
Văn chương nhào trận mưa rào,  
Cơn giông chưa kịp mảy tao tằm tròng.  
Thằng ôm giông bão đi luôn,  
Nhấn thẳng ở lại chớ buồn làm chi.  
Cuộc đời, những chuyến ra đi,  
Tao đông, mảy ở có chi mà rầu.  
Thơ nhau sót chút mảy tao  
Thơ thẳng mắc dịch, cóp đâu vậy cà ?  
Thơ này vốn thiệt ma gà,

Cóp từ cái thưở phôi pha phận người.

\*\*\*

Thiện và tôi dường như có duyên nợ. Khoảng 1964, không hẹn mà chúng tôi cùng lên dạy học tại Đà Lạt. Thiện thích Đà Lạt : gia đình anh dường như trước đó, có trang trại ở Fin Nom. Thời kỳ êm đẹp : việc dạy học nhẹ nhàng, thành phố đẹp, đồng lương dư dả. Thiện khoe tôi bài thơ mới làm xong :

*Mùa xuân bay thành khói  
Tôi ca hát một mình  
Suốt đời không biết nói  
Nước chảy tràn con kinh.*

Thơ hay thiệt hay.

Anh có cho xem bài « *gió thổi đồi tây hay đồi đông* » mà nói rằng thơ làm trong cơn mê ngủ.

Vì thân cận, chúng tôi thường bị ảnh hưởng thơ Hoàng Trúc Ly :

*Từ em tiếng hát lên trời  
Tay xao dòng tóc, tay mời âm thanh...*

Thơ Phạm Công Thiện :

*Cô đơn về trắng sương rừng  
Ta nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm*

Sau này, Thiện có sửa lại câu trước.

Thơ Hoàng Trúc Ly :

*Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn,  
Em ngủ một mình đêm gió mưa.*

Thơ Phạm Công Thiện :

*Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn  
Cây khế đồi cao trở hết bông.*

Nội dung thì khác « chiều thứ bảy » trong thơ H.T.L. là một ngày trong tuần, trước chủ nhật. Còn « chiều thứ bảy » trong P.C.T. là lấy ý tự kinh Phật. « *Cây khế* » cũng vậy.

Đạo ấy, Thiện đi tu ở Nha Trang với thầy Trí Thủ, pháp danh Ngươn Tánh. Một hôm xuống chơi nhà Võ Hồng – mà anh rất thân – khi về chùa thì làm câu thơ này mà về sau anh tự dịch ra tiếng Pháp :

*Je suis le Retour / il fait tard sur le Chemin  
Sept jours après la pluie tombe  
En haut du Temple  
L'arbre est le Défleuri*

Việt Nam giữa thập niên 1960 : chính trường biến động, chiến trường xao động và tâm lý giao động. Phạm Công Thiện xuất bản cuốn « *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* » và hằng chục sách khác trong khoảng 5 năm, đáp ứng với tâm trạng thanh niên. Phạm công Thiện là nhà văn có tài, vô cùng bén nhạy, nắm bắt rất nhanh các luồng tư tưởng thế giới và tâm lý thời đại, hành văn bay bổng nhiều hình tượng độc đáo, đã gây ảnh hưởng lớn trong đời sống trí thức miền Nam trong thời kỳ khủng hoảng. Ra nước ngoài từ 1970, định cư tại Pháp rồi tại Mỹ,

Phạm Công Thiện tiếp tục viết và xuất bản, nhưng dường như không còn quần chúng độc giả.

Thiện với tôi, duyên nợ vẫn tiếp tục : tôi ra nước ngoài, làm ngoại giao tại Thụy Sĩ, khoảng 1967. Một hôm đi làm về thì thấy Thiện ôm ba lô ngồi trước cửa. Thiện ở chơi đêm ba hôm gì đó, thường uống rượu say, rồi vác ba lô lên đường. Vài ba năm sau, tôi gặp lại anh tại Paris. Anh tá túc tại nhà in của Thi Vũ, chơi thân với họa sĩ Vĩnh Ấn. Thiện sống lang bang vất vả, có đọc cho tôi nghe bài thơ về cảnh chợ trời Montreuil :

*Thân anh như con chó  
Đứng đợi giữa chợ chiều  
Một chiều em qua đó  
Con chó đứng nhìn theo.*

Dường như thời đó, anh sống nhờ vào giúp đỡ của nhà văn Henry Miller gửi từ California.

Sau đó cưới vợ, sang Đức, rồi trở lại Paris. Thịnh thoảng anh đến tìm tôi, chiều thứ hai sau giờ tôi dạy học để cùng đi uống bia tại công trường Contrescarpes, khu Censier, nhìn những con chim đến đậu trên giây thép hay những cành trụi lá. Có hôm anh hỏi xin tôi bao thuốc lá. Tôi bảo « vậy tao mua cho mày cả tút » (cartouche). Thiện trả lời « vậy mày đưa tiền ấy cho tao mua sữa cho con ». Thời điểm này anh vợ con nheo nhóc, không giới hạn sinh đẻ vì theo... quy luật thiên nhiên.

Tình hình cải thiện khi anh tìm được chỗ dạy học tại Đại Học Toulouse, môn Triết học... Tây Phương.

Sau đó, khoảng mười năm không tin tức, cho đến ngày anh lại tìm tôi tại Paris tặng cuốn kỷ yếu song ngữ Việt-Pháp có nhiều hình minh họa đẹp.

Phạm Công Thiện là người tự học, vì vậy, mà cũng vì cá tính, có lối hành văn tự do, phóng túng, không theo phép tắc trường quy, như nhiều tác gia biên khảo khác. Ví dụ Nguyễn Hiến Lê, là người đầu tiên ca ngợi Thiện, cũng là người tự học, mà cũng vì cá tính, đã có lối viết khác. Cả hai đều có nhiều tác phẩm ăn khách, nhưng đóng vai trò hoàn toàn khác nhau trong xã hội Miền Nam khoảng 1965-1970.

Thiện viết theo cảm hứng và sống hết mình với từng câu viết. Đặc biệt là Thiện sống vừa thiết tha vừa hờ hững : ăn khách một thời, thậm chí có độc giả sùng bái, anh không lấy đó là điều quan trọng. Tác phẩm Phạm Công Thiện đánh dấu một thời đại, nhưng bản thân tác giả không mấy quan tâm. Có tự hào thì cũng không phải thời thượng, mà tự hào - vì một lúc nào đó - mình đã sống tận cùng những điều mình viết, dù rằng sau đó, Thiện có viết khác đi hay ngược lại. Vì vậy, trước những tác phẩm dồi dào, người đọc khó nói đến một « sự nghiệp » Phạm Công Thiện hay một Phạm Công Thiện « triết gia » vì tư tưởng không thành hệ thống. Cuộc đời bồng bềnh của Thiện cũng góp phần soi sáng điều này, như « đi cho hết đêm hoang liêu trên mặt đất ».

Phạm Công Thiện nổi tiếng về nhiều câu văn khẳng định, chắc nịch, có khi quá kích hay quá khích, nhưng bản thân anh là khách hoài nghi. Từ đó, nói về anh, viết về anh là việc khó, như đưa dòng suối vào chai thì cũng là nước suối đầy thôi, nhưng một triệu chai không làm sống lại con suối. Chỉ nên dành cho Thiện một kỷ niệm, chút tình cảm, và niềm suy nghĩ, vậy là đủ.

Cuốn sách văn học đầu tiên trong đời tôi được đọc, lúc 15 tuổi, là cuốn Việt Thi của Trần Trọng Kim, dạy phép tắc làm thơ. Và bài thơ thất ngôn tứ tuyệt được dùng làm chuẩn về niêm luật là thơ Bùi Kỳ :

*Tôi cùng bác quen nhau đã lâu,  
Khi thơ lưng túi rượu lưng bầu.  
Trời đất thương tôi, tôi ở lại,  
Non sông nhớ bác, bác đi đâu ?*

*Bệnh viện La Reine Blanche  
12.3.2011*

## Bay về một sợi tóc

Dưới kia, ồ, khói bay, mờ quá, không thấy gì nữa. Trên đầu nó, tiếng kêu của một chim trắng rớt ngay vào hai lòng bàn tay. Mười ngón tay móc vào nhau, chụm lại, bóp nát tiếng kêu của con chim trắng. Gió đẩy sương mù ra ngoài kè biển. Lòng biển vệt hai ra, một ngách đen chạy dài gần tới rún.

- Mai này, tôi sẽ đi về hướng kia.
- Không.
- Ở lại chứ?
- Không.
- Tôi không bao giờ hiểu anh muốn gì.
- Tôi hiểu gió, tôi hiểu đá, tôi hiểu những con kiến.
- Những con kiến của quá khứ anh?
- Đừng lãng mạn.
- Tại sao sợ?
- Trắng?
- Dạ.
- Có cái gì trắng trong tên của cô?
- Không hiểu.

Về hướng tây, có cái gì trắng nổi lên trên mặt nước, ồ, khói bay, mây vàng đi nhẹ vào mặt nước ngày đó, cuối bãi một rừng quít đỏ, không phải, đó là một rừng mộng đỏ mà mỗi chiếc lá trên cành là mỗi một giấc mộng gửi lại trên ghềnh đá mười triệu năm trước.

- Mỗi chiếc lá là một giấc mộng đỏ gửi lại trên đầu ghềnh.
- Đừng lãng mạn.
- Tại sao không?
- Trắng?
- Dạ.
- Có cái gì trắng trên tên của cô.

Trên kia, ô kia, không khí thủy tinh, một trăm con ngựa phóng vào mặt trời, cánh đồng xanh trở mạ non, trời ơi, có cái gì trắng hay vàng trên kia, tôi đang điên hay tôi đã chết rồi, tôi đang nói chuyện gì với ai đó, tôi nghe tiếng nói, tôi nghe tiếng trả lời, không phải tôi đã tắt thở vào đêm qua hay sao? Không phải người ta đã vượt đôi mắt tôi cho khép kín? Hẳn đã chết từ đêm. Một người nói như thế. Tôi còn nhớ, tôi vẫn còn trí nhớ. Không. Tôi không chết, tôi chết, tôi đang bay, tôi, tôi, tôi, không phải tôi bay, mà một người bay, không phải một người bay, không, một cái gì vàng đang bay, không, một sợi tóc, không, không phải một chấm đen đang bay, không, không, không phải, không có cái gì bay cả, một hơi thở đang bay, không, ồ, khói bay ồ, mờ quá, à ơi, xin ru chim trắng, à ơi, xin ru mây vắng, một rừng mộng đỏ, ôi, những ghềnh đá, ôi thôi, biển đen, có cái gì đỏ nổi trên gió.

- Hôm nay tôi sẽ đi về hướng kia.
- Không.
- Về hướng kia, kia kia, về nơi kia, nơi chấm đen kia.

- Đâu?
  - Đó, chấm đen kia.
  - Nốt ruồi đen.
  - Về hướng nốt ruồi đen kia.
  - Đâu rồi?
  - Một nốt ruồi đen.
  - Đâu?
  - Hôm nay tôi sẽ đi về hướng kia, đi về nốt ruồi đen nơi cánh tay cô.
  - Đâu?
  - Nốt ruồi đen nơi lưng cánh tay.
  - Có đâu?
  - Cô hãy đưa thuốc lên môi.
  - Sao?
  - Cô hãy đưa điều thuốc lên môi.
  - Tôi không hiểu.
  - Khi cô đưa thuốc lên môi thì lưng cánh tay cô sẽ phô ra một nốt ruồi đen.
  - Ô, điều thuốc đã tắt lửa.
  - Tôi sẽ đi về hướng kia, nơi nốt ruồi đen trên lưng cánh tay cô.
  - Đừng lãng mạn.
  - Vàng?
  - Dạ?
  - Có cái gì vàng trong tên của cô.
  - Không hiểu.
  - Cô thấy gì trong lòng tay tôi?
  - Một sợi tóc đen dài.
  - Nằm giữa những đường chỉ tay của định mệnh.
  - Một sợi tóc rớt lại.
  - Trong gian phòng tôi, trên bàn viết của tôi, một sợi tóc đen dài rớt lại, khi cô ngồi đó; rồi khi cô đi về thì sợi tóc đen ấy còn ở lại với tôi.
  - Không có gì ở lại trên đời này.
  - Có.
  - Cái gì?
  - Sự chết còn ở lại trên đời này.
  - Tôi không hiểu.
  - Khi tôi chết thì tôi sẽ đi về hướng nốt ruồi đen trên lưng cánh tay cô.
  - Bằng một sợi tóc còn rớt lại.
  - Và một màu trắng nổi lên ở hướng tây kia.
- Buổi sáng nổ vào khung cửa kính, nó ngồi dậy, đẩy cửa sổ ra và nhìn xuống đường phố, ồ, một sợi tóc và một chấm đen, một giấc mộng đỏ và một giấc ngủ vàng, tối đêm qua, khi ngồi uống rượu đỏ với Vĩnh tại quán cà phê ở ngay trạm métro nơi Place Jussieu vào lúc quá mười hai giờ khuya, khi những cơn bụi tuyết lấp trắng ngoài phố, hơi men bùng đỏ quán rượu vắng người, ngồi trên chiếc ghế cò trước quầy rượu, nó không muốn nói cho Vĩnh nghe về những nốt ruồi đen trên thân thể của người đàn bà, nhưng nó lại không im lặng và không để cho Vĩnh kể cho nó nghe về một màu vàng nào đó của Vermeer ôi, ô kia, “những cơn tuyết rơi đầu tiên của mùa vắng mặt”,<sup>[1]</sup> hấn lặp lại cho Vĩnh nghe một câu thơ của tác giả tập *Amers*.<sup>[\*\*]</sup>
- Mà cứ ở lại Paris, đừng đi đâu khác.
  - Tao không thể ở lại được, tao phải đi.
  - Tùy mày quyết định, nhưng tao bảo mày cứ ở lại.
  - Tao không ở yên chỗ nào cả.
  - Thằng Moscovitch vừa chết, đã chôn rồi.
  - Tao đã biết tin ngày hôm qua, mày đưa tao đến nghĩa địa thăm nó.

- Chiều mai mày đến Malesherbes chờ tao ở quán rượu thường lệ, tao sẽ đưa mày đến Garenne-Colombes thăm mộ của nó, con Anna khóc quá, tao với thằng Tín có đưa đám táng nó.
- Hôm nào, rồi tao sẽ đưa đám táng mày.
- Sau khi đưa đám táng của nó rồi, tao uống rượu say cả đêm, tao thấy tao sẽ đi trên con đường của thằng Moscovitch.
- Mấy bức tranh của nó, không ai còn nhớ.
- Không ai được quyền nhớ, không ai được quyền nhìn, nó hãnh diện kín đáo, lúc nó còn sống, nó không để cho ai nhìn thấy những bức tranh nó vẽ.
- Nó cũng giống như mày, cao ngạo ngầm.
- Mày uống thêm một ballon rouge nữa.
- Garçon, deux rouges...
- Et un demi...

## Phạm Công Thiện, ông là ai? Nguyễn Mạnh Trinh

Phạm Công thiện, ông là ai? Có nhiều người đã hỏi như thế. Triết gia? Thiền sư? Thi sĩ? Văn sĩ? Hay là một người lang thang rong chơi trong cuộc đời? Hay là nghệ sĩ với ước vọng thành một tài năng lớn của thế giới? Hoặc là một người đang trong cơn mộng du suốt cả đời? Vào những năm thập niên 60 ở Sài Gòn, Phạm Công Thiện xuất hiện như một hiện tượng. Sách vở của ông đã được đón đọc nồng nhiệt và trong giới sinh viên học sinh đọc sách của ông là một thời thượng. Họ thích nói về “Ý thức mới trong văn nghệ & triết học”. Họ tán thưởng “Ngày sinh của rắn”. Có người thú nhận thích đọc ông dù chẳng hiểu bao nhiêu. Và trong cái gọi là “họ” ấy có tôi. Một cậu sinh viên mê sách vở và tràn ứ mơ mộng lãng mạn. Lúc đó, tôi đã nghĩ Phạm Công Thiện là một người viết phê bình như viết tùy bút và viết tùy bút như viết bằng thơ. Tóm lại, với tôi, ông là một thi sĩ dù ông làm thơ không nhiều lắm. Đọc lại những bài viết về những nhà thơ của ông, tôi thấy điều đó tới bây giờ vẫn còn chính xác. Ông viết về thơ với cả tâm hồn mình, và với những thi sĩ, ông cũng đồng cảm trong cái chia sẻ không cùng của những sợi đàn rung cộng hưởng vì chung tần số. Tôi đọc thử một đoạn viết về Cung Trầm Tưởng để dẫn tới thơ tình yêu của Appollinaire. Những trang sách cũ đã ố vàng của “Ý thức mới trong văn nghệ và triết học”.

“... Tôi ngạc nhiên. Tim tôi máy động. Cung Trầm Tưởng là ai mà làm thơ tài hoa vậy. Tôi mơ màng. Tôi hình dung những chiếc lá rơi. Tôi nhìn thấy dòng sông Seine lững lờ trôi chảy. Kia là tả ngạn River Gauche... Kia là đường phố Aumont - Thieville và L' Avenue des Ternes... Kia là những quán cà phê và những kẻ tử chiếng giang hồ... Kia là cầu Mirabeau... Kia là mùa thu mưa rơi... kia là Pont Neuf. Ôi. Paris. Souvenir. Souvenir. Remember to remember...

Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến Appollinaire. Ừ, chỉ có Appollinaire mới có những dòng thơ bất tuyệt để làm sống lại Paris. Nói đến Paris là nói đến Kỷ Niệm, là nói đến Nghệ sĩ, là nói đến tình yêu và tuổi trẻ. Paris là thành phố của những kẻ tử chiếng giang hồ, của những clochards, của những femmes de joie, của những Henry Miller, những Hemingway, những Gertrude Stein, những Picasso, những Appollinaire...

*Mùa thu nơi đâu*

*Người em mắt nâu*

*Tóc vàng sợi nhỏ*

*Mong em chín đỏ trái sầu.*

Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến Appollinaire:

*J'ai cueilli ce brin de bruyère*

*L'automne est morte souviens-t'en*



*Nous ne nous verrons plus sur terre  
Odeur du temps Brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t'attends*

Cũng vào mùa thu, Cung Trầm Tử ở ngắm chờ người yêu "kiên khổ phút giờ" và "chín đỏ trái sầu" ngắm chờ mong đợi như Appollinaire đã ngắm chờ mong đợi giữa hương thời gian và mùi lá cỏ

*Odeur du temps Brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t'attends*

Trời đã tối hẳn rồi. Tôi bước vào giường nằm ngủ, mắt nhắm lại, những dòng thơ của Hàn, của Cung, của Appollinaire chan hòa thướt tha đưa tôi vào giấc ngủ triền miên...

Viết về thơ, theo như Phạm Công Thiện không phải là phê bình xếp loại mà phải là ca tụng khen ngợi thơ. Ông khẳng định "Nói đến Thơ không khác gì nói đến Thượng Đế. Phê bình Thơ là làm việc phạm thánh là blasphème.

*Những thi sĩ không phải là loài người họ là những Thiên Thần, những thánh hoặc những quỷ ma. Nếu ta không chấp nhận họ được thì ta phải im lặng; còn nếu chấp nhận họ thì ta phải ca tụng cho hết lời. Ta không được quyền có thái độ của học giả hoặc giáo sư hoặc nhà phê bình. Phải giết hết những nhà phê bình để cho Keats sống, để cho Chatterton đừng chết lúc mới 18 tuổi xanh.*

*Anh không thể cảm thơ của người ta thì anh hãy im lặng; còn nếu cảm được thì anh hãy thiết tha ca ngợi, đừng e dè giữ gìn gì cả. Không nên có những nhà phê bình thơ mà chỉ nên có những kẻ ca tụng thơ. Thơ là của riêng từng người; không có ai làm thầy ai cả. Phê bình văn nghệ ư? Buồn lắm..."*

Thi sĩ ca tụng thi sĩ? Đúng quá rồi. Và trong cái bí nhiệm như của một tôn giáo, thi ca đã làm cho chúng ta luôn luôn mơ mộng và suy tư.

Như khi nhìn những con sông cạn cạn của quận Cam...

Không hiểu sao mỗi lần lái xe đi ngang qua những con sông cạn ở thành phố Westminster hay Santa Ana tôi lại thấy bồi hồi. Có một liên tưởng nào từ lòng sông trắng xi măng ở giữa chơ vơ một dòng nước chảy nhỏ nhoi cạn cạn. Cái cảm giác của thiên nhiên bị khuất phục ấy của một dòng nước mùa nắng nhắc tôi tới nguồn nước ào ào sục sôi sau những cơn mưa. Một thi sĩ đã viết :

*"Ừ, ta bây giờ như sông cạn  
Nước vũng làm sao thành biển khơi  
Chí lớn dựng không thành chuyện vãn  
Mím cười còn mắt chuyện muôn đời..."*

Có hay không, cái tượng hình của Dịch Kinh, hà trung vô thủy? Sông mà không có nước, có phải là sông không? Hay chỉ là gợi ý tới những đi mà không đến. Một câu thơ của Seamus Heaney, thi sĩ giải Nobel văn chương năm 1995 trong thi tập The Haw Lantern, chỉ có hai câu :

*"The riverbed, dried up, half full of leaves.*

*Us, listening to a river in the trees.*

*(Lòng sông, cạn khô, một nửa phủ đầy những chiếc lá*

*Cho chúng ta, đang lắng nghe một dòng sông chảy trong cây)*

Thi sĩ Phạm Công Thiện đã viết như sau về hình ảnh sông cạn rất thơ mộng này mà chúng ta nhiều khi ít quan tâm khi ngang qua trong nhịp đời hối hả mỗi ngày :

*"... Tiếng nói của thơ là dòng nước tuôn chảy bất tận, dù lòng sông có cạn khô chẳng nữa thì hồn sông vẫn chảy mãi trên cao... Sông đang chảy trên cây và trong cây lá, và sự lắng nghe ở đây đã nhập lưu (sơ ư văn trung / nhập lưu vong sở), không phải chúng ta lắng nghe dòng sông mà chính dòng sông đã chảy vào trong thi nhân, lòng sông khô cạn ở dưới đã nhập vào con sông chảy trên cây; lòng sông khô cạn nửa đầy những chiếc lá thả hồn rạo rạo với sông lá trên cao (Hồ Dzếnh: "có một nghìn cây rũ rượi buồn / Một nghìn sông rét vạn hoàng hôn. Vũ hoàng Chương "Đáy sông bùng dựng Lâu Thơ? Giấc mơ Hồ Điệp chẳng mơ cũng thành"... Tại sao phải làm thơ? Tại sao phải lắng nghe một lần như chưa từng biết nghe trọn đời? Tại sao phải*

*nhìn thấy được một lần duy nhất như chưa từng biết thấy bao giờ? Thi nhân đã một lần nhìn thấy; còn chúng ta thì hãy lắng nghe một dòng sông chảy bất tận trong rặng cây rào rạt chiều hôm nay... “*

Phạm công Thiện khi viết về kỷ niệm với nhà văn Võ Hồng, trong tập thơ Ngày Sinh Của Rắn có hai câu thơ, tả cảnh mà tả tình, đẹp một cách đơn giản như phong vị của những câu Hai-Ku:

*“Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn  
Cây khế đời cao trở hết bông”*

Và, hình như từ hai câu thơ này, Võ Hồng đã viết truyện ngắn “Hoa khế lưng đời” như một cách thể đáp tạ người tri kỷ.

Trong một lá thư gửi cho tác giả “Hoài Cổ Nhân”, thiền sư thi sĩ họ Phạm viết:

*...”Anh V.H. ạ, anh có cần gì phải thuyết giảng philo? Tất cả những trang văn anh, những trang văn rất từ tốn khiêm nhượng kia đều tiềm tàng những tư tưởng triết học rất sống. Nó cao hơn philo nữa, bởi nó là sagesse của quả tim.*

*Và một Triệu trang giấy Triết Học cũng không đáng giá bằng một tiếng đập của con tim. Anh có nghe rõ chưa? Tôi muốn hét to lên như vậy.*

*Anh có nghe tim con người đập trong những trang “Xuất hành năm mới”, trong “Trận đòan hòa giải”? “Xuất hành năm mới” còn cảm động muôn vạn lần hơn những chuyện mà người ta cho rằng buồn nhất! Những đứa nhỏ Hằng, Hào, và Thủy trong “Xuất hành năm mới” và “Trận đòan hòa giải” là những hình ảnh đau thương nhất trên đời, là những hình ảnh tượng trưng cho tất cả những đứa trẻ ở trần gian này...”.*

Phạm Công Thiện tâm sự như thế, dù trong ngôn ngữ của ông có một chút gì hơi phẫn khích nhưng cũng khá thành thật.

Phạm Công Thiện là một khuôn dáng văn chương rất có ảnh hưởng với những lớp sinh viên học sinh ở miền Nam của thập niên 70, 80. Thời gian ấy, những cuốn sách như “Y Thức Mới trong Văn Nghệ và Triết Học”, “Hố Thẳm của Tư Tưởng”, “Ngày Sinh của Rắn”, ... là những cuốn sách cầm tay của giới trẻ. Từ tác phẩm của ông, mở ra nhiều những cánh cửa. Trước hết, ông là một người sáng tạo nhiều suy tư về cái Mới, về những ngã đường có thể khá lạ lùng đến khi kỳ dị nhưng hấp dẫn. Văn học sẽ phải có những thay đổi, nhất là trong hoàn cảnh một đất nước chiến tranh như Việt nam. Ngay cả khi làm thơ, thi sĩ như người của hành tinh lạ lạc đến, với ngôn từ khá lạ lùng như đoạn VI của tập “Ngày Sinh của Rắn”

*“tôi chấp chới  
đăng giong  
giữa tháng ngày mơ mộng  
nốt ruồi của hương  
hay nốt ruồi của rigvéda  
tôi mưa máu đen  
trên nửa đêm Paris  
tôi giao cấu mặt trời sinh ra mặt trăng  
tôi thủ dâm thương để sinh ra loài người  
cho quế hương nằm ở nhà thương điên của trí nhớ  
mặt trời có thai!  
Mặt trời có thai!  
Sinh cho tôi một đứa con trai mù mắt “*

Nếu bảo giải thích từng câu từng chữ thì có lẽ chính cả tác giả cũng lúng túng. Thơ là những hình ảnh rải rác, thoạt tưởng không liên quan với nhau nhưng trong trình tự cảm nhận lại có một ý nghĩa nào len vào bất chợt những liên tưởng. Có người cho rằng những từ ngữ như thủ dâm thương để, giao cấu mặt trời, mặt trời có thai,,, tạo ra cảm giác tức thì với hình tượng có hơi dung tục ấy. Đó là một cảm nhận. Nhưng, ngay ở thời điểm bây giờ, đọc lại câu thơ, chúng ta vẫn có thể bắt gặp được nét khai phá một cách rõ ràng. Thơ là một cái gì, khác thường lắm, có lúc rất gần cận cuộc sống mà có lúc lại xa nghìn trùng...

Tôi nhớ có lần nhà thơ Phạm Công Thiện nói chuyện với tôi về kinh nghiệm đọc thơ của ông. Lúc ấy, đêm đã khuya và ông có ngôn ngữ của một Lưu Linh đang trong cơn đồng thiếp. Ông đọc thơ Pháp, thơ Anh, thơ La tinh, thơ Việt Nam tiền chiến và hiện đại. Đọc xong rồi bình, hình như văn chương đã lôi ông vào một cơn mộng.

Nói về kinh nghiệm để có thể tiếp cận với thơ, ông đọc một bài thơ thật nhiều lần và sau mỗi lần đọc như thế đều tìm ra những cảm nhận khác nhau. Cảm nhận ấy bắt nguồn từ giây phút rất thiêng liêng để con người bắt gặp được những sáng ngời lộng lẫy. Sự kiện ấy James Joyce đã gọi là “a sudden spiritual manifestation” (biểu hiện tâm linh bất ngờ) hay “epiphany” (sự linh hiện). Tương tự, như Xuân Diệu : “phát phơ hồn của bông hường / trong hơi phiêu bạc còn vương máu hồng / nghe chùng gió thoảng qua song...” “đó, chính là hồn của thơ, của những giây phút linh hiện mà chỉ có những người tài tử cảm nhận được.

Ở Phạm công Thiện, cái chất thơ đã thành nét đặc thù tinh tế cho văn chương ông. Viết khảo luận, ông mang cái kiến thức rộng lớn tích tụ từ sách vở cùng với hồn thơ để thành những bước đi lãng mạn vượt qua những khô khan câu thúc. Là một triết gia, cái nhận thức để thành những trang giấy cũng có chút thi ca bồng bềnh vào để thành một triết gia thi sĩ. Cái chất lãng tử trong văn chương là một nét thấy rõ. Phạm Công Thiện viết :

*“... tất cả đời sống vẫn xuôi tề nhạt, những công thức, những danh vọng, những khuôn mòn lối cũ, những địa vị xã hội, những mẫu mực khuôn xếp đã thụt lùi ra đằng sau, chỉ còn lại nước chảy của dòng sông và mây chiều của đại dương: mây ở trên cao trôi dưới dòng nước rong rêu của khe biển nhỏ. Thi nhân từ bỏ tất cả lại đằng sau lưng và bước tới trước băng qua cây cầu gỗ mong manh...”*

Viết về thơ Seamus Heaney, nhưng trong dòng chữ có cảm khái riêng của một người mà thi ca đã thành máu xương da thịt cho đời sống. Viết những cuốn sách triết học giữa hồn thơ lai láng, cũng giống như viết những trang tùy bút mà chữ nghĩa đã thành những trân trọng nâng niu nhất. Cầm cây bút trong trạng thái tuy phong trần từng trải nhưng vẫn còn sót nét ngây thơ của một người tin tưởng vào những điều nghĩ rằng cần phải tìm kiếm được bằng suy tưởng. Với đời thường, ông sống như lạc lõng bất kể. Nhưng với văn chương, ông là người tinh tế và có can đảm rũ bỏ tất cả để đi lại những bước khởi đầu.

Nhà thơ Nguyễn Sa đã có bài thơ vẽ lại chân dung của một nhà thơ tiêu biểu cho một phong cách sống đặc biệt của một người cũng đặc biệt trong một thời kỳ văn học mà sự khao khát những phương trời mới những vóc dáng mới đã thành động lực mạnh mẽ cho sáng tạo. Bài thơ “Nói chuyện phải quấy với Phạm Công Thiện:

*“Người vào tịnh thất sống ba năm  
cất tiếng không lời để nói năng  
buổi sáng thỉnh không chiều tới chậm  
tiền kiếp chen vô cạnh chỗ nằm  
Ta muốn cùng người một tối nay  
Đầu sông uống rượu cuối sông say  
Người từ trên núi ta từ biển  
Từ giấc mơ nào đã tới đây  
Dưới bóng tường im, giữa nhạc không  
Đời như phía trước bỗng mông lung  
Thơ như hữu thể mà vô thể  
Có cũng xong mà không cũng xong  
Sáng dậy ta nhìn tục lụy ta  
Những đi không tới đến không ngờ  
Xóa luôn thì dứt nhưng tâm thức  
Kinh Pháp Hoa nào dậy cách xa?  
Trong chín ngàn âm có hải triều  
Còn thêm một kiếp nữa phiêu lưu*

*Này người bỏ sóng sang thuyền tĩnh  
Nhớ đứng chờ ta ở cõi siêu..."*

Nhưng không phải tất cả thơ ông chỉ chuyên chờ ý tưởng. Mà, còn chuyên chờ cảm giác nữa. Thơ để mang tới những giây phút linh hiện, để người đọc thơ và làm thơ một giây phút tình cờ nào đó gặp nhau trong giao thoa cảm xúc. Có một bài thơ trong tập thơ mỏng về số trang nhưng dày về ý tưởng, Ngày sanh của rấn, VIII, có những hình ảnh nối liền nhau để thành một chuỗi sinh động liên tưởng luôn biến dịch. Gió, như một cuộc hành trình đi qua đồi tây, đồi đông, đi qua những chặng thời gian tưởng gần như một sát na nhưng dài vô tận. Thế mà, trong cái lãng đãng tâm thức ấy, ngôn ngữ nhẹ nhàng như một hồi tưởng để níu kéo cảm nhận của người đọc trong một cảnh giới mơ hồ :

*"Mười năm qua gió thổi đồi tây  
tôi long đong theo bóng chim gầy  
một sớm em về ru giấc ngủ  
bông trời bay trắng cả rừng cây  
Gió thổi đồi tây hay đồi đông  
Hiu hắt quê hương bến cỏ bông  
Trong mơ em vẫn còn bên cửa  
Tôi đứng trên đồi mây trở bông  
Gió thổi đồi thu qua đồi thông  
Mưa hạ ly hương nước ngược dòng  
Tôi đau trong tiếng gà xơ xác  
Một sớm bông hồng nở cửa đông"*

Với suy nghĩ của tôi, Phạm công Thiện là một thi sĩ nghệ sĩ. Không phải là cung cách một phù thủy chữ nghĩa hoa tay bùa chú vào hư vô để thành một văn phong khúc mắc khó hiểu. Mà, là một người ôm tất cả những rộng khắp vào lòng và đi vòng quanh để tìm chân lý. Cái tâm thức vốn tịch lặng của một người thâm cứu Phật Giáo pha trộn vào ý thức muốn nổi loạn phá bỏ cung cách cũ khiến văn chương trở thành một hành trình của một người luôn xông tới dằng trước và không dừng lại. Trong đời sống, phong cách du tử, làm những điều mình thích khiến ông thành một người luôn thấy đêm ngày là hoang vu...

Trần Tuấn Kiệt trong một bài viết trong "Tác Giả Tác Phẩm", xuất bản cách nay gần bốn chục năm, cũng nói về chân dung người thi sĩ rất mực nghệ sĩ này:

"Sin ngày 1-6-1941 tại Mỹ Tho. Trong gia đình, Thiện là người anh cả "Người anh không giúp ích gì được cho gia đình, nhìn thấy mọi người cha mẹ em út đang lâm vào cảnh sa sút túng bần. Mà mình thì lặn đạn lao đao chẳng giúp ích được gì."

Đó cũng là một lý do, khiến có lúc Thiện bỏ đi tu ngoài Nha Trang. Thiện đã có lần cùng chúng tôi đem bán từng va ly "Anh Ngữ Tinh Âm" của anh soạn để lấy tiền ăn bánh mì trong những lúc đói rách nhất. Mặc dầu lúc đó báo Phổ thông và Dân ta của Nguyễn Vỹ bán chạy, lương của Thiện trên mười lăm ngàn (bằng khoảng 150 ngàn đồng bây giờ mỗi tháng) tiền lãnh ra, Thiện đem uống rượu say rồi gọi tất cả đám trẻ nít đánh giày, các bạn bán báo nghèo đói lại phân phát tất cả cho chúng trong một khắc đã hết sạch. Qua ngày hôm sau, kiểm lại vài chục ống cà phê là sự thường..."

Có người cho ông là thần đồng, soạn "Anh Ngữ Tinh Âm" lúc 16 tuổi. Có người cho ông là một triết gia, tư tưởng gia luôn luôn vật vã với suy tư. Có người cho ông có hiểu biết rộng, thông hiểu nhiều ngoại ngữ. Có người cho ông là một người đọc sách chuyên cần với óc thông minh và nhớ lâu không quên. Cũng như có người gọi ông là lãng tử, là một người thích gì làm nấy và luôn miệt mài trên con đường đọc hành tìm kiếm những điều bất khả trong cuộc sống...

Với tôi, ông là một thi sĩ và là người viết về thi ca mà tôi yêu thích. Dù, ông "đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất" để tìm "ý thức mới trong văn nghệ và triết học" qua "hồ thẳm của tư tưởng" để "ìm lặng hồ thẳm" và, cứ thế hành trình...

## Nỗi cô đơn của Hoài Khanh

*Thôi nước mắt đã ghi đời lên đá  
Và cô đơn đã ghi dấu trên tay*

Chiều ba mươi Tết, sương mù xuống nhiều, hai người lang thang trên mấy nẻo đường của Đà Lạt... Hoài Khanh bỏ Biên Hòa và lên Đà Lạt ăn Tết với tôi. Bạn bè dăm đứa hắt hiu cuối trời... Hôm đó, tôi đi vắng. Hoài Khanh bơ phờ đứng chờ tôi. Vừa bước về nhà, chợt thấy Khanh, tôi rưng rưng ôm anh mà hôn... Xa nhau bao ngày, bây giờ lại trùng phùng nơi cảnh trời thơ mộng vào ngày cuối năm. Ngày trước khi chia tay nhau chúng tôi có ngờ đâu lại gặp nhau trong một khung cảnh thiên đàng, giữa mùa hoa đang đua, dưới bầu trời đầy mây trắng lê thê trong hơi xuân mơ hồ của Đà Lạt. Chúng tôi dẫn nhau lang thang trên những đường phố tối tăm nhất, lắng nghe tiếng chó sủa và lắng nghe tiếng lòng mình rạo rức đau khổ vì quá bơ vơ, vì quá lạc lõng giữa sa mạc loài người. Người này nắm tay người kia, dắt nhau đi lê thê như hai người mù đi xin ăn giữa phố chợ: chúng tôi đi ăn mày một chút tình thương giữa con người, một chút giao cảm, một chút động lòng, một ánh lửa ấm áp giữa đêm lạnh nhất và đen tối nhất của ngày cuối năm. Người ta chết và không hạnh phúc.

Cuộc đời đã quá nhiều ngộ nhận. Đêm ba mươi Tết không mưa. Chúng tôi nhắc đến những người bạn khác, nhắc đến... Mỗi người bơ phờ ở mỗi góc trời, ôm một nỗi lòng tha thiết, nồng nàn dâng trọn hồn mình cho đời.

Hoài Khanh ở với tôi được vài ngày, rồi không hiểu sao, tôi lại đuổi Khanh về Biên Hòa... Tôi chịu anh không được. Ngày anh đến, tôi hôn anh. Ngày anh đi, tôi muốn anh đi cho phứt mắt. Mấy ngày anh ăn Tết với tôi ở Đà Lạt, anh chỉ im lặng và ít nói. Chúng tôi thương nhau lắm. Thế mà chỉ nhìn nét mặt của anh và chỉ nghe sự im lặng của anh, tôi kinh hoàng đi. Tôi muốn đuổi anh đi ngay, tôi muốn đuổi một hình ảnh hãi hùng: tôi muốn được thanh bình trong tâm hồn trong những ngày này. Bởi vì đây là hình ảnh bi đát của Đời, của con người, của một kẻ bị đày giữa bãi đất hoang tàn của nghĩa địa trần gian. Nhìn nét mặt Khanh, tôi thấy sự Chết, tôi thấy Bệnh hoạn, Đau khổ, Quằn quại, Ray rứt, Xao xuyến, Hãi hùng, Hoang liêu, Cô đơn; tôi thấy sự Chiến bại, sự Thất vọng của con người. Nghe sự im lặng của Khanh, tôi cảm thấy Thượng đế, tôi cảm thấy Quỷ ma, tôi cảm thấy Tiếng nói của một ngàn đêm, hai ngàn đêm, triệu ngàn đêm, tiếng nói của muôn triệu ngàn đêm vọng về hiu hắt trong lòng nhân thế. Tôi không muốn nghe, cũng như bao nhiêu người khác cũng không muốn nghe, bởi vì đó là tiếng nói của sự thật: Tiếng nói của giòng sông vạn ngàn năm chảy trôi về biển. Giòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù...

Tôi muốn trốn thân phận con người, tôi không muốn nhìn hình bóng lẻ loi của một kẻ bị đày ở cuối trời miền viễn... Tôi lẩn trốn vì thấy mình không thể... Không thể được. Không thể trốn. Chỉ còn có cách tự tử như Hemingway trong một cơn khủng hoảng thác loạn. Nếu không làm thế thì đứng lại mà trừng mắt ngó nhìn nét mặt Khanh, lắng nghe sự im lặng của Khanh và đừng chạy trốn nữa.

Thế rồi cách đây một tuần, lúc về Sài Gòn, tôi có ghé lại Biên Hòa để gặp Khanh. Khanh chỉ ở một mình, trong một căn nhà tồi tàn, tôi nhìn lên vách và gặp những bức tranh của Michel Ange, của Van Gogh và Picasso, những bức ảnh của Pasternack, Evtushenko, Salinger, Hemingway và Camus, rồi tôi nhìn Khanh. Bỗng nhiên, tôi thấy tất cả sự vật ngừng lại, cả thế giới đứng lạng lờ và Hoài Khanh cũng đứng lạng lờ như một bức ảnh treo tường; tôi bay ra ngoài thế giới này và có cảm tưởng như là một hồn ma trở về viếng lại thế giới loài người, ngắm lại những hình ảnh bất di dịch của con người giữa dòng đời trôi chảy và trong một thoáng giây, tôi lắng nghe được tiếng nói miên man của sự im lặng đưa vọng ra từ đôi môi bất động của những bức ảnh kia và bỗng nhiên tôi thấy sống lại và không còn là hồn ma nữa, tôi nhìn mấy ngón tay, nhìn lại người mình đã mang lại xác người và tôi nhìn lại Hoài Khanh, tôi thấy anh không còn là bức

ảnh nữa. Anh cũng cử động như tôi và anh mở miệng cười. Tôi cũng mở miệng cười, nụ cười của một con người mà linh hồn vừa mới thoát ly ra thể xác .

Đà Lạt, ngày 26 tháng 4 năm 1962

(Bài viết trên đây là lời nói đầu cho tập thơ *Thân Phận*, Hoài Khanh, nxb Ca Dao, 1962.

Bản đánh máy do nhà thơ Chu Ngạn Thư thực hiện.

Đăng lại với sự cho phép của tác giả Phạm Công Thiện)

## Mấy tưởng khúc vớ/về Phạm Công Thiện Bùi Vĩnh Phúc

Phạm Công Thiện đã ra đi. Tôi muốn ghi lại ở đây một chút kỷ niệm và gắn bó mà chúng tôi, ở một giai đoạn nào đó, trong đời, đã có với nhau. Những kỷ niệm có thể đơn sơ, nhưng vẫn là những ngọn lửa cháy. Mềm mại đở. Và bền bỉ.

Có những chữ vừa viết xong, sau khi biết anh đã lên đường. Có những chữ đã viết, đã chia sẻ với nhau từ thật nhiều năm trước. Tôi gom lại ở đây, như những *tưởng khúc*, gửi cho chàng tuổi trẻ, một-chàng-tuổi-trẻ-muôn- đời trong trái tim thơ mộng của mình, như một chút chia sẻ cho cuộc lên đường đi theo những bè mây trắng của chàng, hôm nay.

Xin giã biệt.

BVP

(10 tháng III, 2011)

. I .

Phạm Công Thiện thân mến,  
Anh lại vừa lên đường rồi, phải không? Lại làm một màn *somnambule ballad* mà anh từng thách tôi dịch ra tiếng Việt theo thể điệu của Federico García Lorca. Và tôi đã dịch cái tựa đề này thành "*Rong khúc mộng du*". Bây giờ thì chính anh lại đang thực hiện một cuộc đi chơi rong đầy tính cách mộng mị như vậy!

Nhớ những lần chúng ta cùng nhau đi thư viện mượn sách về đọc. Cả hai khệ nệ bê hai chồng sách cao nghệu ra xe, ngất ngưỡng đi bộ trên con đường có cỏ mọc um tùm hai bên. Và cũng có mấy con bướm non thơ thẩn tung cánh trên cỏ hoa nữa. Y hệt như chúng mình. Nhưng chúng có thể khôn hơn bọn ta. Chúng đi tìm hoa chứ không đi lục sách như anh và tôi. Không biết chúng nó có thật là "những con bướm non" không? Thôi, hãy cứ nghĩ như thế cho đời có thêm chút thơ và mộng. Thì chúng ta lúc đó cũng đâu còn "non" gì nữa. Thậm chí chúng ta còn hay đùa và gọi nhau là "cụ". (Thoáng cái thế mà đã trên dưới 20 năm rồi!) Nhưng hạnh phúc của mình khi ôm đống sách ấy ra khỏi thư viện thì hẳn là vẫn đầy chất thơ dại. Lòng chúng ta lúc ấy không hề vướng... mùi tục lụy của trần gian, phải không? Buổi chiều ấy nắng vàng như sơn, sơn phết mềm mại trên những bờ tường thành phố, lên trên những lá cây, vỏ cây, thân cây, lên trên cả những mái nhà đen dũi cổ lỗ bám đầy rêu lục. Và lên cả những trái tim chứa đầy những nỗi niềm thơ mộng thiết tha.

Và rồi mặt trời hôm ấy đã rớt trên hồ nước sóng sánh hơi thu trước mặt anh và tôi ở Newport Beach. A, *Le soleil cou coupé*. Anh nói, nhớ lại một câu thơ loang máu hiện đại của Apollinaire. Một câu thơ tàn bạo trong hình ảnh và ẩn tượng, và xuất sắc trong diễn tả tâm trạng. Còn tôi thì nói, đó là một thứ "*L'Isolé Soleil*" của Daniel Maximin mang đầy âm điệu jazz ngẫu hứng. Cái tên tiểu thuyết này, "*L'Isolé Soleil*" cũng tạo một hiệu ứng âm học thật đặc biệt: những âm [l] chòng chành, lung linh sóng sánh, bọc lấy những âm [z] (trong "*L'Isolé*") và [s] (trong "*Soleil*"). Nó tạo nên một ẩn tượng rung, một hình ảnh nhảy múa sóng sánh của mặt trời. Cuốn sách

chứa đựng bi kịch, huyền thoại, lịch sử, chính trị, v.v... của các đảo xứ vùng West Indies. Nhưng, trên hết, đó là âm nhạc. Mặt trời kia, nó đang sóng sánh trên dòng nước đỏ. Đó chính là một sự điên dại dịu dàng. Và chúng ta cùng cười phá lên vì những liên tưởng đầy chất man dại của mình.

Mây vẫn đang bay ngổ ngược trên trời. Và chim, quá nhiều chim, cũng còn bay xao xác trong màu chiều hồng thắm.

Tôi vẫn nhớ có những năm, vào ngày đầu năm mới, từ những chốn xa xôi nào, anh đã gọi điện cho tôi để nói những lời thăm hỏi đầu năm. Cám ơn anh. Chỉ là mấy lời thăm hỏi. Anh không nói gì về những quyển sách cũ của mình. Anh chỉ nói bây giờ tôi là một người làm vườn. Tươi nước, bắt sâu, và chơi với hoa lá. Dù sao, anh lừa tôi sao được! Tôi biết anh yêu cuộc sống mới của mình, anh yêu cả sâu bọ, vườn tược và lá hoa. Nhưng tôi cũng biết là anh vẫn còn thiết tha với những cơn mộng cũ. Lửa than vẫn còn đó, ngun ngún đỏ dưới những tàn tro kia. Bây giờ, anh lại lên đường một lần nữa. Thật như vậy sao? Tôi nhớ những quyển sách anh tặng tôi. Những quyển sách mà anh đã viết trong những cơn điên dại thơ mộng của mình. Hay đó lại chính là những lúc anh sáng suốt và hạnh phúc nhất. Những quyển sách mà anh đã đưa tận tay cho tôi với chữ ký tặng còn tươi mới, hay những quyển sách được anh gửi đến tận nhà từ những địa chỉ xa xôi. Có những quyển mới viết sau này, nhưng cũng có những quyển cũ đã viết từ những ngày xưa. Dù sao, tôi vẫn thường để chung chúng lại với nhau để, lâu lâu, lấy ra một quyển nào đó, và đọc lại đôi chỗ. Nhất là những quyển sách cũ. Để nhớ lại những ngày hoang tàn lửa khói. Và cũng để nhớ lại dịu dàng những mây gió trong đời.

Mây gió đã chảy qua đời ta, và khói lửa đã đốt sạch hết rồi những ngày tháng cũ. *Cháy và Chảy*, phải không? Cháy và Chảy đi tất cả những mộng寐, những thiết tha, những điên cuồng, những thơ dại của biết bao ngày tháng cũ. Cháy và Chảy đi tất cả những cánh chim và những bóng mây, những bông hoa thơ dại và những con bướm trắng, những bình minh vụt nở và những đêm tối lụi tàn. Cháy và Chảy đi đôi mắt lấp lóa nhìn đời để thấy đời sống chỉ là những gì nằm trong một chiếc kính vạn hoa vĩ đại. Và Cháy và Chảy đi trái tim lúc nào cũng ngun ngún những ngọn lửa say đời.

Bây giờ, tất cả sẽ chỉ là một chút *tịch tịch hồng hồng* còn sót lại.

Hãy lên đường, Phạm Công Thiện, như anh vẫn thường muốn ra đi như thế. Rồi chúng ta, mọi người và mỗi người, tất cả chúng ta đều sẽ có lúc phải nói với nhau những lời chia biệt. Nhưng chia biệt cũng chính là để gặp gỡ lại một ngày.

Bạn ơi,

Hãy lên đường với nụ cười hồn nhiên.

Và hãy nhớ mang theo với mình một chùm mây trắng.

Bvp

\* "Mặt trời bị cất cổ": câu cuối trong bài *Zone* của Apollinaire.

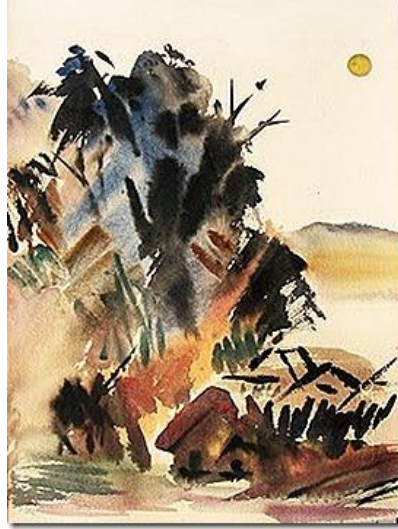
\*\* "Mặt trời đơn độc" (bản dịch tiếng Anh là *Lone Sun*) của Daniel Maximin, một nhà thơ, một tác giả tiểu thuyết và một tiểu luận gia, sinh tại Saint-Claude, Guadeloupe, vào năm 1947. Cùng gia đình di cư sang Pháp, học ở Sorbonne. Từ 1980 đến 1989 làm chủ biên văn học tạp chí *Présence Africaine*. Trở về Guadeloupe vào năm 1989, làm Giám Đốc Vùng về Văn hóa, và được phong tước hiệp sĩ *Légion d'honneur* vào năm 1993.

## . II .

Bài bên dưới được viết cách đây 22 năm. Phạm Công Thiện lúc đó còn đang ở tại thành phố Garden Grove, thuộc Nam California của nước Mỹ. Garden Grove, mà ông ví von giống như cái cái *holy grove* linh hiện ở làng Colonus, quê hương của thiên tài Hy Lạp Sophocles, "cái *grove* linh hiện, linh địa, nơi ông vua mù mắt ăn mày Oedipus được thần linh phù trợ tiếp dẫn đưa đi mắt, không dấu vết, lia bỏ cõi đời hiu quạnh." Biệt xứ và sang sống tại Pháp, từ đó cho đến khi làm cuộc ra đi vĩnh viễn, Phạm Công Thiện đã liên tục xê dịch và sống tại nhiều nơi



trên thế giới, đặc biệt ở Úc và Mỹ. Là một người không bao giờ lái xe, không bắt điện thoại, không dùng computer, và, dĩ nhiên, không sử dụng e-mail, trước khi mất, ông sống tại một tiểu bang ở nước Mỹ, hạnh phúc với việc làm vườn và đọc sách. Một thể sống cách ly với “xã hội văn minh” của loài người như thế làm cho ta nghĩ đến trường hợp của J. D. Salinger, tác giả của *The Catcher in The Rye* (Bắt trẻ đồng xanh).



*Yeachin Tsai, Splash Ink Landscape (Mực Tóe (thành) Phong Cảnh)*

Khi viết bài dưới đây lúc 22 năm trước, cũng như bây giờ, tôi nhớ lại những lần Phạm Công Thiện và tôi ngồi nói chuyện văn chương với nhau, những lần đi chơi chung, nhất là lần Phạm Công Thiện, Nguyễn Trọng Khôi (họa sĩ) và tôi ngồi trong một quán cà phê lúc gần hai giờ khuya cùng ca hát hạnh phúc. Quán gần như chỉ còn có ba chúng tôi. Nguyễn Trọng Khôi vừa đàn vừa hát. Anh hát thật hay và có thể lục. Anh hát Trịnh Công Sơn, như đã có những lần anh cùng đi hát với Trịnh Công Sơn như thế, “Lòng ta có khi tựa như vắng ai. Nhiều khi đã vui cười, nhiều khi đứng riêng ngoài. Nhiều đêm muốn đi về con phố xa. Nhiều đêm muốn quay về *xoè diêm đốt mái nhà*” (chữ nghiêng là do Nguyễn Trọng Khôi tự sửa ca từ của Trịnh Công Sơn: “Nhiều đêm muốn quay về *ngồi yên dưới* mái nhà”). Phạm Công Thiện thì lâu lâu hứng chí chỉ “hực lên” một vài câu, của một vài bài nào đó, theo cái kiểu của riêng ông... Bài này đã được viết trong những hồi tưởng đáng yêu đó. Về bạn bè. Nó cũng được viết với một số hồi ức thật đẹp mà tôi còn giữ được về tuổi trẻ của mình những ngày còn sống hạnh phúc và thiết tha tại Việt Nam. Khi viết *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*, Phạm Công Thiện ở vào tuổi 47. Khi viết bài dưới đây về Phạm Công Thiện và quyển sách này của ông, tôi cũng chỉ mới 36. Rất nhiều nước đã trôi dưới chân cầu và rất nhiều đám mây đã trôi qua đời ta. Khi bài này được đăng lần đầu trên tạp chí *Văn Học* ở Mỹ, Phạm Công Thiện đọc được và nói với tôi theo giọng của ông, “Bài này là một thứ *fire for fire*”. Rồi ông dịch luôn, “lửa đáp lửa”. Và ông bảo đây là bài viết của “một thi sĩ viết cho một thi sĩ” (sic). Nhiều năm sau gặp lại, ông vẫn nói là bài viết này đã giúp ông hiểu chính mình hơn. Đó là lời nói rất đáng yêu của tác giả *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*.

Tôi cho đăng lại bài này như một lời tưởng niệm Phạm Công Thiện và như một sự chia sẻ với độc giả khắp nơi về sự ra đi của nhà thơ. Tôi xin cảm ơn các độc giả nếu, trong sự rộng lượng của mình, quý vị cũng đồng ý với Phạm Công Thiện cho phép tôi được làm “thi sĩ” chứ không phải làm một nhà phê bình trong bài viết này. Cho dù, ở một số góc cạnh nào đó, bài viết này cũng không đi ra khỏi cái nhìn phê bình của nó.

. III .

Đêm và ngày, và Phạm Công Thiện, và bốn mươi bảy năm trôi qua trên mặt đất  
(Đọc và nhìn lại Phạm Công Thiện qua "**Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất**")

1.

Trước hết là màu đen. Màu đen của khu vườn đêm trĩu những hoa và trái kỳ lạ. Hương thơm của chúng chín như mật ong làm choáng những bước chân. Những bước chân thả hoang vào thiên địa đắm hoang mang. Đi. Đi như một con tàu say. Con tàu hụ vào đêm sương những bước đi chũnh choáng của giông gió cuộc đời. Đi. Đi hút vào đêm đen theo một tiếng gọi kỳ lạ như Céline đã đi. *Voyage au bout de la nuit*. Đi vào một mùa Xuân đen, một *printemps noir* (black spring) tàn bạo và ngầy ngất thần trí như Henry Miller. Đi cho rách những đêm hoang, những đêm hoang rách rưới nhưng thơ mộng như những bài thơ rách nát rút ra từ đời sống. Những bài thơ như những cánh chim thả vào đêm tối những hải đảo hoang vu của Xuân Hạ Thu Đông. Những cánh chim bỗng lóe hồng theo một dòng mặt trời vừa mọc. Ánh sáng đã ra đời.

*Cánh cửa sổ dựng đứng một cây cam, trái vàng cây, trái đỏ lá (...)* Một người đang ngồi viết. *Ánh sáng California đang tưới qua trang giấy trắng. Trang giấy trắng nằm trên cái bàn viết; cái bàn viết đứng bốn chân trước mặt cửa sổ có một cây cam say gió mai, sai quả nặng trĩu như ngày hôm nay thơ mộng đầy phù chú hiển hiện từ trời cao đổ giộc trút xuống gian phòng...* (trang 13), một gian phòng có cây cam sai trái mọc hồng chân trên khung cửa sổ.



Serson, Spirit – Freedom (Hồn - Tự Do)

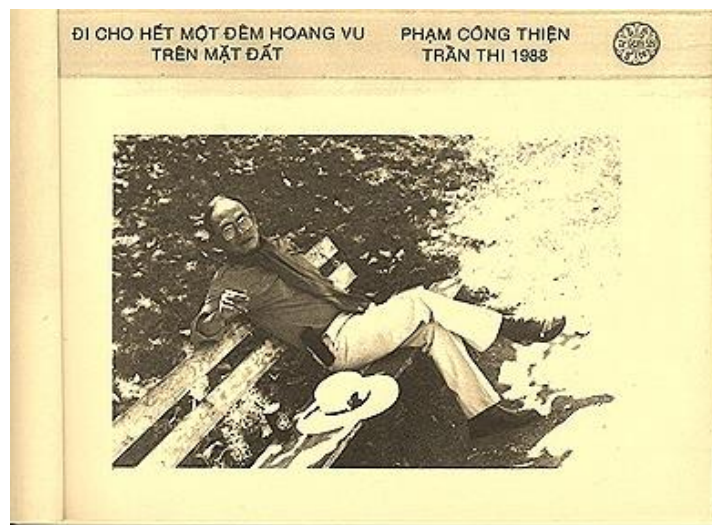
Hình ảnh ban đêm là hình ảnh của tôi. Hình ảnh ban ngày với cây cam sai trái là hình ảnh của Phạm Công Thiện. Cây cam ấy đứng hồng chân trên khung cửa sổ. Và khung cửa sổ mở ra mở vào phát phơ cái đời sống ngút say như khói của Phạm Công Thiện. Khung cửa sổ làm mở ra trên ba trăm trang sách thơ mộng như những con kiến đi ra đi vào một cái lỗ nhỏ nào đó trên một cành cây mùa Xuân mùa Thu mùa Đông mùa Hạ. Những dòng chữ là những con kiến đen di động và gặt đầu chào nhau giữa cuộc đời. Những dòng chữ nói lên cả một đời người hay là chẳng nói lên một điều gì cả. Điều đó không cần thiết. Cái đáng nhớ là có một sự di động. Từ sự di động đó, mọi thứ gặp gỡ và chào hỏi nhau và tất cả làm ra sự sống.

*Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* là một cuốn sách viết về sự sống. Sự sống di động và thở ra thở vào như những lá cây mùa xuân. Đây là một quyển sách Phạm Công Thiện làm ngạc nhiên nhiều người vì tính chất gần gũi với đời sống của nó. Nhưng thật ra, chính là đời sống làm ngạc nhiên. Nó làm ngạc nhiên chúng ta mỗi giây mỗi phút. Chúng ta không ai làm ngạc nhiên ai mà chỉ chứng kiến đời sống làm ngạc nhiên mỗi người và mọi người.

*Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* là cuốn sách mới của Phạm Công Thiện. Không kể một số bài viết không đều đặn của tác giả, có một số nét đặc biệt riêng nhưng không tạo được một hơi thở chung, đã xuất hiện rải rác trên một số báo từ 1975 đến nay (và phần lớn trên

nguyệt san *Quê Mẹ* tại Pháp do nhà thơ Thi Vũ chăm sóc), đây là cuốn sách đầu tiên của Phạm Công Thiện, viết “sau 17 năm trời bỏ viết tiếng Việt”, với một dòng văn nhất quán, một hơi thở liên tục, được xuất bản tại Hoa Kỳ vào tháng 5, 1988.

Cuốn sách gồm 37 chương dài ngắn khác nhau, và một chương kết, được viết bên một cây cam sai trái (trái vàng cây, trái đỏ lá), với hình ảnh xuất hiện nhiều lần của một bầy quạ đen (có vài con trọc đầu) đi chúi chổng (có khi trượt chân té). Và tiếng lóc cóc của những chiếc xe thô mộc được dùng làm nhạc đệm. Trong khung cảnh đó, người ta ngửi được mùi thơm (có khi thơm ửng) của những trái cam, người ta thấy được một khoảng trời xanh (có cây cam mọc hồng chân), những con quạ đi đi lại lại (như tìm kiếm một ý nghĩa nào đó của đời sống?), trượt té (bắt gặp chân lý?), người ta nghe thấy tiếng gõ lóc cóc của cuộc đời (cuộc đời trong ta hay cuộc đời ngoài kia?). Và cũng có những khi người ta bắt gặp bóng dáng của một người nữ, một con loan, một con phượng mái. Một con phượng mái rù rì nhỏ nhẹ thiên thanh. Và những khe nước róc rách chảy. Và những bụi cỏ dại hoang mang phơ phất trong đêm. Rồi có một con quạ làm bộ ho khan dăm tiếng vào đời sống. Tất cả những hình ảnh âm thanh màu sắc hương vị đó trộn lại với nhau làm ra ý nghĩa của cuộc đời. Người một mùi thơm, người ta nhớ lại bao nhiêu cảnh đời đã sống, bao nhiêu xuân xanh đã vụt qua, bao nhiêu mộng tưởng đã bay thành khói chiều. Và những con người, những quyển sách, những ngày tháng đã đi qua, những nơi chốn đã trở thành ký ức, những rượu mạnh của tuổi trẻ, những nhiệt hứng của những ngày chân đạp trên gió sớm để bước vào đời. Tất cả những mùi vị những trái cây những rượu ngon của cuộc đời đó bỗng bây giờ trở lại khi người ta hơn bốn mươi bảy tuổi, người ta ngồi bên khung cửa sổ nhìn ra cây cam sai trái và những con quạ trọc đầu trượt chân lên té xuống và tiếng lóc cóc của những con ngựa gõ vào trí nhớ. Người ta ngồi và viết ra những con kiến nhỏ của cuộc đời. Những con kiến đi vào mọi thứ ngõ ngách, mọi thứ lỗ hổng của đời sống. Những con kiến hồn nhiên, vui tươi, say mê, thô tục, lãng mạn, phất phơ, ngờ nghệch, thông minh, sáng sủa, u tối, mệt mỏi, ngạo mạn, tự chế, tự phúng, tự hào, tự mãn, tự ái, tự kiêu, tự hạ, tự tri, tự túc. Những con kiến hay có ý nghĩ tự tử nhưng luôn luôn tự triển hạn. Những con kiến, cũng như những dòng chữ kia, chưa muốn tự xoá. Chúng vẫn còn tiếp tục muốn đi trên những cành cây xuân hạ thu đông lưu dấu cuộc đời. Đi, như là một hành động để tìm kiếm ý nghĩa đích thực của sự sống.



*Ảnh Phạm Công Thiện ở bìa sau của tác phẩm  
Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vụ Trên Mặt Đất*

*Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* có một nhịp thở khác với những nhịp thở mà Phạm Công Thiện đã thở ra thở vô (đôi khi thở mạnh, thở gấp tạo thành những cơn ho vào đời sống; hoặc đôi khi chỉ là những tiếng ho khan cho vui) trong suốt cuộc đời của ông. Đây là một hơi thở dịu dàng khỏe mạnh có pha mùi chuehn choáng thơ mộng đáng yêu của một người vừa uống xong một ly rượu nho. Hay chính hẳn là một ly rượu nho, ai biết? Một ly rượu nho màu đỏ *bordeaux* có mùi vị say sưa mềm mại của nắng thơm màu hổ phách, có mùi gió biển ngát ngây của những hải ngân xa xôi, có những đêm sâu ử mùi nguyệt bạch. Tịch tịch hồng. Và có mặt trời (nếu mặt trời có thực) quay lông lóc theo vòng thiên địa. Ợc một hớp rượu ấy vào người, nếu người ta đang yêu đời, đang yêu những cây trái trần gian, người ta sẽ thấy là đời có thêm vị ngọt. Nhưng nếu người ta đang chán nản, mệt mỏi, và đang muốn chấm dứt một sự di động hay những sự di động, người ta sẽ dễ bị cái hớp rượu kia làm hoang mang thần trí và, vì thế, có thể càng làm cho người ta thấy mông lung hơn khi người ta đang muốn tìm một chỗ để bám víu vào đời sống.

Đây là cuốn sách mà, tôi nghĩ, tác giả tự phơi bày mình một cách chân thật nhất so với tất cả những cuốn sách mà ông đã viết. Phạm Công Thiện của tuổi mười chín, hai mươi và những năm trong tuổi hai mươi có cái say, cái bốc, cái hào, cái ngông, cái sáng của một người tuổi trẻ. Một người tuổi trẻ từng nhiều lần nhận mình là thiên tài (Phạm Công Thiện cho in quyển *Anh ngữ tinh âm từ điển* năm 16 tuổi làm học giả Nguyễn Hiến Lê phải ngạc nhiên; viết *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* ở tuổi trên dưới hai mươi). Tất cả những nét sắc cạnh, bùng bốc ấy như một ngọn lửa cháy. Bén và sắc và bùng và như có lân tinh. Nó đẹp và dễ làm cho tuổi trẻ say mê. Cùng lúc, nó như có tính cách phá hủy. Mà không phá hủy sao được khi người ta hai mươi tuổi, khi bốn trời thì hoang tàn lửa khói mà người cứu chữa thì hầu như chẳng có một ai. Phá hủy (nếu có thể nói được như vậy), chỉ là một lối tự biểu hiện khả năng tự tồn, tự cứu trước cuộc đời hoang tàn khói lửa. Có khi người ta phải đốt cả một cánh rừng để chặn một cơn bão lửa đang tràn đến. Trong ý thức, người ta đốt. Trong vô thức, người ta đốt. Hành động đốt, làm bốc lửa ấy, ý thức hay không ý thức, biết hay không biết, nhiều khi chỉ là một phản ứng của đời sống vào chính đời sống. Con người chỉ là kẻ chứng kiến sự phản ứng ấy mà thôi. Tôi yêu những ngọn lửa cháy vì tôi hiểu chính chúng là những phản ứng của cuộc đời đối với chính nó. Chính những ngọn lửa làm đời sống tiếp tục đổi mới và sinh thành. Nhưng tiếng lửa nổ, sự cháy, sự nóng và sự sáng hung hãn có thể làm nhiều người không thích. Sự phản ứng của họ trước ngọn lửa lại là một phản ứng khác của cuộc đời với chính cuộc đời. Và phản ứng ấy cũng góp phần tạo nên đời sống theo nghĩa biện chứng của nó.

Phạm Công Thiện tuổi của những năm cuối bốn mươi không phải là một ngọn lửa cháy trong một môi trường vật lý và làm tạo ra những tác dụng có tính cách vật lý như sự nổ, hơi nóng, sự sáng và, có thể, sức đốt, sức phá hủy. Tôi nghĩ không phải ông không còn khả năng để tiếp tục sống-một-sự-cháy-vật-lý, một sự cháy nhiều lúc cho thấy có sự nhảy múa của những tia lửa, những ánh lửa. Một sự nhảy múa làm nhiều khi người ta tưởng rằng ngọn lửa không có thực (như cái mặt trời choáng váng thiên địa kia). Tôi nghĩ ông đã (hoặc đang muốn) bắt tay chào biệt với sự cháy ấy. Cái làm cho nóng, cháy, say sưa, bùng bốc người khác, bây giờ, trong chữ viết và ý tưởng của Phạm Công Thiện, là cái mềm mại chuehn choáng ám nóng của nắng, của gió, của những hải ngân xa xôi, là cái hung bạo ngọt ngào của những mùa đêm ử sâu mùi nguyệt bạch. Đó là cái hớp rượu, cái sự cháy làm nóng lên lồng ngực, là cái chuehn choáng ngát ngư bốc người ta bay lên, đẩy người ta đi mãi vào những đêm dài vô tận của chữ nghĩa, văn chương và của những hồi tưởng réo gọi ôm vẫy quán quít.

Cả cuốn sách *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* của Phạm Công Thiện là một hơi rượu dài, làm choáng váng ngất ngây thần trí trong những hồi tưởng liên tiếp miên man như một cơn mộng chưa muốn bay thoát về trời. Đó là một tiếng chuông đánh mãi vào trong những giấc mơ của đời sống, làm lên men tất cả những mộng tưởng xa và gần của một người (hay của những người) lúc nào cũng thấy cháy bập bùng trong quả tim mình những ánh lửa trần gian. Đây là

cuốn sách của một kẻ thơ mộng muốn đi ngược về những khoảng trời mây trắng cũ, và muốn đi xuôi, đi tới về những nẻo đường trần gian ít ai chịu lai vãng. Có phải vì thế mà, nhiều khi, thi sĩ chính là những kẻ chịu nhận kiếp lưu đầy. Phải thế không, hỡi kẻ thi sĩ kia?

## 2.

*Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* có cái chủ đề quán xuyên (motif) là hình ảnh của cây cam sai trái mọc hồng chân trên cái cửa sổ mở ra những tiếng lóc cóc của cuộc đời, là những con quạ trọc đầu đi té lên té xuống hết từ trang sách này qua trang sách khác (thử đếm một ít trang: 22, 23, 24, 25, 49, 82, 105, 119, 260...), là con phượng mái hoá thành cô con gái Huế đi làm năm ngày một tuần từ sáu giờ sáng đến bốn giờ chiều để cho một con quạ ngồi ở nhà ho phát phơ vào đời sống, là trí nhớ đan díu với đời sống lãng mạn biến ra những cuộc mộng du vòng quanh trái đất và vòng quanh văn chương chữ nghĩa của con người. Những hình ảnh vừa nói, làm nên cái *nhạc tổ* kỳ lạ này trong cuốn sách (như một thứ trường khúc) của Phạm Công Thiện, đã giống như những ánh lửa ngọt ngào mê muội cháy lóe lên và cứ bập bùng đầu đó, như thế, trong suốt cuộc du hành của tác giả vào trong lòng đêm tối hoang vu kia. Những con quạ, và những bước chân trật té của chúng, và tiếng kêu khô giọng ngẩn sắc của chúng vào trong cái không gian yên tĩnh của ban mai, sự lặp đi lặp lại hình ảnh những con quạ thơ mộng huyền bí làm ta bỗng nhớ đến những con quạ đầu đen và những con chim gõ mõ nổi tiếng của Carl Sandburg (1878-1967) trong bài “*Những con đường sông nước*”:

*Hãy cứ để cho lũ quạ bay qua với những tiếng kêu quạ quạ của chúng  
Chúng đã bơi qua những đêm tối mịt mù của những mỏ than đầu đó  
mơ hồ*

*Hãy cứ để cho chúng kêu lên những tiếng quạ quạ hoang vu  
Hãy cứ để cho con chim gõ kiến mổ bung vào gốc cây hồ đào  
Nó đã bơi qua những hồ đỏ những hồ xanh đầu đó cả những trăm năm  
Và màu xanh đã bay lên cánh nó, còn màu đỏ thì bay lên đầu  
Hãy cứ để cho cái đầu đỏ kia đập hoài những tiếng bung bung*

...

(“*River Roads*”, Bùi Vĩnh Phúc tạm dịch)

*Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*, theo tôi, có một giọng văn, một hơi văn vừa hiện ngang, đầy sinh lực và ngổ ngáo của Henry Miller trong *Printemps noir* (*Mùa Xuân đen*), lại vừa có cái hơi thở say sưa, mộng mị và cái sức cuốn hút vào một thứ chiều sâu không đáy của đêm dài kỳ bí trong *Voyage au bout de la nuit* (tạm dịch, *Du hành vào đêm tối không cùng*) của Céline. Nó lại có cái giọng tự thuật, tự quán chiếu hết sức thơ mộng và đắm đuối và tha thiết và bùng nhụy đơm hoa của Rainer Maria Rilke trong *Die Aufzeichnungen des Malte Laurids Brigge* (*Hồi ký của Malte Laurids Brigge*). Cái chất thơ mộng rất Rilke khi nhìn vào đời sống ấy đã được Phạm Công Thiện thở ra khi ông viết *Mặt trời không bao giờ có thực* khoảng hai mươi năm trước. Với những men nồng và ngây ngất vừa kể, cộng với một sắc thái đặc biệt rất riêng tư, rất Việt Nam, rất Phạm Công Thiện, *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* cho thấy Phạm Công Thiện với một hơi thở mãnh liệt hơn, thơ mộng hơn, và đắm đuối say sưa, hồn nhiên, thông minh, đáng mến... hơn Phạm Công Thiện ở những cuốn sách của một hai thập niên trước... Ngọn lửa bây giờ đã cháy đằm, cháy ngọt. Và nhiều khi, cùng với sức nóng mềm mại ấm áp của ngọn lửa mà người ta cảm thấy nó để lại trên da thịt mình, người ta còn ngửi thấy, trong ngọn lửa, mùi thơm hoang dại ngất ngây của gió đời. Trong mùi thơm trộn lẫn của gió đời và lửa ấm ấy, người ta ngửi được mùi của những bến tàu ướt lạnh trong đêm, những náo nức của từng ban mai bùng nhụy nơi những thành phố gió (những thành phố cũ mà người ta đã đi qua và đã để rơi lại trong ký ức vắn vơ của người ta), những hiu quạnh thiết tha của đời sống đã từng nắm lấy và quấn chặt trái tim người ta bằng những sợi dây dịu dàng đều đặn... Có người có thể cho rằng Phạm Công Thiện sẽ không thể viết được nếu ông không dưng vào một tác giả, một cuốn sách, một tư tưởng nào đó của một người nào đó, và tất cả những điều này kéo ông đi mãi vào những suy nghĩ chằng chịt của chính mình. Điều này, nhìn ở một góc



cạnh nào đó, có thể đúng. Sức đọc của Phạm Công Thiện mạnh, sức nhạy cảm và rung động cũng như tấm lòng thiết tha muốn chia sẻ nơi ông quá mãnh liệt và quá sắc. Chính cái bản chất đó, ngọn lửa đó nơi con người ông đã làm cho ông đi (và dẫn chúng ta đi) vào cuộc du hành của chữ nghĩa và ý tưởng.

Nhưng, tất cả văn chương, tư tưởng, triết lý, suy nghĩ, mộng寐... của con người đã chẳng là một sự *đụng chạm, đụng vào, đụng đến*... đó sao? Sẽ không có một quyển sách nào ra đời nếu, trước đó, tác giả của nó đã không đụng vào một dòng chữ, một suy nghĩ nào đó, của một người nào đó sống trước ông ta hoặc cùng thời với ông ta. Sẽ chẳng có một quyển sách nào ra đời nếu, trước đó, tác giả của nó đã không đụng vào một kinh nghiệm sống riêng tư của ông ta như một con người trong cuộc đời. Một con người sống thật trong cuộc đời là một con người sẵn sàng đứng giữa để cho mọi thứ chung quanh đụng chạm vào mình. Đó cũng là một con người không hề sợ sệt khi phải đụng chạm, sờ mó vào mọi thứ chung quanh để có thể rung động, khóc cười, đau khổ, hạnh phúc, hèn yếu, mạnh mẽ, hiên ngang, bi thiết... và sống một cách đích thực. Marcel Proust đụng vào tách trà, và thế là mấy ngàn trang sách được bôi đen kịt kia trở thành một kiệt tác của nhân loại. *À la recherche du temps perdu*. Đi tìm thời gian đã mất. Cả một cuộc đời sống dậy. Ngôi làng xa xưa cùng với nhà cửa cây cối vườn tược con người chim chóc hoa lá mặt trời dần dần nở lại như những màu nhiệm của đời sống được tái hiện, được sống lại một lần nữa, trong cõi thời gian xa lạ kia. Tolstoy đụng vào lịch sử, đụng vào con người, và mấy ngàn trang sách *Chiến tranh và Hoà bình* mở ra. Mở ra cùng với nó là đời sống hồi hồi nhiều mặt của con người muôn thuở và muôn nơi; là ý nghĩa của sự sống, của cái chết con người; là những tình cảm tế vi nhất của con người trong mọi sắc độ, mọi gam màu của nó. Anais Nin đụng vào cuộc sống và vài ngàn trang sách của năm cuốn nhật ký (với những rung động, những nhận xét sâu sắc, đầy tính khai thị về đời sống, về giá trị của đời sống, về thẩm mỹ của đời sống) ra đời. Có thể nói nhật ký của Anais Nin là một trong vài cuốn nhật ký có giá trị văn chương nhất của con người hiện đại.

Phạm Công Thiện đã đụng chạm, đã sờ mó vào những tư tưởng, những chữ nghĩa thơ mộng thấm thiết đầy sức cuốn hút kỳ diệu của văn chương nhân loại. Nhiều người đã nhìn Phạm Công Thiện như một triết gia. Và họ có cái lý của họ. Chính Phạm Công Thiện, trong một giai đoạn nào đó của đời sống, hay trong những góc cạnh nào đó của đời sống, cũng đã để hé lộ và hiển lộ ra cái cách thể hiện sinh này của mình. (*Hiện* hay *hé* đều là những dụng ý của Phạm Công Thiện, và chính là chấp vào những cái dụng ý này, người ta đã khen hoặc chê Phạm Công Thiện hết lời). Đối với tôi, tôi không nghĩ ông là một triết gia (theo thể điệu triết lý của Parménide chứ không phải theo nhịp suy tư của Héraclite) mặc dù chắc chắn ông cũng là một người yêu mê triết và đã từng ăn nằm với triết. Cả Đông lẫn Tây. Nếu hỏi, “Phạm Công Thiện LÀ gì?” thì câu trả lời vẫn gọn “LÀ triết gia”, nhìn theo lối lý giải của Héraclite, thì sự hiện sinh như là một triết gia ấy của Phạm Công Thiện là một dịch thể. Nhưng nếu nhìn theo nhịp thở của Parménide, thì sự hiện sinh ấy là một thường thể (là thể tính). Vậy, tùy theo cách nhìn dịch hay thường, ta sẽ thấy Phạm Công Thiện có là triết gia hay không. Thật ra, hai nhịp nhảy của Héraclite và Parménide cũng chỉ giống như hai nhịp đập của trái tim mà thôi. *Thường* hay *dịch* thì cũng trở về với Anaximandre, nghĩa là trở về với Tính (Song thể – *dịch* và *thường* – nằm trong Tính nghĩa).

Để trở lại với Phạm Công Thiện, tôi muốn nhìn ông như một nhà văn, một nhà thơ (hết sức *cuồn cuộn* và *phá vỡ* và *thơ mộng* và *đắm đuối* và *thiết tha*) theo cái nhìn *thường thể* của Parménide. Thể tính hay thường thể của con người Phạm Công Thiện chính yếu nằm trong năm tính từ chỉ định vừa kể (thêm nữa cũng được, nhưng cũng chỉ đan díu vào đó mà thôi). Còn con người triết gia của ông, theo nhịp nhảy của Héraclite, theo tôi, là *dịch thể*. Cái thể này thay đổi, biến hóa, và, tôi nghĩ, không phải là cái phần hồn thật sự của Phạm Công Thiện, mặc dù nó cũng là ông theo một nhịp nhảy múa nào đó như vừa phân tích. Qua *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*, Phạm Công Thiện đã sống hết con người của ông, chính yếu, như một nhà thơ, một nhà văn. Dĩ nhiên, ta không thấy thiếu những suy tư có tính triết lý được bóp vụn

ra như thủy tinh (hay như lân tinh?) chiếu sáng lấp lánh chập chờn quyền rũ trong suốt cuộc hành trình vào (hay qua?) đêm tối của ông. Nhưng tất cả những suy tư ấy đều được diễn ra bằng một hơi thở của Thơ, bằng một cái nhìn thơ mộng lãng mạn tha thiết đắm đuối hồn nhiên mở mắt vào đời. Chính cái đặc tính kỳ lạ này nơi quyển sách của Phạm Công Thiện đã khiến cho bài viết của tôi không thể trở thành một bài phê bình theo kiểu bình thường với những lý luận, phân tích, bình giải tằm tấp theo đường thẳng. Làm sao người ta có thể phân tích và phê bình một cặp mắt (và một tâm hồn) thơ mộng đắm đuối thiết tha lãng mạn hồn nhiên chan chứa nhìn vào cuộc đời. Có thể nói Phạm Công Thiện đã bỏ cả đời để yêu thương chan chứa lãng mạn hồn nhiên (và cũng có những lúc ngây thơ) với cuộc đời như thế. Điều đó đáng yêu chứ. Và điều đó đã thể hiện hết sức rõ rệt qua quyển sách này.

Tôi yêu biết bao cái hình ảnh của thanh niên Phạm Công Thiện, của chàng thi sĩ mơ mộng 23, 24 tuổi ngày nào cùng với người bạn trẻ trạc tuổi, Eduardo Zalamea – một thi sĩ châu Mỹ Latinh – đi lang thang trong khu phố Greenwich Village tại thành phố New York để bán những bài thơ mình làm trong các quán cà phê từ công trường Washington Square đến Sheridan Square. Ôi, mỗi bài thơ bán chỉ có một dollar cốt đủ tiền để mua sữa tươi và gà nướng ăn qua đêm. Vậy mà nhiều lúc không ai thèm mua thơ, để hai kẻ đắm đuối thơ mộng phải ngồi run lạnh dưới đèn đường. Và rồi *hai thằng bán thơ bước đi lầy lội trong những con đường khuya tuyết rã* (trang 127)!

Tôi cũng yêu những câu thơ của các thi sĩ châu Mỹ Latinh được Phạm Công Thiện trích dẫn và dịch ra. Đọc những câu thơ, những bài thơ này, tự nhiên trái tim tôi nhói đau như khi mình bất chợt đụng chạm vào những hạnh phúc mỏng manh xa xăm vời vợi. Những bài thơ mình đã đọc trong những đêm tuổi trẻ nào của quá khứ đã mịt mù, của quê nhà đã trùng trùng chia cách, bây giờ, bất chợt sống lại. Những bài thơ mình đã đọc trong những đêm tối gió thổi và mưa rơi lác rác trên sân thượng của căn nhà cũ và mùi hoa ngọc lan lẫn hoa huệ trắng cùng đủ loại hoa dại phát phơ và tha thiết trong bóng tối của tuổi mười tám, hai mươi, bây giờ, cũng như những đóa hoa, lại khe khẽ mở nhẹ từng cánh nõn nà sương đêm. Ôi, những bài thơ đã làm cho ta nhói đau. Trái tim. Trái tim như một mặt hồ vỡ ánh trăng non xanh mướt. Nó run lên, vỡ ra dịu dàng chan chứa, cùng với những bài thơ. Hãy đọc lại Federico García Lorca. *Xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây. Con gió xanh lá cây. Cành cây xanh xanh. Con thuyền trên biển và con ngựa trên đỉnh non cao...* (Verde que te quiero verde./ Verde viento. Verde ramas./ El barco sobre la mar/ y el caballo en la montana...) ("Rong khúc mộng du"/ Somnambule Ballad). Phạm Công Thiện chỉ trích dẫn ngắn ấy thơ của bài thơ này và tôi đã không thể không lấy tuyển tập thơ của García Lorca (*The Selected Poems of Federico García Lorca*) ra để đọc lại và để nhớ, để mộng về những ngày tuổi trẻ hoang dại của mình. Bài thơ vừa trích, rất dài và rất thơ mộng bi thiết, có thể nói là một trong những bài thơ hay nhất của García Lorca. Hãy đọc thêm vài câu nữa. *Với bóng mờ ngang eo, Nàng đứng mơ mộng trên ban công. Da thịt nàng xanh mướt và tóc nàng xanh xanh. Và đôi mắt thì màu bạc lạnh. Xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây. Dưới ánh trăng gipsy lang bạc, mọi vật đều nhìn ngắm nàng. Nhưng nàng chẳng hề thấy chúng...* (Con la sombra en la cintura/ ella suena en su baranda, / Verde carne, pelo verde, / con ojos de fría plate / Verde que te quiero verde./ Bajo la luna gitana, / las cosas están mirando / y ella no puede mirarlas...) Cuối cùng, vì cuộc tình nào mà nàng chết? Một trụ bằng làm bằng ánh trăng lạnh giá đã nâng thân mình nàng lên khỏi mặt nước. Đêm trở nên thân mật vỗ về như một hình vuông nhỏ... Em ơi, xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây.

Tôi cũng rất yêu những đoạn Phạm Công Thiện nói về chữ nghĩa Việt Nam (chương 17, trang 151), về cô con gái Huế, về con phượng mái rù rì nhỏ nhẹ thiên thanh (ở nhiều chỗ), về sách vở chữ nghĩa nói chung (trang 70), về thi sĩ (trang 71, 72)... Có rất nhiều đoạn đáng yêu trong cuốn sách, và đoạn này lôi kéo bằng bết dán dính với đoạn kia khiến cuốn sách trở thành một sự liên tưởng thơ mộng kéo dài chằng chịt miên man vào đêm tối của trí nhớ hoang vu. Có một chương (chương 32, trang 279), Phạm Công Thiện chỉ viết toàn những câu 4 chữ (chừng hơn 200 câu) mà kể được gần hết cái đời sống tịch mịch hồng và náo loạn của mình. Chương này,



cùng với chương 8 (trang 75) là chương Phạm Công Thiện chỉ đặt những câu hỏi *Tại sao?* (chừng vài trăm câu hỏi thơ mộng và bùng vỡ), đã nói được hết cả cuộc đời, con người, và nỗi đam mê của chính tác giả. Đây là hai chương kỳ dị nhưng rất nên thơ và đầy tính phá phách, đi lạc và đi lệch của họ Phạm.

Ngoài ra, chương sách nói về miền quê Mỹ Tho, nơi tác giả sinh trưởng (chương 23, trang 207) cũng là một chương hết sức đáng yêu. Mỹ Tho, với tất cả những dáng vẻ hồn hậu và thơ mộng của nó, được vẽ lại chen kẽ với những suy tư đầy tính lang thang và triết lý và đắm đuối thiết tha của Phạm Công Thiện. Trong đoạn này, có một câu tả cầu tàu Mỹ Tho rất đẹp. Và buồn, thật buồn.

*Có những buổi chiều cầu tàu Mỹ Tho vắng bóng người, trời đỏ hồng bên kia cù lao Rồng, nó ngồi đọc Leopardi, “Bây giờ mi có thể an nghỉ vĩnh viễn, hồi trái tim mệt mỏi của ta. Áo vụng cuối cùng đã chết... An nghỉ vĩnh viễn đi. Mi đã thoi thóp nhiều rồi...”*

Đoạn quê nhà Mỹ Tho sông nước này làm tôi nhớ đến lá thư của một người bạn văn nghệ tài hoa (mà tôi tình cờ quen biết trong một cuộc lữ hết sức bất ngờ). Người bạn ở Mỹ mười mấy năm mà vẫn chỉ dăng dặc một nỗi nhớ nhà. Trong thư gửi cho tôi, kể chuyện đi thăm vườn cây cảnh quốc gia National Arboretum ở Washington D.C. bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, ở đoạn mùa Hạ, chàng viết:

*Có năm tôi thấy trồng một giò huệ trắng nõn, đẹp và thơm như mùi thơm năm xưa vào những ngày rằm có cúng giỗ. Tất cả kỷ niệm cũ xô đẩy trở về qua mùi hương bông huệ trắng; nước mắt bỗng chảy ngược trở lại trong lòng. Trời nóng mà phải lau mặt bằng nước mắt khô của ngày cũ. Năm sau, cũng vào một ngày hè, tôi trở lại tìm giò huệ mọc chỗ này năm ngoái. Huệ cũ không thấy, mắt rần tìm chỉ thấy một đọt hiu. Đọt hiu ta hãy một đọt hiu. Ngày xưa tôi đã đi khắp xứ Mỹ và không thấy đâu trồng bông huệ. Chẳng biết bây giờ ở California / Florida đã có người Việt nào gây giống trồng bông huệ chưa? Có những mùi hương hay làm rộn trí nhớ như hương của mái tóc gội bồ kết hay xúc dầu dừa, hương của mùi mồ hôi chất mái trên chiếc áo gối nhồi bông gòn, của hơi thở một thiếu nữ ngồi cùng chuyến đò chạt, ngang trên nhánh sông ở Sa Đéc, vào ngày lộng gió. Tay nàng cầm một bó huệ trắng.*

(Phạm Hiếu, thư riêng, viết vào những ngày đầu Xuân 1988 khi hoa kim hương vàng bắt đầu nở.)

### 3.

Để kết luận bài viết về Phạm Công Thiện, một phần nào dựa vào cuốn sách mới ra *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* của tác giả, tôi muốn nói, trước hết, rằng, Phạm Công Thiện là một nhà thơ, một nhà thơ với đúng nghĩa thơ mộng đẹp đẽ và đáng yêu đáng mến của danh vị này. Dù viết lách ở lãnh vực nào, qua chữ nghĩa và cách diễn tả, Phạm Công Thiện, như tôi nhìn thấy, vẫn nổi bật và đẹp nhất như một nhà thơ trọn nghĩa. Đây là một người Việt Nam đã từng ăn nằm với chữ nghĩa một cách hết sức chung thủy mà tôi được biết, và bởi thế, Phạm Công Thiện, theo cách nhìn của tôi, là một trong ít người sử dụng chữ nghĩa Việt một cách tinh tế, sâu sắc và hết sức điêu luyện. Ông có viết trong quyển sách là ông đang học lại tiếng Việt. Một cách nào đó, điều này đúng. Chỉ có những người luôn luôn tìm tòi, học hỏi, học mãi mới có thể làm tinh tế cái nghệ thuật mà họ theo đuổi. Tôi nghĩ Phạm Công Thiện đã coi chữ nghĩa nói chung và, đặc biệt, chữ nghĩa Việt Nam nói riêng là một nghệ thuật để ông trau dồi suốt đời. Bởi thế, tôi không lấy làm lạ khi nhận ra rằng ông có tài dùng chữ Việt Nam một cách tuyệt diệu. Hãy nhìn lại điều đó trong tất cả những cuốn sách mà ông đã viết. Chính điều này làm cho tôi yêu mến Phạm Công Thiện hơn bất cứ một điều nào khác nơi con người của ông. Cuốn sách, không kể một vài thay đổi nhỏ trong hướng nhìn triết lý của tác giả *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* (chẳng hạn trong nhịp suy tư của tác giả về “Hư vô chủ nghĩa” khi cho nó nhập cuộc với đời sống thiết thân trong giai đoạn hiện tại của chính mình. Có giống như Hemingway trước và sau *For Whom the Bell Tolls?*), tác giả vẫn cho người đọc thấy một Phạm Công Thiện đắm đuối, thiết tha và bùng vỡ. Tuy nhiên, tất cả những tính chất này đã được làm

cho lên men (làm dậy lên và say ngất và mềm ngọt đi) sau 47 năm tác giả đã tự để mình trôi qua trên mặt đất. Dùng đại danh từ “nó” suốt cuốn sách để nói về mình, tác giả như đã dự định làm một cuộc “tự xoá” qua một lối nhảy lui từ ngôi thứ nhất xuống... ngôi thứ ba (!). Hay đây chỉ là một lối nhảy lui hai bước để nhảy tới ba bước khác theo một thứ tự từ pháp mới? Có những đoạn tác giả đã tự cất vắn chính thái độ sống của mình bằng một cái nhìn phúng thích có tính cách tự trào. Sự cất vắn này, dù ở mức độ nào, sắc thái nào, dù được vẽ với gam màu nào, hoặc có khi chỉ là một sự ngụ luận, ngụ trào đi chẳng nữa, cũng đã cho thấy một Phạm Công Thiện thiết tha và dịu dàng, hiểu biết với mình với người hơn. Tôi thật sự cảm thấy ông đáng yêu nhiều sau khi tôi buông quyển sách xuống. Quyển sách ông viết vào năm bốn mươi bảy tuổi.

Bốn mươi bảy năm như khói chiều trôi qua lãng đãng. Còn lại, chỉ là một dòng mây tha thiết phát phơ. Chớ hỏi đám mây kia sẽ trôi về đâu. Hãy để lòng ta trôi xa đi cùng mây trắng, rồi, một mai, rơi xuống muôn nẻo đời xa lạ, gặp gỡ chạm mặt mọi vui buồn của cuộc sống, khóc cười đôi chút với cuộc đời, rồi lại bốc hơi bay đi. Bay đi man mác vào những đêm tối hoang vu của trần gian thi thiết.

Hãy cứ để những dòng mây trôi đi thi thiết trên cuộc đời tóc trắng này.

*Mùng 3 Tết Kỷ Tỵ, 1989*

*Tustin Ranch, Calif.*

*10. III. 2011*

## Còn đó một góc trời

**Phan Văn Thanh**

1- Tôi vẫn còn lưu giữ, và không quên một chiều Saigon cuối thập niên 60, đầu 70 thế kỷ trước – một mình lang thang qua phố Lê Lợi ghé ngang hiệu sách Khai Trí mang về *Bay đi những cơn mưa phùn* - Phạm Công Thiện. (Phạm Hoàng XB, 1970).

Cũng như nhiều bạn trẻ ngày ấy, đứng dưới chân núi nhìn lên ngất ngưỡng đầu non, tôi rất thần tượng tác giả Phạm Công Thiện.

Sau này thông tin nhiều hơn, tôi được biết ông sở hữu một “lý lịch khoa học” đáng nể để làng văn Saigon trước 75 hết lời xưng tụng.

Phạm Công Thiện ra đời (01/6/1941) bên dòng Cửu Long thơ mộng, khởi đi từ cao nguyên Tây Tạng ngút ngàn chảy xuống dọc ven bờ phố thị Mỹ Tho, một thị xã nhỏ nhắn, lặng lẽ hiền hòa ở miền Nam.

Ông xuất hiện trên văn đàn Việt Nam như một thần đồng, một thiên tài lỗi lạc biết nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hán, Phạn, Pali, Tây Tạng, Tây Ban Nha...

- Năm 1957, mới 16 tuổi đã xuất bản tự điển Anh ngữ Tinh âm - 19, 20 tuổi viết Ý thức mới trong văn nghệ và triết học - 23 tuổi, viết Tiểu luận Bồ Đề Đạt Ma - 25, 26, 27 tuổi, viết Hố thăm tư tưởng, Im lặng hố thăm, Ý thức bùng vỡ, Bay đi những cơn mưa phùn, Ngày sinh của rắn, Mặt trời không bao giờ có thực, Nikos Kazantzaki, Rainer Maria Rilke, Henry Miller và dịch thuật từ tiếng Anh, tiếng Đức những tác giả vĩ đại Krishnamurti, Nietzsche, Heidegger, Rainer Maria Rilke, Nikos Kazantzaki ... làm chấn động toàn thể giới văn nghệ sĩ trí thức Sài Gòn miền Nam thời bấy giờ.

- Đầu năm 1964, ông chuyển ra Nha Trang sống để an dưỡng sau một cuộc "khủng hoảng tinh thần". Tại đây ông quy y ở chùa Hải Đức, lấy pháp danh Nguyên Tánh. Một thời gian sau ông lại về Sài Gòn.

- Từ 1966 đến 1970 khi Phạm Công Thiện làm Khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh, đồng thời là giám đốc soạn thảo Chương trình giảng dạy cho tất cả các phân khoa Xã hội Nhân văn và chủ biên tạp chí Tư Tưởng, thì Bùi Giáng, Tuệ Sỹ, Hoài Khanh, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đăng

Thục, Ngô Trọng Anh, Thạch Trung Giả, Trúc Thiên, Lê Tôn Nghiêm, Doãn Quốc Sỹ, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Ngọc Ninh, Phạm Thiên Thư, Trần Xuân Kiêm, Nguyễn Hữu Hiệu, Thích Nữ Trí Hải... cũng có mặt ở đó thường xuyên, là những cây bút cốt cán, nền móng trong tạp chí Tư Tưởng, tiếng nói của Viện Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, do Thượng tọa Thích Minh Châu làm Viện trưởng.

Nhà thơ đã từng đi giang hồ tứ chiếng, ngao du sơn thủy nhiều nơi qua Paris, London, New York, Washington - từng diện kiến, tiếp xúc với những nhân vật kiệt xuất nổi danh trên thế giới như Krishnamurti, Henry Miller.

Từ năm 1970, ông rời Việt Nam chuyển sang sống ở Israel, Đức, trụ lại lâu dài tại Pháp - tốt nghiệp Tiến sĩ Triết học tại đại học Sorbone – giảng dạy triết học Tây phương tại đại học Toulouse (Pháp).

Năm 1983, định cư ở Los Angeles (Hoa Kỳ) giữ chức giáo sư Phật Giáo viện College of Buddhist Studies - tiếp tục viết sách - phần lớn nghiên cứu về đạo Phật.

Ngày 8/3/2011 (mùng 04 tháng Hai năm Tân Mão), ông qua đời tại thành phố Houston, Texas, Hoa Kỳ, hưởng thọ 71t.

2- Phạm Công Thiện trước tác nhiều thể loại truyện ngắn, tùy bút, thơ, dịch thuật, khảo luận. Tác phẩm của ông thuộc loại khó nuốt nhưng lại có sức cảm dỗ kỳ lạ. Trang viết đầy chữ - mỗi đơn vị chữ đồng thời là hồn vía của ý, lối viết phá cách đầy ngẫu hứng khiến người đọc hoặc tùy nghi suy diễn mông lung hoặc bó tay không hiểu ông muốn nói cái gì?

Ông viết theo kiểu “Tôi tư duy, nên tôi tồn tại” – (Je pense, donc je suis) René Descartes (1596-1650). Ông khua khoáng con chữ, hiện thực trong tay ông được ghi chép, phản ánh xô bồ tùy tiện - ông mở ra “hố thăm tư tưởng” - ông “hành hạ” người đọc, bắt họ phải ra sức truy tìm cái tôi cảm xúc, cái tôi nhận thức, cái tôi tồn tại trong ma trận chữ nghĩa ngẫu hứng lênh láng, trùng trùng những ẩn dụ, những liên tưởng rối rắm, bực bội đến thú vị!...

- *“Hắn họ khan vài tiếng cho đỡ buồn; trời lạnh quá, im lặng quá, nhiều khi mình phải bày đặt họ khan để thấy rằng mình vẫn còn đó, vẫn sống, vẫn thờ và thổi những cơn mưa phùn vào nghĩa địa của ngoại ô đầu thu. Đầu thu hay cuối thu? A, tôi phải đi. Paris chỉ nằm bên kia sự chết: Saigon, Hà Nội, Huế, Đà Lạt chỉ là thành phố Paris nằm bên kia sự chết. Giết hết tất cả những thành phố, bôi sạch chữ Paris trong tâm hồn mình, bôi tên, quên họ, bỏ quốc tịch, vứt lại đằng sau lưng những bao thuốc lá xanh, vứt lại đằng sau lưng những con đường rầy, những đêm tối, những mùa xuân, những quê hương. Làm một kẻ phản quốc, phản bội bạn bè, phản bội tổ tiên, phản bội văn chương, phản bội tùy bút, truyện ngắn và truyện dài. Trung thành với nỗi chết xa và gần, nỗi chết long đong, nỗi chết của những cơn ho gượng, ho cho đỡ buồn. Chỉ có những cơn ho khan là quan trọng, tất cả chỉ còn lại văn chương.”* (Bay đi những cơn mưa phùn... trang 8,9)

- *“Một cánh cửa mở, một người bước ra đường. Một người hay một bóng ma? Tôi là một con ma nhớ khói nhà, bước ra đường để tìm một gói thuốc gauloises xanh, bước ra phố để đốt lên một nhúm lửa cho ấm hồn phiêu dạt. Paris phơ phớt đầu xuân, những mùa xuân không bao giờ nở trọn. Tôi ca hát một mình. Ma có ca hát không? Mặt trời đã nổ hôm qua. (Trời tháng Tư, trang 105).*

Ông rất tình khi đang mộng: *“Cái gì cũng trở thành thói quen. Ngay đến mộng ảo cũng trở thành thói quen. Tôi không ngờ Đà Lạt cũng trở thành thói quen. Có một đêm, tôi nằm chiêm bao thấy mình nghe chim kêu, không phải một con, hai ba con, hình như một bầy, hai ba bầy chim kêu. Khi thức giấc thì chẳng nghe con nào kêu cả, tôi liền dụ dỗ tôi ngủ lại để được nghe chim kêu lại, nhưng thức tỉnh lại là một thói quen khác.* (Biển xanh tròn lẫn mặt trời – trang 59,60).

Ông luôn bị ám ảnh – chẳng hạn khi nghĩ về dòng sông thời thơ ấu: *“Con sông ấy đã đầu độc tuổi thơ tôi. Những mùa nước lớn có những chiếc bè, những đám lục bình, những con chó chết trôi và những xác chết trôi lênh bênh. Người lớn và co nít gọi những xác chết trôi là “thằng chổng chết trôi”. Thường khi mưa đổ liên hồi trên mặt sông, làm nước tràn lên tận bờ. Mùa nước ròng tôi thường đi chân xuống bờ sông để tìm những con còng bé nhỏ. Mười lăm năm đầu tiên trong*

*đời, tôi đã bị con sông đầu độc một cách tàn nhẫn, man rợ, vô phương cứu chữa..."*-(Thấp thoáng bóng huỳnh trên con sông tàn bạo – trang 155);ngồi trong không gian Nữ Ớc,ông nhớ quay quắt về Đà Lạt:-*"Tôi chỉ là một con ma đói ở giữa thành phố lớn nhất ở thế giới. Quán cà phê này là nơi tôi lai vãng để tìm lại một chút khí dương giữa cõi chết.Đà Lạt và Nữ Ớc,Đà Lạt gần gũi tôi hơn đang lúc bước vào quán cà phê ở Nữ Ớc này.Tôi cần một chút Đà Lạt để sống,xin cho tôi một chút Đà Lạt,chỉ một chút,một chút thôi.Trời Nữ Ớc trở lạnh,tôi cuộn khăn nỉ quanh cổ,đốt một điếu thuốc,ngồi giữa sự bình an của một mớ hình ảnh trong đầu.Một ngôi nhà to lớn,cũ,đầy rêu,nhện,chim và bồ câu,trước nhà có một hàng cây xưa cao vút và già như mấy cây thông rừng,ngôi nhà nằm trên một ngọn đồi ở ngoại ô Đà Lạt, trên đường đi về Dran."* (Thực sự hôm nay –trang 80).

Cảm hứng của Phạm Công Thiện luôn xuất thần phóng cuồng– ông phát ngôn như Lưu Linh trong cơn đồng thiếp, coi trời bằng vung khi phủ nhận tất cả các triết gia: *"Ngay đến Heraclite , Parmenide và Empédocle , bây giờ tao cũng xem thường, xem nhẹ;tao coi ba tên ấy như là ba tên thủ phạm của nền văn minh hiện đại, chưa nói đến Socrate, đó là một tên ngu dại nhất mà tao đã gặp trong đời sống tâm linh của tao"*. Ông coi những nghệ sĩ như Shakespear, Goethe,Dante hay Heidegger như những thằng hề ngu xuẩn. Và đối với Sartre , Beauvoir : *"Nếu họ muốn xin gặp tao, tao sẽ không cho gặp mà còn chửi vào mặt họ"*. Về thiên tông: *"Tao đã gửi thiên tông vào một phong bì tối khẩn để địa chỉ của bất cứ ngôi chùa nào trên thế giới"*. Về dạy học và các văn sĩ cùng thời: *"thời gian tao học ở Hoa Kỳ, tao đã bỏ học vì tao thấy những trường đại học mà tao học như Yale, Columbia chỉ toàn là nơi sản xuất những thằng ngu xuẩn, ngay đến giáo sư của tao chỉ là những thằng ngu xuẩn nhất đời, tao có thể dạy họ nhiều hơn là họ dạy tao...Bây giờ nếu cóPhật Thích Ca hay Chúa Giê Su hiện ra đứng giảng trước mặt tao, tao cũng không nghe theo nữa. Tao là học trò của tao và chỉ có tao làm thầy cho tao. Tao không muốn làm thầy ai hết và cũng không để ai làm thầy tao. Còn các văn sĩ ở Sài Gòn : đọc các bài thơ của các anh, tôi thấy ngay sự nghèo nàn của tâm hồn anh, sự quờ quạng lúng túng, sự lập đi lập lại vô ý thức hay có ý thức: trí thức "mười lăm xu", ái quốc nhân đạo "ba mươi lăm xu", triết lý tôn giáo "bốn mươi lăm xu".(Hồ Thắm Tư Tường)* Ông trút hết ngôn từ xưng tụng tác giả "Chơi giữa mùa trăng" : *"Hàn Mặc Tử vỗ cánh phượng hoàng và bay xuống đậu giữa Thiên Thanh, Rimbaud và Hoelderlin đứng dậy chấp tay, đứng về phía trái; Keats và Leopardi đứng dậy chấp tay, đứng về phía mặt; Hàn Mặc Tử bay sà xuống đậu ngay chính giữa; ngay lúc ấy, lập tức hai Thi Sĩ bên trái và hai Thi Sĩ bên mặt qui xuống lay ba triệu lay; khi bốn Thi Sĩ lay xong và ngược mặt lên thì Hàn Mặc Tử đã vụt biến mất và hoá diệm sơn biến thành một quả trứng phượng hoàng khổng lồ: quả trứng phượng hoàng cô liêu xoay tròn năm vòng và thu hình nhỏ lại thành trái đất; từ ấy, trái đất liên tục xoay tròn giữa vũ trụ vô biên và con người không còn làm thơ nữa."*

Tâm Nhiên đã ví hành trình của Phạm Công Thiện là "cuộc lữ dữ dội bi tráng, mở ra những phương trời hồng viễn như Henry Miller, Rimbaud, Nietzsche, như Hoelderlin, Whitman, Krishnamurti, như Shakespeare, Kierkegaard, Nijinsky, như Blaise Cendrars, William Blake, Paul Klee, như Thoreau, Emerson, Faulkner, như Wolfe, Giono, Ce1line, như Etkhart, Goethe, Spengler, như Hermann Hesse, Alan Watts, James Joyce, như Hemingway, Lawrence, Leopardi, như Nerval, Tolstoi, Yeats, như Milarepa, Van Gogh, Vivekananda, như Trang Tử, Long Thọ, Bồ Đề Đạt Ma, như Huệ Năng, Lâm Tế, Tuệ Trung Thượng Sĩ, như Lý Bạch, Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử... những đồng thanh tương ứng với thi nhân nên luôn luôn xuất thần, ngất trời túy lúy, phóng cuồng phiêu đảng hoan say. Đó là những cuộc đi vô định, vô sở trú, chất ngất trên tuyết đỉnh núi cao và hun hút tận nguồn sâu hồ thăm tâm linh, vừa bùng bùng thần khí rực ngời lửa tim hồn cháy, vừa âm âm cuồng nộ, trào tuôn lai láng như sóng vỗ đại dương. Cháy và chảy, cháy và chảy mãi trong hồn, như một lần lúc 24 tuổi, nhà thơ đã từng nhắn gửi cho giới trẻ thanh niên Việt Nam : *"Gởi một người đọc không quen, cùng cháy một thứ lửa thiêng như tôi, cùng được nuôi bằng một thứ nước điên nào đó chảy trôi như tôi, cùng sống như tôi đang sống : Cháy và chảy, cháy và chảy không ngừng..."* (1)

3- Phạm Công Thiện sở hữu “ba ngàn quyển sách trong bụng”(2) nên ông tha hồ vung bút làm văn. Tôi đồng ý với ông : “Viết văn là diễn tả những gì thành thật nhất trong ý nghĩ của mình, bằng tất cả những xúc cảm và tưởng tượng, để nói lên những gì đè nặng trong tâm tư, bằng một ngôn ngữ khúc triết mạch lạc để sống trong sự có mặt của mình và kẻ khác”. Và tôi cũng tán thành viết là cách để giải tỏa, giải bày những bức xúc ẩn ức – theo cách diễn đạt độc đáo của ông: “viết văn là đi đá, viết tuôn trào như nước đá, nóng, sôi, reo lên xè xè như tiếng ve bầy trường”,. – ( Dù đến đâu thì cứ đến – trang 42,43).

Tất nhiên văn chương rất cần sự bình dị, gần gũi bạn đọc, học giả Nguyễn Hiến Lê nhận xét : “Văn bình dị khó nhất ở điểm có ý cao, tình đẹp, nếu không thì hóa ra nhạt nhẽo vô vị”. Lâm Ngữ Đường trong cuốn The importance of living diễn giải thêm: “Sự bình dị là điều khó đạt được nhất(...) trong văn chương. Muốn được bình dị thì trước hết phải tiêu hóa nổi tư tưởng và óc cũng phải già giặn: khi chúng ta về già tư tưởng của chúng ta sáng sủa hơn; ta bỏ ra một bên những phương diện không quan trọng mà có lẽ sai lầm của vấn đề đó nữa; ý tưởng ta thành hình một cách rõ ràng hơn và những chuỗi tư tưởng lằng lằng hiện lên thành những lời văn gọn gàng, giản dị (...). Ta không thấy phải gắng sức nữa mà sự thực hóa ra sáng sủa và do đó hóa ra bình dị ...”(3)

Tôi vẫn trung thành với luận điểm : Con người và cuộc sống - đối tượng được phản ánh, là vạch xuất phát đồng thời là đích đến của tất cả các loại hình văn nghệ. Con người thuộc hàng sinh vật thượng đẳng – nó gắn chặt với đời sống xã hội – nó vừa là “con”, vừa là “người” - bóc tách cực đoan một mặt nào đó sẽ phá vỡ tính tổng thể hoàn chỉnh của nó, văn nghệ sẽ tự chấm dứt. Đọc Phạm Công Thiện phải nói rất mệt, nhức đầu, người đọc dễ mất kiên nhẫn bỏ lửng – chẳng biết mình thuộc loại nào sau đây dưới mắt ông : “Bậc thượng học lấy thần mà nghe, bậc trung học lấy tâm mà nghe, bậc hạ học lấy tai mà nghe. Tai nghe thì học ở ngoài bì phu, tâm nghe thì học ở cơ nhục, thần nghe thì học ở cốt tủy” .(Theo Vân Đài Loại Ngữ - Lê Quý Đôn).

Nguyễn Mạnh Trinh nhận xét : “Phạm Công Thiện là một thi sĩ nghệ sĩ. Không phải là cung cách một phù thủy chữ nghĩa hoa tay vào bùa chú vào hư vô để thành một văn phong khúc mắc khó hiểu. Mà, là một người ôm tất cả những rộng khắp vào lòng và đi vòng quanh để tìm chân lý. Cái tâm thức vốn tịch lặng của một người thâm cứu Phật giáo pha trộn vào ý thức muốn nổi loạn phá bỏ cung cách cũ khiến văn chương trở thành một hành trình của một người luôn xông tới đằng trước và không dừng lại. Trong đời sống, phong cách du tử, làm những điều mình thích khiến ông thành một người luôn thấy đêm ngày là hoang vu ...”(4)

Hiên tượng Phạm Công Thiện – có một không hai trong văn chương Việt Nam !

Saigon, 26/3/2014

-(1) “Phạm Công Thiện một thi sĩ kỳ tuyệt thiên tài” – Tâm Nhiên

-(2). “Trong bụng không có được ba vạn quyển sách, trong mắt không có được núi sông kỳ lạ của thiên hạ thì chưa chắc đã làm được văn”(Ngô Lai - “Kiến Văn tiểu lục” - Lê Quý Đôn).

-(3) Trích “Hồi ký Nguyễn Hiến Lê”, NXB Văn Học, 1983, trang 397

-(4) “Phạm Công Thiện- Khi thi ca thành tôn giáo”- Nguyễn Mạnh Trinh

## Giới thiệu Phạm Công Thiện Hàng Ngọc Tuấn

Phạm Công Thiện ao ước trở thành một nghệ sĩ lớn, như Rimbaud, trong khi nhiều người cảm bút khác lại ca tụng Phạm Công Thiện như là một triết gia. Tôi thì tôi coi Phạm Công Thiện chủ yếu là một nhà thơ và một nhà tùy bút. Nói cách khác, theo tôi, Phạm Công Thiện là một nhà thơ trước khi là một nhà tùy bút; là một nhà tùy bút trước khi là một nhà văn; là một nhà văn trước khi là một nhà tư tưởng; là một nhà tư tưởng trước khi là một người phá phách và là một người phá phách trước khi là một kẻ lập dị. Suốt mấy chục năm nay, Phạm Công Thiện luôn

luôn chịu đựng một sự đánh giá bất công cũng như những sự khen ngợi oan ức khi người ta nhìn ông theo một chiều hướng khác, ngược lại.

Phạm Công Thiện có một cái tài đặc biệt rất hiếm người có là ông có thể làm cho độc giả đọc ông một cách thích thú, say mê và thán phục mặc dù, khi gấp sách lại, người ta hoàn toàn không hiểu là ông nói cái gì cả. Bởi vậy, mặc dù tác phẩm của ông nổi tiếng là khó hiểu, ông vẫn có một lượng độc giả khá lớn, khá trung thành, và đôi khi khá bình dân. Nói như thế cũng có nghĩa là nói thể mạnh đầu tiên và nổi bật nhất của Phạm Công Thiện chính là ở khả năng diễn đạt, hay nói cách khác, ở giọng văn của ông. Đó là một giọng văn có sức hấp dẫn lạ lùng, một giọng văn vừa uyên bác vừa sôi nổi, vừa rất trí tuệ và lại rất giàu chất thơ.

Đã đành trong giọng văn của hầu hết các nhà văn của Việt Nam đều ít nhiều có chất thơ, tuy nhiên, có lẽ, ít ở đâu mà chất thơ lại đậm đặc như là trong văn xuôi của Phạm Công Thiện. Có điều, Phạm Công Thiện làm thơ không nhiều. Đến nay, ông chỉ có một tập thơ duy nhất được xuất bản: *Ngày sinh của rấn*, trước, do Hoa Nắng in tại Paris, sau, An Tiêm in lại tại Sài Gòn năm 1966 và, Trần Thi in lại tại California năm 1988. Ở lần in nào, tập thơ ấy cũng đều mỏng manh, chỉ có 12 bài, phần nhiều là ngắn và tự do. Nói chung, bài nào cũng có nét riêng, có thể nói là khá hay, đặc biệt là một bài thơ hai câu có sức ngân rất sâu:

*Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn*

*Cây khế đôi cao trở hết bông*

Tuy nhiên, đó không phải là những cái hay lớn đủ để biến Phạm Công Thiện thành một nhà thơ có tầm vóc nổi bật so với những nhà thơ cùng thời. Tôi thích hơn, ở Phạm Công Thiện, là những bài thơ ông hoàn thành sau này, chủ yếu là sau năm 1975. Chúng không nhiều, về số lượng, và cũng không đều, về chất lượng, nhưng trong đó, có hai bài rất hay, theo tôi, xứng đáng được xếp ngang hàng với những bài thơ hay nhất trong nền thơ Việt Nam hiện đại: 'Trường giang Mỹ thơ' và 'Thơ cho khoảng trống'. Cả hai bài đều đẹp, trong ngôn ngữ và mới mẻ, trong kỹ thuật.

Làm thơ ít, hồn thơ của Phạm Công Thiện tràn vào cõi văn xuôi của ông. Biện pháp tu từ được ông sử dụng nhiều nhất trong văn xuôi là ẩn dụ. *Mặt trời không bao giờ có thực* là một ẩn dụ. *Bay đi những cơn mưa phùn* là một ẩn dụ. Trùng trùng ẩn dụ trong từng trang viết của Phạm Công Thiện. Điều đó làm cho hầu hết các bài viết văn xuôi của Phạm Công Thiện đều trở thành những bài tùy bút. Tôi nghĩ, rất nhiều tác phẩm triết lý của Phạm Công Thiện sẽ trở thành dễ hiểu và tuyệt vời vô cùng nếu chúng được đọc như những bài tùy bút. Ví dụ tập *Bay đi những cơn mưa phùn* trong đó có bài 'Thấp thoáng bóng huỳnh trên cơn sông tàn bạo' cứ làm cho tôi, khi đọc lại - gần đây- thấy ngẩn ngơ thật lâu. Giọng văn của ông thật phóng khoáng, thật độc đáo và thật đẹp. Từ bài văn ấy, đọc lại các tác phẩm khác của Phạm Công Thiện, tôi phát hiện ra một điều khá bất ngờ, hình như chưa ai nói đến: không chừng Phạm Công Thiện là một trong những nhà tùy bút xuất sắc của Việt Nam.

"Thiền học và Thiền tông là gì?"

Câu hỏi không được trả lời. Tất cả còn lại chỉ là những câu thần chú chữ Phạn và một con bướm màu trắng băng qua đại dương."

Đoạn văn trên, tôi tình cờ nhặt được ở trang cuối cùng của quyển *Bay đi những cơn mưa phùn*. Câu thần chú chữ Phạn. Cánh bướm trắng bay qua đại dương. Rồi đây, có lẽ sẽ có người có tầm quyền hơn tôi tìm hiểu và đánh giá câu thần chú chữ Phạn ấy. Hôm nay, tôi chỉ muốn dừng lại và giới thiệu Phạm Công Thiện như một cánh bướm bay qua cái cõi đại dương thơ bao la của Việt Nam.

Chú thích: Bài "Thơ cho khoảng trống" của Phạm Công Thiện tương đối dễ tìm: nó đăng trên tạp chí *Hợp Lưu* gần đây (số 21, ra tháng 2.1995), sau đó được in lại trong tuyển tập *20 năm văn học Việt Nam hải ngoại* do Đại Nam xuất bản vào cuối năm 1995. Do đó, ở đây chúng tôi chỉ xin in lại bài 'Trường giang Mỹ Thơ', vốn thoát đầu, được đăng trên tạp chí *Quê Mẹ* tại Paris.

**PHẠM CÔNG THIÊN**  
**Trường giang Mỹ Thơ**

(Tặng Bùi Ngọc Đường ở Thái Lan)

1

Thôi nôi con trường giang mọi rợ  
tôi mọi mãi mỗi trường an  
con điều hâu chạy bắt con chim  
con chim lòn qua kẽ núi  
lọt ra gió Hải Nam thổi hiu hắt về trường sơn  
nước trường giang mẹ ru chim ngủ  
con lớn khôn rồi bỏ mẹ bay xa  
Cha con già trường sơn con ơi  
trường giang đi chảy mãi nửa đời  
trường sơn già ngồi đứng hứng mưa  
mưa đi từ dưới chân đở bò câu thượng thủy tây hồ  
con lớn khôn rồi quên đất quên sông  
con sông nào Cửu Long chảy từ thượng tứ  
Mỹ Tho buồn thấy chết trôi sông  
Súng nổ bên cầu quay  
Mẹ bỗng con đóng cửa  
Lính Tây dương đang say rượu giao thừa  
Bông cúc vàng đầy sân ướt máu  
Ba con già con trẻ đi xa  
Súng nổ trên mái lầu  
Nhà cháy bên hông  
Mấy dì con chơi tứ sắc  
Con còn nhớ quá con ơi.

2

Thôi nôi thẳng trường giang mọi rợ  
tôi mọi mãi nổi lang thang  
Con chim trĩ xưa đở nuôi cá lia thia  
Cá phượng mái đẻ ra một bầy trứng  
Và rong rêu xanh kì lạ ao hồ  
Trốn học bị cha còng cẳng  
Bầu cua cá cộp mỗi năm buồn  
Càng lớn lên càng thấy Tết bơ vợ  
Bông mai nở trên đầu cây chợ vắng  
Dưa hấu làng hiu hắt nắng ba mươi  
Súng nổ bên cầu quay  
Mẹ tôi bỗng con chạy trốn  
Giặc Lê dương đang say rượu  
Thằng bé con có biết gì đâu  
Chim bay nhiều chiều nay Toulouse  
Tôi uống từng chum nho đở  
Còng cẳng tôi trên thượng tuý thu hồ  
Người dựng bị Tây bắn  
Xác nơi đâu hai con nhỏ bơ vợ  
Bà ngoại đi tìm thấy chẳng thấy  
Mười năm sau tôi bị còng cẳng ngục tù  
Mẹ tôi đến thăm  
đem theo một gà mên cơm nóng  
Mẹ tôi khóc  
Tôi nhìn sông Cửu Long chảy



Đừng như dưỡng con ơi  
Tôi nhìn sông Cửu Long chảy  
Tôi đứng rồi trường giang mọi rợ  
Mẹ hãy về đi và hãy bỏ con đi  
Mẹ tôi khóc  
Đừng như dưỡng con ơi  
Yêu nước làm gì để hai con nhỏ bơ vơ  
Tôi nhìn trường giang chảy  
Mẹ hãy về đi  
người công an già gác cổng  
Cậu rất lạ kì  
Sau này cậu có làm lớn  
Hãy nhớ đến tôi  
Tôi nhìn trường giang chảy  
Tôi chỉ muốn làm con chó  
Chạy giỡn mưa trường giang sa

**3**

Rồi từ ấy trường giang lại càng mọi rợ  
khi chảy khi bay  
khi thượng đỉnh điu hiu khi trác táng đến tận màn sân khấu  
Vẫn nhớ những buổi hát bội quê nhà  
Kèn trống cải lương đưa con nít ngó cô đào trang điểm  
từng dưới hầm nhà hát Mỹ Tho  
Cô đào chửi đụ má  
Đưa con nít đéo hiểu gì hết  
Mà chỉ nhớ tô hủ tiếu phở bò  
Nó bắt gặp một sáng khi cô đào chống cằm ăn gỏi ngựa  
Tấn tuồng sao quá lạ  
Tôi không hiểu  
Nhưng sao mà quá đồ nóng  
như một triệu côn trùng loé sáng  
Tôi bắt mỗi đêm  
trong bao đêm  
Cho tôi những tràng dưa hấu  
quá đồ  
quá đồ  
những ngày trước Tết  
Biển Nha Trang trời sinh các hạ  
Đọc thơ Ba Tiêu cho Quách Tấn nghe  
Cây mạn để hoa thằng Mỹ Tho nằm võng  
Từ ô y hạng Quách Tấn tĩa thơ  
Ta đéo biết gì hết  
Đạp xe đạp ngòi ra bãi biển  
ngó cái gì chỉ thấy mây bay  
Trường giang chảy đại dương bại trận  
Quách Tấn buồn bông cúc đơm hoa

**4**

Thôi rồi thôi trường giang mọi rợ  
tôi mọi mãi nắng chiều Ban Mê Thuật  
Hoàng Kiều ơi em đã đi xa  
Buồn xóm cũ chiều xưa chưa tỉnh dậy

Buon Brieng và Bon Sar Par  
Kontum và Pleiku chiều nay cỏ mọc  
Bu Prang và Ban Don ở nơi đâu  
Tim thượng tứ té ra hạ thế  
Gió chiều nay Toulouse máu đỏ  
Hai đứa con bây giờ ở nơi đâu?  
Dương của anh bị lê dương bắn chết  
Người con gái nằm trôi thây trên bãi lạ  
Chiều nay  
Chim bay quá nhiều  
Chuyện đời xưa không còn nữa  
Như Mãn đã chết  
Treo thây trên hàng rào  
Hoàng Kiều ơi đâu nữa là Thu Uyên  
Em còn quá nhỏ  
Rừng xưa chim lặng tiếng  
Hãy đóng cửa  
Long Khánh  
Hãy đóng cửa  
Con trâu vừa bị chém  
Trường giang ta sẽ ru em ngủ  
Máu đêm xưa thương em từng trận mưa rào  
Bỏ câu buồn gáy lại năm xưa  
Mái chùa cũ Đà Lạt chiều tận thế.  
(16.7.1980)

## Phạm Công Thiện và đỉnh lặng Trịnh Thanh Thủy

Sáng nay tôi nhận được một điện thư báo tin Phạm Công Thiện đã mất. Lòng tôi bỗng dấy nên một nỗi chơi vơi, hụt hẫng nào đó. Nghe như mình vừa mất đi một vật gì quý báu. Tôi tự nhủ “Ông đi nhanh thế sao?” Dường như tôi vẫn thấy ông ở đâu đó. Dù lần đầu gặp ông cũng là lần cuối cách đây hai năm ở chùa Viên Thông, trong một buổi giảng pháp nhân dịp Vu Lan. Cái khoảng cách thời gian ấy như con sông cạn, thấu ngấn ký ức tôi. Tôi tưởng như còn thấy cặp kính trắng và giọng nói nào vang âm chùng mực, vừa đọc vừa giảng OM MANI PADME HŪM (Châu báu trong hoa sen).

*Ngài Quán Thế Âm Đại Bồ Tát lúc nào cũng có mặt mỗi lúc chúng ta tha thiết kêu gọi danh hiệu Ngài hoặc mỗi lúc chúng ta tri đại thần chú OM MANI PADME HŪM. Đức Phật Thích Ca hãy còn hoá thân thị hiện là Bồ Tát, nhưng trong giây phút hiện tại này Quán Thế Âm vẫn linh hiện liên tục cho đến lúc nào chúng sinh vẫn còn đau khổ, vẫn còn bị trôi buộc trong bao nhiêu sợ hãi khổ nạn... Chỉ Xưng danh Quán thế Âm Bồ Tát một lần; chỉ nhớ tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát một lần; chỉ nói OM MANI PADME HŪM một lần thì Hạt Giống Nảy Mầm thành ra cả đại ngàn bông trắng, cả vô số vô lượng bông sen đủ màu ở cõi Cực Lạc.*

(Trích bài giảng “**Do sức niệm Quan Âm như mặt nhật treo không**” của Phạm Công Thiện tại chùa Viên Thông, Bell Flower, California, ngày 1 tháng 11, 2009)

Những lời giảng của ông đẹp như cánh bướm, bay lượn trong trí tôi nở ra vô vàn đoá cảm chướng trắng, lác đác những hạt mầm. Mani là biểu hiện của con đường đến thân thể hư không, Padme là biểu hiện của con đường dẫn đến trí tuệ tịnh quang. Ôi những câu thần chú chữ phạn, đó là con đường dẫn tới trí tuệ tịnh quang (clear light) hợp nhất với thân thể hư không (illusory body).

Ông giảng Mật Tông mà như đang đọc thơ. Lời niệm Quán Thế Âm làm toả sáng đức Lục-Ngọc-Quang Quan Âm (Green Tara), Bạch-Ngọc-Quang Quan Âm (White Tara), Hồng-Ngọc-Quang Âm (Red Tara). Những Quan Âm chập chờn màu sắc như áo lụa cô gái áo vàng quần quanh trong trí Phạm Công Thiện năm nào, ngày ông vào tịnh thất. Mỗi lần nghĩ tới ông tôi lại nhớ tới đoạn văn kể chuyện của Nguyên Sa trong “Bài Tựa Riêng” viết cho *Văn* năm 1985, số 38:

*Mười mấy năm trước, thi sĩ họ Phạm đã vào tịnh thất một lần, bạn ta ở đó được hai năm cho đến một buổi chiều, tiếng cười của thiếu nữ nào vọng lên từ sân chùa, thi sĩ động tâm, hé cửa nhìn xuống, tịnh thất khép lại phía sau.*

Mười mấy năm sau, ông lại diện bích ba năm, ba tháng, ba ngày. Ông tách biệt khỏi thế gian, không nhìn, không nói, không đập phá, không say sưa, không nổi loạn, không khật khưỡng, không sân si. Ông trầm mình trong cõi lặng đến nỗi Nguyên Sa nhờ Thượng Toạ Thích Mãn Giác (nay đã quá cố) đưa giùm một bài thơ “Nói chuyện phải quấy với Phạm Công Thiện” qua khe cửa:

*Người vào tịnh thất sống ba năm  
Cát tiếng không lời để nói năng  
Buổi sáng thình không, chiều tới chậm  
Tiền kiếp chen vô cạnh chỗ nằm*

...

Bao nhiêu năm sống, Phạm Công Thiện đã sôi nổi cùng bè bạn, rong chơi đủ đầy từ cực đoạn này sang cực đoạn khác. Ông dạy học, làm thơ và vẫy vùng trong những vùng tư tưởng, hồ thẳm không đáy của Sartre, Rimbaud, Henry Miller, Duras, Eliot, Williams...

Bấy nhiêu năm ông đã nhiều lần lặng yên thiền tĩnh tâm ở chùa, ở mật thất, ở Houston, ở thành phố mà ông gọi đùa là Mát Thiên Thần (Los[t] Angeles). Ông quán tưởng Mật tông, quán tưởng Tara xanh, trắng, đỏ và *phóng tâm trí lên phủ cả bầu trời một cái hĩm đàn bà vĩ đại bao trùm cả càn khôn vạn đại và thiên thu đại kiếp* để nghe tiếng cười của các vị bồ tát. Tôi không biết trong tiếng ngọc lưu ly trong veo ấy, ông có nghe được tiếng cười của người con gái hoa cúc động tâm ông năm xưa không? Không biết trong cuộc lang thang suốt đêm dài trên quả đất ông có quên được hình bóng người con gái trắng rằm Tây Dương của Duras mà ông tưởng tượng không?

Còn bao nhiêu tiếng tâm động ở lồng ngực phì nhiêu bao la ấy hở ông?

*... tiếng ho của cô nường, tiếng đập tim, tiếng lá cây phong reo, tiếng Địa Trung Hải, tiếng Đại Tây Dương, tiếng Thái Bình Dương, tiếng trùng dương, tiếng sông Garonne, tiếng sông Lot, tiếng sông Seine, tiếng sông Isère, tiếng sông Isar, tiếng sông Danube, tiếng sông Nhị Hà, tiếng sông Hương, tiếng sông Cửu Long, tiếng yêu, tiếng em, tiếng thương, tiếng nhớ, tiếng Hoài, tiếng Hương, tiếng Nga, tiếng Phương, tiếng Chinh, tiếng Khánh, tiếng Dung, tiếng Ly, tiếng Nguyệt, tiếng Thu, tiếng Ngọc, tiếng Cẩm, tiếng Uyên, tiếng My, tiếng Véronique, tiếng Françoise, tiếng Isabelle, tiếng Agnes, tiếng Laura, tiếng Dương Quý Phi, tiếng nường Thái trắng, Thái đen...*

(Trích “**Khi chiều tới gió reo trên lá rừng phong**”, 1985)

Tôi thích nhìn ông dưới mắt nhìn thi sĩ, dưới những cơn địa chấn đầy sân si của con người trần tục hơn. Ngay từ thuở còn thanh niên, cái động trong bản ngã ông hiện diện cùng khắp. Nó cho ra đời một **Ngày Sanh Của Rắn**. Trong tập thơ đầu làm động một thế hệ, cái tôi của ông lao xao trong suốt tập thơ.

*tôi đứng trên đời mây trở bông... tôi nằm cho rã chiếu cạp điều... tôi chấp chơi... tôi bay trên biển... tôi đi đông chìm... tôi về... tôi hiện... tôi nhớ một lần cây quế mọc... tôi mưa máu đen... tôi giao cấu mặt trời sinh ra mặt trăng... tôi thủ dâm thượng đế sinh ra loài người... tôi nuốt nọc đen... tôi mặc... tôi gọi hương và tôi chết giấc... tôi chạy... tôi long đong... tôi nghe... tôi ca hát... tôi nuốt... tôi đau... tôi yêu... tôi cúi đầu trong hầm cà phê... tôi thấy việt nam ngang tàng... tôi không nghe...*

Phạm Công Thiện trong mắt nhìn Mai Thảo là một ồn động không bút nào tả xiết. Ông là một thiên tài say hùng dũng giơ cao cánh tay, tự dành những lời châu ngọc nhất về tài năng xuất chúng, về tâm thức cự phách khơi khơi riêng tặng cho mình. Ông tôn vinh chính ông là nhà thơ lớn nhất thế giới, lẫy lừng hoàn vũ; Sartre, Camus cho đi quét đường hết. Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm là những tên nào vậy, tao liệng vào sọt rác hết cả thầy Chinh Phụ Ngâm, Đoàn Trường

Tân Thanh. Vì thế sau này, khi một người bạn gọi tôi để giới thiệu tôi với ông qua một buổi điện đàm. Tôi cũng không ngạc nhiên khi nghe qua đầu dây tiếng ông vang vang hỏi bạn tôi “Trịnh Thanh Thủy là đứa nào đó?”

Ngoài những ồn ã tếu nghịch ngông cuồng, bắt cần đòi trong những huyền não bè bạn, các cơn “động” địa chấn lớn trong thơ ông phát nổ, phát sáng và cháy cả “em”, tiêu cả thình không, làm chết thiên tài, làm tỉnh cơn mộng dài sau tiếng đại hồng chung.

*Về đi thôi rấn rấn Đại Không  
Phù chú bay rợp cả Phương Đông  
Phương tượng bay ai vừa tỉnh mộng  
An Ma ni bát di hồng!  
Om mané padmé hum!  
Om ah Hum! Om Ah Hum!*

*Sấm vừa nổ cháy cả thình không  
Gió mùa xưa nổi đoá sen hồng  
Hắt hiu em chết bên kè đá  
Anh vụt hiện về trên biển đông.*

...

(Trích “Thơ sấm kè đá quán tự tại”, 1985)

Trong chúng ta, ai cũng biết khi một sự thân yêu mất đi, không có sự thân yêu nào thay thế được. Có phải chúng ta vừa mất đi một tiếng cười sáng khoái, một hơi thở thơ ca ngát ngậy, một đoá sen thiện tâm kỳ thú hay một con rấn Nam phương? Chúng ta đã có một nhà tư tưởng, dịch giả, giáo sư, đại đức, cư sĩ, nhà thơ, nhà văn mà đôi lúc bút pháp của ông, tôi nghe chừng như đang vẽ lên màu hồng sắc tía đủ hình dạng của một bức tranh lắp ghép (collage).

*Giấc nồng nặc, rượu vàng đêm hai mươi chín tết. Đường hẻm khu xóm tuổi nhỏ. Đường lót gạch rong rêu, vách tường ai vẽ hình tục tĩu. Tuổi dậy thì tọc mạch. Linh thiêng đâu đó sân khấu cải lương, lựu đạn nổ, máu chảy, người chạy mát. Đường đầu với những tử thi, cây đa, bến cũ, đường xe lửa bị giật mình... Hối quang, phản ánh vài chục kiếp người, thời gian, tiếng xôn xao và nước chảy. Lùng bắt đôi ba câu huyền mộng, thực thế thì chỉ có thể. Thế thì thôi, gió nước. Cô phong độc tú, không gian trong gian phòng, không gian trong thời gian, thời giờ...*

(Trích *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*, 1988)

Tôi có vài người bạn tỏ ý không hiểu ông nói gì trong thơ. Họ bảo thơ ông như bùa chú, nó chập chùng những con chữ, âm điệu nhịp nhàng nhưng nó cũng mù mù sương ầm. Thơ ông thường dài như loại trường ca:

*Mùi con gái hươu nai bộ lạc  
Những con lạc đà âm thầm chờ kinh băng qua sỏi đá  
Cù Lao Rồng ngày tháng phơi pha  
Hà Hương trôi đi Hà Hương ở lại  
Tên một người con gái tương lai  
Không hề gặp trong đời*

...

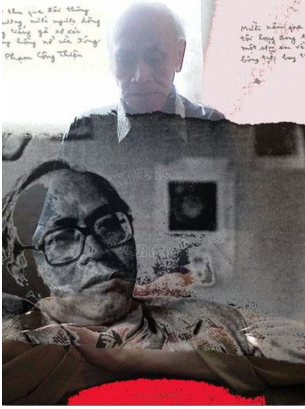
*Hương Hà ta ra bên sông chơi  
Thời oanh liệt thơ bay rợp miếu  
Mai Thảo buồn sát na phiêu diểu  
Nghiêm Xuân Hồng đan dệt quang minh lướt đỉnh tịch liêu  
Ngày xưa thi sĩ thả diều*

(Trích “Trường ca cù lao rồng”, 1985)

Bảy mươi một năm ngang tàng như gió lộng, cháy hừng hực tựa lửa dung nham, đi về như sao băng cùng trời cuối đất. Ông lúc nhập thất, lúc chân nam đá chân xiêu say ngát ngậy, khi phát ngôn bừa bãi gây sự với mọi người như lời kể của Mai Thảo. Ông đã đi trong thế giới hàng ngàn tiếng động, để tâm chao theo từng sát na nhiều nhưng cuộc đời. Ông đã ngồi thiền nghe chim hót quanh mình, nghe thân động, tâm động, tình yêu động. Nhưng phút cuối trên tất cả đỉnh cao là lặng yên, ông đã yên lặng đời đời.

\*\*\*

## Phụ đính:



## Phạm Công Thiện một thi sĩ kỹ tuyệt thiên tài Tâm Nhiên

Có những con người đến rồi đi qua mặt đất trần gian này như một cơn sấm sét, gây chấn động kinh hồn, làm bùng vỡ một điều chi kỳ tuyệt, tinh khôi trên bầu trời tâm thức nhân loại, Phạm Công Thiện là một con người độc đáo như vậy.

“Anh đã ra đi từ đó, từ thời buổi hỗn mang. Trong từng khoảnh khắc sát na, từng quặng liên tục vi tế của hạt bụi, anh từ chối chính mình. Khi mọi người ca tụng anh như một thiên tài, anh vất bỏ thân tượng để đi như một tên lãng tử vô lại... Người lữ hành bước đi, từng con sóng của đại dương cuốn theo xóa sạch từng dấu chân đi. Lưu lại trong khách ảo ảnh tiền thân, phảng phất mùi hương và sắc màu quá khứ không phai nhạt.”\* Tuệ Sỹ giới thiệu như thế về Phạm Công Thiện, một tâm hồn hào nhiên chí khí, một thi sĩ thượng thừa đã khơi nguồn mạch sáng tạo trào dâng ngất ngưởng, mở ra thể điệu phiêu bồng trên cung bậc văn chương, thiền học, triết lý, thi ca bát ngát dị thường. Bước đi một mình một bóng, đơn thân độc mã quá đỗi phong trần gần 50 năm trời nay, say gót mộng chuênh choáng lang bạt kỳ hồ, lang thang lêu lổng suốt muôn chiều phiêu lưu, phiêu lãng ngàn phương. Lướt cánh đại bàng, tung hoành ngang dọc khắp năm châu bốn biển, thênh thang giữa thiên địa hoàn cầu.

Vào một chiều tháng 6, bắt đầu mùa hạ năm 1941, Phạm Công Thiện ra đời bên dòng sông thơ mộng Cửu Long, một dòng sông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng ngút ngàn chảy xuống dọc ven bờ phố thị Mỹ Tho, một thị xã nhỏ nhắn, lặng lẽ hiền hòa ở miền Nam. Thi sĩ lớn lên từ đó, suốt ngày đêm cứ mặc sức mơ mộng rong chơi, tha hồ tắm sông lội nước, nằm ngắm mây trời bay lãng đãng xa xôi.

Rồi bất thành linh, đột ngột một hôm vụt đứng dậy, xuất hiện trên văn đàn Việt Nam như một thần đồng biết nhiều thứ tiếng, một thiên tài lỗi lạc : Năm 1957, mới 16 tuổi đã xuất bản Tự điển Anh ngữ tinh âm, 19, 20 tuổi viết Ý thức mới trong văn nghệ và triết học, 23 tuổi, viết Tiểu luận Bỏ Đề Đạt Ma, 25, 26, 27 tuổi, viết Hồ thắm tư tưởng, Im lặng hồ thắm, Ý thức bùng vỡ, Bay đi những cơn mưa phùn, Trời tháng tư, Ngày sinh của rắn, Mặt trời không bao giờ có thực, Nikos

Kazantzaki, Rainer Maria Rilke, Henry Miller và dịch thuật những tác giả vĩ đại Krishnamurti, Nietzsche, Heidegger... làm chấn động toàn thể giới văn nghệ sĩ trí thức thời bấy giờ.

Thuở ấy, năm 1967, khi Phạm Công Thiện làm Khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, đúng lúc 26 tuổi thì Tuệ Sỹ, Bùi Giáng cũng có mặt ở đó thường xuyên, là những cây bút cốt cán, nền móng trong tạp chí Tư Tưởng, tiếng nói của Viện Đại học Vạn Hạnh.

Trước đó, nhà thơ cũng đã từng làm những chuyến giang hồ tứ chiếng, xách túi thơ bầu rượu ngao du sơn thủy qua Paris, London, New York, Washington rồi, từng diện kiến, sống gần gũi với những nhân vật kiệt xuất lừng lẫy trên thế giới như Krishnamurti ở Paris, Henry Miller ở Los Angeles.

Đang là thần tượng của đám sinh viên các đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt thì đùng một cái, Phạm Công Thiện bỏ ngang chức Khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh, lên đường viễn phương hành, làm cuộc ra đi theo quẻ Lữ trong Kinh Dịch, lên đênh qua tận bên kia bờ đại dương tuyết mù tăm tích vào năm 29 tuổi, tức năm 1970. Đó cũng là năm cuộc chiến tranh Việt Nam đến độ khốc liệt, kinh hoàng, khủng khiếp nhất. trên khắp hai miền Nam Bắc tang thương.

Cất cánh phụng hoàng, thi sĩ bay vút đi xuyên qua gầm trời giông tố bão loạn, đang đắm chìm giữa dòng sử lịch hỗn mang, tang tóc cuồng phong gầm thét dữ dằn, tan hoang tàn bạo, xô đổ xuống mịt mù âm u hỗn độn, vây khốn đầy bóng tối vô minh trong đêm dài điều linh, trầm thống, đoạn trường.

Trước ngày khởi hành, ngồi trên đồi cao chùa Hải Đức Nha Trang, thi nhân lắng hồn cô đơn, tịch mịch để nghe vọng về bao nỗi đời ly tán, đờn đau, bàng hoàng trong rừng rưng rưng nhức nhối :  
Hồi chuông chùa vọng luân hồi

Chim chiến chiến hót ngang trời đau thương  
Trùng dương nằm đợi vô thường  
Đồi cao bạt gió hai đường âm u  
Âm u hai đường, đông tây đôi ngã thê lương. Còn chi đâu mà nói nữa. Thôi thì cánh chim ngàn cứ tung bay cho hết bầu trời tính phận bao la của mình. “Bỏn phận của mi là lên đường đi đến hổ thẳm, một cách im lặng, rộng lượng và không hy vọng.” Văn hào Nikos Kazantzakis đã nói như vậy, cũng như triết gia vĩ đại Heidegger làm những câu thơ như âm thầm khích lệ thi sĩ lên đường :

“Bước tới và chịu đựng  
Sự thất bại và câu hỏi  
Trung thành với lối đi duy nhất của mi.”

Thi sĩ Phạm Công Thiện đã cảm nhận chân thiết lời thơ đó, nên hùng tâm tráng khí, im lặng thực hiện một cách mãnh liệt cuộc lữ phi thường, khởi sự tấu khúc độc hành ca trên lộ trình hướng về hổ thẳm uyên mặc, uyên nguyên. Cuộc lữ dữ dội bi tráng, mở ra những phương trời hoàng viễn như Rimbaud, Hoelderlin, như Nietzsche, Henry Miller, những đồng thanh tương ứng với thi nhân nên luôn luôn xuất thần, ngất trời túy lúy, phóng cuồng phiêu đảng hoan say. Đó là những cuộc đi vô định, vô sở trú, chắt ngắt trên tuyết đỉnh núi cao và hun hút tận nguồn sâu hổ thẳm tâm linh, vừa bưng bưng thần khí rục rờng lửa tim hồn cháy, vừa âm âm cuồng nộ, trào tuôn lai láng như sóng vĩ đại dương. Cháy và chảy, cháy và chảy mãi trong hồn, như một lần đặc biệt, nhà thơ đã từng nhắn gởi cho giới trẻ thanh niên Việt Nam : “Gởi một người đọc không quen, cùng cháy một thứ lửa thiêng như tôi, cùng được nuôi bằng một thứ nước

điên nào đó chảy trôi như tôi, cùng sống như tôi đang sống : Cháy và chảy, cháy và chảy không ngừng...”\*\*

Hừng hực ngọn lửa thiêng suốt ngày đêm bùng cháy trong trái tim nên chàng thi sĩ đã hào hứng lên đường ra đi từ dạo đó, từ thuở nào vô thường dẫu bể loạn mù xa, già từ hồng nhan, bá biệt nàng thơ huyền mộng cũ trong ngậm ngùi chia phôi :

Đã đi thì đã đi rồi

Thượng phương trùng điệp thấy gì nữa đâu  
Hạ phương ngày tháng bể dâu  
Sắt son tình cũ phượng cầu tủy hương  
Có còn chi nữa mà thương  
Buổi trưa nằm ngủ thấy nường năm xưa  
Đã đi rồi đã đi chưa  
Thượng phương lụa trắng đong đưa giữa trời  
Đã đi mất hẳn đi rồi  
Hạ phương tịch mịch trùng khơi phong kiều  
Chuyển hình trên đỉnh cô liêu  
Lửa bay thành ngọn hồng điều mật ngôn  
Đại Huyền biến ngưỡng triều tôn  
Tiền thân Tây Tạng nhập hồn chiêm bao  
Án nga nga nắng bạch hào  
Một luồng sáng rực chiếu vào trái tim

Đứng trên tuyệt đỉnh cô liêu, một chiều hoang vu vọi, nhà thơ bỗng nghe văng vẳng những lời ẩn ngữ mật ngôn huyền bí và chợt thấy thấp thoáng tiền kiếp mình ở tận xứ miền tuyết trắng Tây Tạng hoang sơ. Biết mình là hành giả Mật tông trong các dãy hang động trên tuyết mù Hy Mã Lạp Sơn, nên trái tim Bát nhã ứng hiện những nàng tiên huyền diệu, dạo khúc cung đàn mười tám tiếng lòng Không Định rung ngân, khiến cho thi sĩ chỉ còn biết đọc thần chú lim dim :

Năm nàng thiên nữ tôn nghiêm  
Trùng quan ngũ sắc ứng diềm tán không  
Án đa la tịch mịch hồng  
Mười phương xuất hiện những đồng sinh thiên  
Bát nhã là gái thiên tiên  
Khoan thai cõi áo mây hiền trên cao  
Gió lùa thơm tóc tơ đào  
Thập bát Không Định tiêu dao tiếng đàn  
Trời mưa chim ngủ trên ngàn  
Sắc son tình cũ nước tràn sang sông  
Tiếng đàn tiêu dao vô thanh mà vang ngân bất tận lan dài theo cuộc lữ kỳ cùng, rung hồn rúng chuyển gió sương ngàn khắp vùng thung lũng sơn khê. Ơi chao ! Một đóa hồng hoa vut trở im lìm như những nàng tiên nữ giáng trần sà nhẹ vào hồn tim, để cho thi nhân xuất thần bay phiêu linh, phiêu hốt trong bồi hồi rộn rã :  
Đã đi rồi đã đi chưa  
Sắt son triều ngưỡng tình xưa hiện về  
Phượng cầu ngũ lĩnh sơn khê

Một bông hồng nở bốn bề lặng im  
Năm nàng tiên đậu vào tim  
Âm nhập dương khởi lim dim xuất thần



Năm nàng tiên ở đây là ẩn ngữ ám chỉ cho năm nàng thơ, năm người yêu đầu nhất trong cuộc sống thực tế thường nhật của thi nhân. Xuất thần nhập cốt, hưng phấn hân hoan rạt rào, vô cùng cảm hứng là những trạng thái kỳ diệu mà Phạm Công Thiện thỉnh thoảng rơi vào một cách phiêu diêu tuyệt cùng, như một thời sống bổng trên núi rừng phố hoa Đà Lạt, một chiều hiu hắt nọ, chàng choáng váng, sững sờ khi bắt gặp Thiên tông giữa cơn mưa gió bão bùng : “Tôi quỳ xuống lạy lung tung, tôi lạy gió, lạy mưa, lạy nắng, lạy không khí, lạy cái ghế, lạy cái bàn, lạy vách tường, lạy đóa hoa trong ly, lạy cái giường. Ô tôi hạnh phúc, sung sướng, yêu đời, yêu cả vũ trụ. Cảm tạ hết mọi đau khổ, mọi bất công, mọi bi kịch, cảm tạ hết, cảm tạ bất tận. Tôi đã tìm được tất cả những gì đã đánh mất từ mấy ngàn năm nay.”\*\*\*

Hay một lần nơi thành phố Garden Grove ở California, trong căn phòng trống trải cô tịch vô vi, thi nhân cũng nhập diệu, thấy mình hóa thân trùng trùng giữa mười phương pháp giới vô ngần : “Trong tận cùng sâu thẳm của kiếp người, nó không khác người khác, nó là tất cả mọi người đang di động trên trái đất, nó là tất cả những định tinh và hành tinh, nó là con sâu, cái kiến, con bướm, con quạ, trái cam, chiếc lá. Nó là cơn gió thổi vèo qua kẹt cửa, nó là luồng ánh sáng và đêm tối...Nó là một cảm giác, một tư tưởng, một ý tưởng và một cử chỉ. Nó là mỗi chữ, mỗi tiếng, mỗi lời trong tất cả ngôn ngữ loài người...Nó là sự trống không mênh mông của mười tám cái không tràn trề của Trí tuệ Bát nhã sang sông...Nó là sức mạnh vũ bão của tất cả năng lực vũ trụ, sự tập trung tư tưởng mãnh liệt nhất của tất cả tư tưởng nhân loại, tập thành khủng khiếp của tất cả đạo lý và triết lý...Nó là nguyên lý đồng nhất tối thượng, đồng thời là sự chuyển hóa tối hậu của chính nguyên lý đồng nhất và bước nhảy tịch liêu vào cõi tịch mịch của một đóa hoa hồng tươi tắn...”\*\*\*\*

Rồi một lần kia, nhà thơ cô đơn, tha thẩn dạo chơi những ngày cận kề cuối năm ở tận góc bể chân trời Ý Đại Lợi xa xăm bỗng nhập thần mộng thấy đại thi hào Nguyễn Du và Thúy Kiều hiện về thấp thoáng vi vu :

Năm tàn năm mới Nguyễn Du  
Kiều trôi đầu mất la phù dậm khơi  
Cuốc kêu bằng lảng tháp hời  
Nhắc tên người cũ rã rời cuối năm

Trầm tư bên một góc quán cà phê ở Glebe, trên vùng đồi cao Eanwood, nhìn xuống dòng sông xanh, gần thành phố Sydney ở tận bên kia bờ Úc Châu, thi nhân chợt nghe ra tiếng ngựa hí, tiếng đàn vô thanh của Mã Minh và thấy Long Thọ lang thang dưới ánh trăng thái cổ ảo huyền :  
Con ngựa ô lồng lộn Mã Minh gầy đàn

Long Thọ thở dài nhật nguyệt lang thang

Rồi lại một chiều phiêu bổng lãng bạt, rong rêu bên dòng sông Seine bỗng bành, rực ngời hoa nắng óng ả mới lạ ở thành phố hoa lệ Paris, thi sĩ bỗng thấy Van Gogh nhập cốt ứng hiện huyền hòa :

Úm tô rô Van Gogh hiện ra  
Úm ba la u linh ma ha  
Đất nứt nở ra bầy quạ trắng  
Hồn thiêng Van Gogh nhập vào ta

Van Gogh là một họa sĩ dị thường, có một câu nói bất hủ : “Trong cuộc đời và trong cả hội họa cũng vậy, rất có thể mi bỏ qua không cần Thượng đế, nhưng mi, kẻ khổ đau, mi không thể bỏ qua, không cần tới một điều cao viễn hơn mi, chính là đời mi : Quyền năng sáng tạo.” Vâng, sáng tạo là một nghệ thuật tối thượng, là bước đi tuyệt cùng tự giải phóng, tự giải thoát bản thân khỏi nhà tù do chính mình tự tạo cho mình, như nhà văn xuất chúng Henry Miller cũng đã từng tuyên bố : “Kẻ sáng tạo kêu gọi con người trực nhận rằng, tất cả mọi tự do có sẵn trong bản thân rồi. Rằng con người không cần phải bận tâm lo lắng đến vận mệnh thế giới ( vì đó

không phải là vấn đề của hần ) mà chỉ nên lo giải quyết vấn đề riêng tư của chính riêng mình, tức là vấn đề giải phóng, giải thoát, chứ không phải vấn đề nào khác cả.”\*\*\*

Nhà thơ tài hoa Phạm Công Thiện của chúng ta, cũng trên tinh thần giải phóng ấy, vẫn quảy túi thơ bầu rượu, xuôi ngược bước đi nhảy múa trên thông lộ phong quang sáng tạo vô lường.

Hướng về uyên nguyên khơi mở, thở cùng linh khí của nhật nguyệt thiên thu, tái tạo từng điệu thở, từng ý niệm, nổ tung mọi cố chấp thâm căn cố đế để thể nhập Tánh Không, xô cửa huyền vi mà bước vào Tâm giới, nơi tuyệt cùng của vạn vật Nhất như. Bước tự do tự tại, thênh thang giải thoát mọi dính mắc, buộc ràng, chỉ còn sáng tạo và sáng tạo miên man, dốc hết tinh hoa, tinh túy để tựu thành những tác phẩm độc đáo vô song :

Từ Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất đến Khơi mạch nguồn thơ thi sĩ Seamus Heaney, từ Một đêm siêu hình với Hàn Mặc Tử đến Nguyễn Du đại thi hào dân tộc, từ Đối mặt với một ngàn năm cô đơn của Nietzsche đến Chỉ còn tiếng thơ trên mặt đất, từ Nét đẹp tinh tú trong sáng của đạo lý Phật giáo đến Làm thế nào để trở thành một bậc Bô tát sáng rực khắp bốn phương, từ Những bước chân nhẹ nhàng trở về sự im lặng đến Trên tất cả đỉnh cao là lặng im...là những bước nhảy thượng đẳng, ngoạn mục, hùng tráng, phi thường, vượt qua sự chuyển hóa toàn diện của tâm thức đến độ vô sự tự ngộ, bùng vỡ ra một điều chi như thị đang là, ngay ở đây thôi :

Những gì không vói tới  
Thì có sẵn đó rồi  
Bao nhiêu danh vọng hời  
Vài ba cụm bèo trôi

Ba mươi năm nằm dài  
Một hôm đứng phất dậy  
Bất nhị xòe tầm tay  
Bất ngờ tôi sụp lạy

Từ trống trải nhận thấy  
Tự trống trải lắng nghe  
Tịch diệt liền tại đây  
Xuân dậy giữa trưa hè  
Xuân là Nguyên xuân, Tâm xuân, mùa xuân miên viễn trong lòng người, thi sĩ đã thấy và nghe được như một phép nhiệm màu làm biến tan mọi niềm đau sầu khổ :  
Hôm nay là hôm nào  
Thôi đừng hỏi tại sao  
Phép lạ đập vào cửa  
Bông súng nở trắng phau

Ngồi im giữa vòng tròn  
Thở nhẹ như chim non  
Mộng thân trùm Pháp giới  
Bông quỳnh vừa nở trợn

Lắng vào trong cái nghe  
Rót vào lòng thật khế  
Lọt vào trong lặng lẽ  
Động tịnh đều dứt nhẹ

Những bài thơ ngắn gọn, tuy đơn sơ giản dị nhưng đi thẳng vào lòng người một cách tự nhiên, thể hiện cốt cách đặc thù riêng biệt, hàm dung ý thiên “một là tất cả, tất cả là một” của tinh thần Hoa nghiêm, nói như Phạm Công Thiện : “Nếu chúng ta xoay chuyển cái nhìn của chúng ta vào trái tim vũ trụ theo nhịp thở kinh Hoa nghiêm thì tất cả mọi sự đều dung thông, dung nhiếp, viên

dung tự tại vô ngại, thời gian là không gian, một thời gian là tất cả không gian, một không gian là tất cả không gian, tất cả thời gian là một không gian, tất cả không gian là một thời gian.”\*\*\*\*\*  
Khi tiềm ẩn nguyên khí, nội lực thâm hậu thì bậc cao thủ cự phách thường kiệm lời, ít nói mà linh hoạt, tùy hứng như trẻ thơ, hồn nhiên đùa rỡ, xem cuộc đời như một trò chơi. Còn kẻ thì sĩ xuất chúng, sáng tạo vô vàn cảnh giới thi ca quá mộng thì ít nhất cũng sờ đụng tới hổ thẳm và đỉnh cao tâm linh của chính mình.

Đỉnh cao và hổ thẳm tâm linh ấy, Phạm Công Thiện đã từng va chạm, giáp mặt trong một bình sinh hy hữu nào đó, cho nên cả trời thơ đất mộng dạt dào bao nhựa sống thâm trầm nhập vào trong từng điệu thở tinh khôi :

Lùa nhẹ vào một mối  
Đập mạnh một nhát thôi  
Tất cả đều bày phơi  
Trí tuệ sáng rực ngời

Muốn có được ánh sáng quang minh trí tuệ rực ngời đó thì chẳng phải chạy tìm đâu xa mà chính ngay nơi tận đáy lòng mình, chính nơi mình đang cư ngụ, lưu trú, ngay nơi những nghịch cảnh, thử thách mà mình phải giáp mặt ngày đêm một cách anh dũng, không nao núng, như nhà thơ từng nhắc nhở : “Chúng ta chỉ thành Phật được, khi chúng ta là con người ở giữa thị tứ, không có cảnh Bồng lai thiên thai địa đàng nào là thuận cảnh để ta giải thoát được, chinh tất cả Nghịch cảnh của nơi ta sinh sống mới là nơi ta tự chuyển hóa tâm thức để nhập vào Tự chứng Thánh trí.”\*\*\*\*\* Thánh trí đó là trí tuệ, tuệ giác, là cái bản tâm nguyên sơ thanh tịnh của mình đầy thôi. Khi thấy rõ tận tường được điều đó thì xem mọi sự ở đời như sống chết, đến đi, hơn thua, đúng sai, phải trái, giàu nghèo, thành công, thất bại... đều là nhân duyên giả hợp, chẳng hề sợ hãi, lo âu chuyện còn hay mất :

Thất bại giữa đời này  
Chết sáng ngời trên cao  
Bông tàn phai cõi đất  
Mọc lại giữa trăng sao

Nhảy thẳng vào sự việc  
Chẳng có gì đáng tiếc  
Sự việc lớn lao nhất  
Là hiện tiền tịch diệt

Thực tại hiện tiền là ngay đây, bây giờ, ngay trong mỗi phút giây là chứa đầy thiên thu vĩnh cửu, ngay trong từng hơi thở ra vào là đủ cả nghìn năm :

Bôn ba ngoài vạn dặm  
Cũng chỉ một trắng rằm  
Bao nhiêu là hổ thẳm  
Xoáy về nốt ruồi đậm

Hổ thẳm là ẩn ngữ chỉ cho tư tưởng của chúng ta. Chỉ cần một chút tư tưởng móng lên thôi là cả ba nghìn thế giới, sơn hà đại địa hay tiên nữ, thực nữ mười phương liền hiển lộ, bùng dậy huy hoàng, rõ ràng hiện ngay trước mắt tức thì :

Chỉ cần một ý tưởng  
Khấp vũ trụ mười phương  
Sáng bùng lên vô lượng  
Thiên tiên hiện đầu giường

Phải chăng đó là cái thấy tuệ giác siêu việt của một tâm hồn bao la thông suốt lẽ sâu xa của trùng trùng duyên khởi Hoa nghiêm pháp giới diệu kỳ :

Mỗi bước chân ra đi  
Triệu vũ trụ thiên di

Mỗi chỗ tôi ngồi lại  
 Sáng bừng lên diệu lý  
 Chân lý vi diệu đó, thi nhân bỗng phát hiện chẳng ở đâu xa mà ngay tại đây và bây giờ, ngay giữa phù du cát bụi giữa vui buồn sướng khổ trong cõi lòng huyền diệu của thức tâm :  
 Trăm năm đời hờ hững  
 Đêm ngày buồn lơ lửng  
 Linh địa là tại đây  
 Nơi chỗ tôi đang đứng  
 Linh địa là mặt đất thiêng liêng này, nơi thi sĩ đang sống từng phút từng giây đầy trọn vẹn. Sống từ đồng bằng sông Cửu Long đến cao nguyên sương mù Đà Lạt, từ Mỹ Tho, Cần Thơ, Sài Gòn, Nha Trang đến Paris, London, Rome, Monterey Park, Long Beach, Los Angeles, Houston, Washington... ngút ngàn viễn xứ xa xôi :  
 Thoát đi một đời người  
 Buồn hoài cũng thể thôi  
 Trăm năm là giây phút  
 Chưa đi đã tới rồi  
 Hàng triệu tỷ năm trôi qua và giờ đây ngưng đọng trong cái đang là, nơi người em thi ca từ vô lượng kiếp trở về đang mỉm cười nguyên sơ rạng ngời mới lạ :  
 Mười lăm tỷ năm qua  
 Từ vạn triệu thiên hà  
 Bây giờ ta mới tới  
 Gặp lại em hôm qua  
 Cuộc trùng phùng kỳ ngộ thật vô cùng thú vị, tuyệt hảo tân kỳ như một kẻ đốn ngộ vô ngôn vì thấy toàn thể vũ trụ là chốn đạo tràng đầy đủ chư Phật, Bồ tát, Thần linh đều viên dung cùng một ngọn ngành thanh tịnh :  
 Tất cả là đạo tràng thần linh  
 Ta ngồi tham ngưỡng cõi vô hình  
 Thênh thang phù thế làm chim ó  
 Bay lượn thảng ngày cõi lặng thinh  
 Bay lượn giữa phong quang trời đất, nhật nguyệt hay thả trôi trên dòng sông Mật tông thắm đẫm tình Mẹ Đại bi, Đại trí Tãra xanh biếc huyền mộng chan hòa. Cả vũ trụ mệnh mông là một tu viện rồi thì về chùa hay xa chùa cũng trong vòng tay bao dung mở rộng :  
 Tãra mười tiếng đại không  
 Áo thân nằm giữa dòng sông Mật thừa  
 Về chùa một dúm muối dưa  
 Xa chùa cũng thể : Hứng mưa mỉm cười  
 Hầu như suốt cuộc đời Phạm Công Thiện thường gắn bó, thân mật, cận kề với những ngôi chùa ở quê hương cũng như các ngôi chùa nằm dọc ven đường lang bạt trên toàn thế giới, chàng ở chùa nhiều hơn là ở nhà. Mặc dù, mới buổi sáng giảng kinh Kim cang thao thao bất tuyệt trên thiền đường, rồi buổi chiều thống tay vào chợ uống rượu ngâm thơ túy lúy cùng bọn văn nghệ sĩ, giảng hồ tứ chiếng đó đây mà phong thái vẫn nhàn nhã, tự tại, tiêu dao. Mỉm cười buông bỏ nhẹ nhàng để bước đi trầm hùng sự tử, tự do vô sự. Vô sự như “chim hải hồ bay trắng thảng ngày” bay khắp thiên thanh vĩnh thúy rồi đậu xuống mái hiên chùa rêu phong tịch tịch, ngồi nhập định du hí tam muội làm thơ kính tặng cõi thanh không lồng lộng :  
 Mông tơ mây ngũ hiên chùa  
 Dâm bụi rục đỏ hai mùa gặp nhau  
 Hơi rừng thơm nức chiêm bao  
 Đêm thâu nín thở ngó vào bài thơ  
 Toàn thể cuộc đời là bài thơ, sống chết là bài thơ, có không là bài thơ, mộng thực là bài thơ, buồn vui, sướng khổ là bài thơ, hơn thua, được mất là bài thơ, thành công, thất bại là bài thơ, gặp gỡ, ly biệt là bài thơ, phiền não, an lạc là bài thơ, khổ đau, hạnh phúc là bài thơ, chiêm bao

mộng寐 là bài thơ hay Vô thượng chánh đẳng, chánh giác cũng đều là thơ thơ hết thầy, thơ ở trong thơ :

Tượng Phật ở bàn thờ  
Dọn dẹp để trống rờ  
Tôi vẫn lạy chỗ trống  
Chỗ trống thành bài thơ

Chính cuộc đời của Phạm Công Thiện là một bài thơ quá tuyệt vời bát ngát, quá tuyệt mỹ lý thú, quá tràn trề mê say, ngợp đầy hào sáng rạt rào vô hạn, đã khơi dậy nguồn cảm hứng dồi dào, thấp lên ngọn lửa thiêng huy hoàng sáng tạo, bừng cháy bất tận giữa lòng nhân thế tuyệt trần :

Hứng lúc nào cũng đến  
Giờ nào cũng giờ hên  
Ngồi thẳng lưng mà viết  
Vạn tơ tưởng bỗng bênh

Viết là sống. Sống một lần Tự do đầu tiên và cuối cùng như Krishnamurti hay sống Alexis Zorba Con người chịu chơi như Nikos Kazantzakis hoặc sống Chơi giữa mùa trăng như Hàn Mặc Tử : “Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn, giận hờn đến gần đứt sự sống.” Thể điệu sống ấy, thật giống hệt với thi sĩ Phạm Công Thiện xiết bao !

Thật vậy, chẳng những giống như Hàn Mặc Tử về phong cách nhập cuộc tha thiết, kiệt tậ bình sinh, dốc hết toàn thể xương xẩu máu me vào ly rượu tình yêu nồng say óng ả mà Phạm Công Thiện còn tương ứng, tương tự với nhà thơ lãng tử Rimbaud từng trải qua Một mùa địa ngục bi tráng, bi hùng, với đại thi hào Walt Whitman, chỉ một Lá cỏ cũng đủ chứa đựng cả vô tận đất trời, với Suzuki Thiền luận, với Padmasambhava Tổ sư Mật tông Tây Tạng, với Milarepa Con người siêu việt, với Long Thọ Trung quán luận, với Heidegger Về thể tính của Chân lý, với Nietzsche, Zarathustra đã nói như thế trên ngõ về vịnh cửa, với thi hào Hoelderlin lên đường Quy hồi cổ hương, với Apollinaire, một thi nhân trầm lặng mặn nồng, sống trọn vẹn hết mình với tình yêu và nhất là với Henry Miller, một tâm hồn thượng đẳng mà Phạm Công Thiện kính phục, ca tụng hết lòng : “Henry Miller là một trong vài ba thiên tài nhân loại đã đánh thức dậy thể lực mãnh liệt nhất của lòng Đại bi trong ý thức và vô thức của con người trên mặt đất.” Lòng Đại bi là tình thương, tình yêu vô lượng vô biên có từ buổi sơ khai, nguyên thủy mà Henry Miller đã thấu thị được hương vị của tình yêu tuyệt vời, diễm kiều, vi diệu đó và vượt qua, vượt qua bên kia bờ Nhất nguyên tuyệt bích.

Tình thương, tình yêu dịu dàng phát sinh, khởi sự từ những thực nữ, thuyền duyên, từ nàng thơ, tiên nữ, duyên dáng mỹ miều, yếu điệu ngát hồng nhan :

Càng xa càng mong lung  
Tới gần vẫn lạ lùng  
Nhắm mắt sao lạ quá  
Mở ra ồ không cùng

Linh hồn con gái, phải chăng là nhiệm huyền thi vị như vậy, khiến cho chàng thi sĩ mơ màng mộng寐 trong từng trận trận chiêm bao ảo dị dập dìu :

Một người nằm thờ quạnh hiu  
Mơ màng thiếu nữ cô liêu giáng trần  
Gió khuya đập cửa bất thần  
Giật mình thức dậy mấy lần chiêm bao  
Có nàng tiên dáng cao cao  
Nước da mòng mọng hao hao bông hường  
Cái đêm lành lạnh chiếu giương  
Gió lùa hương lạ bên đường tạt qua  
Đêm qua thương nhớ người ta  
Tối nay tơ tưởng thiên hà bơ vơ

Tháng ngày tôi nhớ băng quơ  
 Những nàng con gái bao giờ gặp đâu  
 Gặp nhau bao giờ chưa hỡi những sắc nước hương trời, những kỳ hoa dị thảo, những hương  
 đồng cỏ nội khắp lâm tuyền, biên ải ngoài bến gió bờ sương ở mọi chốn muôn nơi, hỡi Quế  
 Hương, Thanh Hoài, Phong Sương Trần Thi Loan, Hoàng Thu Uyên... diễm tuyệt một thuở nào  
 quyến rũ du dương tận xứ miền Liên Chiêu hay ngút ngàn sương khói Đà Lạt quá mang mang :  
 Bầy chim bạc má gọi đàn  
 Thương nhau gặp lại trên ngàn đỉnh cao  
 Trở về Đà Lạt ngó đào  
 Ghé thăm Liên Chiêu thuở nào yêu nhau  
 Yêu nhau cảm động dường nào, xao xuyến, xốn xang, rộn ràng trong tiếng hát liêu trai của  
 nàng ca sĩ yếu gầy mà thi nhân hơn một lần say đắm mộng lao đao :  
 Cô đơn về trắng sương rừng  
 Anh nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm  
 Khuya buồn tủi nhục môi em  
 Mưa run lặng lẽ bên thềm bờ vờ  
 Tiếng ru vàng xuống đôi bờ  
 Hoang vu anh đứng đợi chờ chim kêu  
 Tay gầy ôm chặt tình yêu  
 Anh về phố gục những chiều hư vô  
 Đồi đi trên những nắm mồ  
 Đau tim em hát cơ hồ khăn tang  
 Phố chiều thả bước lang thang  
 Như con sông nhỏ mơ màng biển xanh  
 Nửa đêm khói đốt đời anh  
 Yêu em cảm lạnh khô cành thu đông  
 Lời em như một dòng sông  
 Đồi bờ anh đứng giữa lòng hoa niên  
 Mưa chiều nước chảy triền miên  
 Một con chim đại lạc miền hoang lương  
 Về đâu thương những con đường  
 Lê thê phố cũ nghe buồn hè xưa  
 Hè xưa phố cũ tuy buồn mà vẫn có một vẻ đẹp nào nung của thứ tình yêu diêu mang lãng  
 đãng. Chàng thi sĩ đa tình đa cảm, trót vương mang nàng thơ gầy guộc có đôi mắt sâu mộng u  
 huyền trên cao nguyên nghi ngút sương mù bay trắng cả rừng thông, suốt mười năm trời đăng  
 đăng mộng mơ, nhớ thương tưởng vọng trong da diết ngậm ngùi :  
 Mười năm qua gió thổi đồi tây  
 Tôi long đong theo bóng chim gầy  
 Một sớm em về theo giấc ngủ  
 Bông trời bay trắng cả rừng cây  
 Gió thổi đồi tây hay đồi đông  
 Hiu hắt quê hương bến cỏ hồng  
 Trong mơ em vẫn còn bên cửa  
 Tôi đứng trên đồi mây trở bông  
 Gió thổi đồi thu qua đồi thông  
 Mưa hạ ly hương nước ngược dòng  
 Tôi đau trong tiếng gà xơ xác  
 Một sớm bông hồng nở cửa đông  
 Phải chăng đó là cõi mộng hư ảo tự thuở nào xa ngút ở trên rừng Phi Nôm Đà Lạt hay dưới  
 vùng biển Vạn Giã Nha Trang. Ôi nhớ một chiều mưa thấp thoáng, chàng thi sĩ rời bãi biển cát

trắng, gõ nhịp bước đơn hành đi về leo lên sườn đồi cao Hải Đức, bỗng sực thấy cây khế bùng  
rộ hoa tím tím bên triền dốc đá hoang thưa :

Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn

Cây khế đồi cao trở hết bông

Hoa nở rồi tàn cũng như những nàng con gái mộng mơ đến rồi đi. Tuy vậy vẫn còn phảng phất  
những làn hương tóc mị kỳ cứ ám ảnh chập chùng mãi lung linh :

Tình bay lên nóng trắng sao

Gió lùa thơm tóc cô nào năm xưa

Đã đi rồi đã đi chưa

Thượng phương lựa trắng đông đưa giữa trời

Đã đi mất hẳn đi rồi

Hạ phương tịch mịch bỏ đời biệt tăm

Thảm cảm nhận thấm thía hương vị mị kỳ của tình yêu tương đối và tuyệt đối, rồi từ đó, thi  
nhân tự nhiên như nhiên chuyển dần sang ngọt ngào tuyệt bích tình thương. Tình thương yêu  
tối thượng như mây lan tỏa khắp mười phương, chan chứa trộn lẫn trong giọng chim ca lảnh  
tần già hòa quyện tiếng kêu thanh tao, thánh thót nhập hồn sương khói vô vi trở thành Bồ đề  
tâm thâm viển miên trường :

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy cúng dường

Lôi bồ đề tâm dậy

Chấn động khắp mười phương

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy vô lượng

Lôi bồ đề tâm dậy

Địa động cả mười phương

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy đại dương

Lôi bồ đề tâm dậy

Sấm sét nổ mười phương

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy vô thường

Lôi bồ đề tâm dậy

Sấm chẻ đứt kim cương

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy thiên hương

Bồ đề tâm tăng trưởng

Bông quỳnh nở bất thường

Chim ca lảnh kêu sương

Tôi sụp lạy vách tường

Bồ đề tâm quy ngưỡng

Bông trang trở đầu đường

Khi thi nhân quỳ xuống, sụp lạy tất cả muôn loài vạn vật, đất trời thiên vạn cổ là lúc Bồ đề tâm  
bùng dậy tỏa chiếu hào quang rạng rỡ khắp muôn phương. Bồ đề tâm chính là Đại bi tâm, có  
thể làm sụp đổ tất cả mọi ác pháp. Phạm Công Thiện từ bao giờ đến bây giờ vẫn thường xuyên  
miên mật hít thở trong bầu khí hậu phong nhiêu ấy, hơi thở biến thành hành động sụp lạy là đã



nhập vào vô ngã, vắng lặng cái tôi, vắng lặng mọi so đo chân giả, xa lìa mọi giả danh, tham chấp, chỉ còn đương xứ tức chân, hiện bày ngay cái đang là.

Đang là thì không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, dù cuộc lữ bắt đầu khởi sự từ vô lượng kiếp rồi, dù có đi vòng quanh hết quả địa cầu này thì cũng để thấy lại cái tâm hồn mình, như Henry Miller nói : “Vi chỉ có một cuộc phiêu lưu vĩ đại thôi, đó là đi vào bên trong mình và đi vào trong lòng mình thì thời gian, không gian, ngay đến hành động cũng không quan trọng gì cả.”\*\*\*\* Thì ra là vậy, thật đơn giản mà độc đáo vô cùng.

Cùng nói giống, cùng dòng máu Henry Miller nên Phạm Công Thiện cũng nhiệt liệt, hiên ngang theo dõi cuộc phiêu lưu thám hiểm vào nội tâm thâm kín, để khai phá ra những bí mật bên trong thế giới tâm linh sâu thẳm của chính mình. Cuộc lữ tự duy khủng khiếp từ khi thi sĩ tự nguyện làm lạc đà gánh nặng, băng qua những sa mạc cát trắng khô hạn, cháy bỏng vết hằn cay đắng, thê lương, vượt qua ngàn cơn bão lốc khốc liệt, kinh hoàng của nỗi đời dẫu bề tan hoang cũng như từng say đắm, say sưa chén rượu hồng nhan, túy lúy càn khôn bồi hồi, rồi dần thân làm sư tử oai phong lẫm liệt, đi đứng một mình, không bè nhóm, không đảng phái, không ý thức hệ, chỉ gầm rống vang động, làm rung chuyển khắp sông hồ dữ dội, hùng tráng, uy nghi, khí phách giữa tồn sinh bức bách, xuống biển lên trời.

Rồi bất ngờ đến kỳ lạ, sư tử biến thành thằng bé trẻ dại hài nhi với nụ cười tươi tắn niềm hân hoan thơ ngây, thấy gì cũng rục rờ mới lạ, bằng con mắt trong veo, trong trẻo trinh nguyên xanh biếc trời thơ đất mộng không tên.

Trên cung bậc ngân vang ngút ngàn sáng tạo, Phạm Công Thiện cùng tương ứng với triết gia Nietzsche về ba hóa thân : Lạc đà, sư tử và hài nhi. Trước hết tinh thần trở thành lạc đà, chuyên chở gánh nặng văn hóa, truyền thống... tiêu biểu những giá trị lỗi thời xưa cũ. Sư tử là chúa tể rừng xanh, tượng trưng cho ý chí, trí tuệ siêu việt, mạnh mẽ phá hủy tất cả những triết thuyết độc thần, hư vô, duy vật lỗi thời đó, làm sụp đổ hết thảy mọi thần tượng do con người sợ hãi dựng lên và cuối cùng là hài nhi hồn nhiên, là biểu tượng cho sự bắt đầu, khởi nguyên hoàn toàn mới mẻ, là một tiếng cười rỗng rang, một tiếng ừ chấp nhận thiêng liêng.

Hài nhi xem mọi sự như trò chơi, trò đùa vui vẻ, chẳng có chi phải trầm trọng, nặng nề, chẳng có gì phải van xin, tôn thờ, sợ hãi. Hài nhi chỉ biết yêu thương múa hát, hân hoan sáng tạo và sáng tạo thênh thang.

Thênh thang ca hát như Trang Tử dạo khúc Tiêu dao du bên bờ sông Dương Tử hay như Milarepa hát ca những lời thơ siêu thoát trên tuyết đỉnh Hy Mã Lạp Sơn lạnh ròn tuyết trắng, hoặc như Beethoven Hòa tấu khúc thứ 9 bất hủ và Phạm Công Thiện cười vang lên như tiếng gầm sư tử trầm hùng tự tại thông dong :

Anh vụt cười to động đóa hồng  
Dịu dàng em rắc giữa hương nồng  
Anh ngồi chễm chệ như sư tử  
Vồ chụp bướm ngàn lúc rạng đông

Khi sư tử mà đùa rỡ, nhảy múa với chim ngàn hoa bướm là lúc mọi sự đã trở thành một trò chơi của hài nhi hý lộng, rất mực thuần nhiên thoải mái, thanh thản nhẹ nhàng như thi sĩ tâm sự khơi vơi về thái độ ứng xử giữa cuộc luân lưu sinh tồn linh động : “Sống, ăn ở đời một cách khiêm tốn, tầm thường, nhỏ thấp, cung cách, cử chỉ lặng lẽ từ tốn, nhún nhường, không tìm cách tỏ ra rằng mình là quan trọng đối với con mắt thế gian, nhưng đằng sau bề ngoài tầm thường đó thì hãy để tâm thức mình bay vút, vượt lên trên tất cả quyền lực và danh vọng thế gian...Chấp nhận tất cả những gì xảy đến đời mình với sự đứng vững bình thản, mặc kệ giàu hay nghèo, mặc kệ khen hay chê, không thị phi phân biệt cái này với cái kia như đức hạnh và đời bại, vinh quang và nhục nhã, tốt và xấu. Không đau đớn khổ sở và cũng không ân hận những gì đã qua, không sung sướng hớn hờ và cũng không hãnh diện về những gì mình đã thực hiện thành tựu. Ngó nhìn những quan điểm xung đột và những phát hiện sinh hoạt đa dạng của chúng sinh với lòng bình thản, khinh an và tâm thức siêu thoát. Phải hiểu rằng đời là thể và là thể điệu tác động không thể tránh được của mỗi một sinh thể. Hiểu như thế thì hãy luôn tỉnh thức, thanh thản trầm lặng. Ngó nhìn nhẹ nhàng xuống cuộc đời như một người đứng trên tột

đỉnh núi cao nhất, nhìn ngó xuống những thung lũng và những ngọn núi nhỏ thấp trải ra dưới chân mình.”\*\*\*\*\*

Giữa muôn trùng cuộc lữ, trên con đường mây trắng bành bồng, gió trắng đồng vọng, rung ngân lên vắng vắng những cung đàn lã lướt dưới gót chân của chàng thi sĩ dị thường. Bước đăng trình vạn lý du, có đôi lúc cũng dừng gót chân lững lờ lại nghỉ ngơi một vài quán trọ dọc đường như giảng dạy triết lý, văn chương ở đại học Toulouse, nước Pháp hay thuyết trình Thiền tông, Mật tông ở các đại học, thiền viện trên khắp miền viễn xứ California và Hoa Kỳ. Tiến sĩ Nhật Bản Nohira Munehiro khi làm luận án tốt nghiệp tiến sĩ, lấy đề tài về triết gia Phạm Công Thiện, cho biết các nhà học giả uyên thâm xứ hoa Anh Đào đều tôn vinh, ca tụng Phạm Công Thiện là Long Thọ của Việt Nam.

Từ năm 1966, mới 25 tuổi, Phạm Công Thiện đã nói về Long Thọ : “Theo Trung quán luận, thì sự nô lệ, sự phiền muộn, đau khổ, chấp trước...chỉ là vọng tưởng.

Chúng ta bám chặt vào sự vật, vào ý tưởng, vào con người, vào hoàn cảnh, vào nguyên nhân, vào kết quả, vào mục đích, vào cứu cánh, vào phương tiện, vào sống và chết : Chỉ vì vọng tưởng tạo ra những đặc tính và những hình ảnh mà chúng ta tưởng rằng có thực và bất di dịch...Con người giải thoát làm việc thiện, cứu đời, độ thế, không phải để đạt đến kết quả nào ở đời này hay đời sau. Hành động của con người giải thoát là hành động không mục đích và không lý do. Lý tưởng Bồ tát thể hiện trong Đại bi là lòng thương không mục đích, vì còn mục đích là còn trói buộc vào nhân và quả. Trói buộc là nô lệ, là chấp nhân hoặc chấp quả, chấp ngã hoặc chấp pháp, chấp hữu hoặc chấp không. Hồ thắm chính là phá chấp và phá chấp triệt để...”\*\*\*\*\*

Tinh thần phá chấp triệt để ấy, thể hiện nhất quán qua toàn bộ tác phẩm Phạm Công Thiện từ thuở xưa cho đến bữa nay, nên các học giả Nhật Bản sánh Phạm Công Thiện với Long Thọ cũng là tương xứng, xác đáng. Đại văn hào Mỹ Henry Miller thì cho rằng, Phạm Công Thiện là hậu thân của Rimbaud, một thi sĩ tiên tri thấu thị của nước Pháp. Nhà thơ Giang Trần, nhà thơ Phan Tấn Hải bên Hoa Kỳ thì tôn vinh, tán phong Phạm Công Thiện là bậc Bồ tát nghệ sĩ, còn riêng người viết bài này, đã từng hân hạnh được bắt tay, gặp mặt trò chuyện với Phạm Công Thiện ở Đại học Vạn Hạnh, vào một chiều mùa hạ năm 1969 thì vẫn xem Phạm Công Thiện là một thi nhân, một thi sĩ với trọn vẹn ý nghĩa của danh từ.

Chính Phạm Công Thiện cũng thường mặc nhiên tự nhận mình chỉ là nhà thơ, một thi sĩ thuần túy mà thôi : “Ngôn ngữ của tôi là ngôn ngữ của thi sĩ, ai muốn hiểu sao đó thì cứ hiểu... Thơ là linh hồn của tất cả âm nhạc, hình ảnh của thơ là vô hình đột chuyển thành ra hiện hình và hiện ảnh : Hiện hình và hiện ảnh của thơ chính là hiện cảnh linh động, hiện thực hơn tất cả những cảnh sắc và phong cảnh hiện tiền... Thơ không nói về bất cứ cái gì cả, như vậy mới là tất cả. Thơ chỉ là thơ và thơ tự nói về thơ từ trong thơ đến trong thơ, cả cao và thấp, cả trong và ngoài, ở trên và dưới mặt đất, tất cả chỉ là thơ.”

Vâng, tất cả chỉ là thơ, khi thấy muôn sự muôn việc trên cõi đời này chỉ là thơ và thơ thôi thì lúc ấy mới bừng sáng rực ngời lên chân thực nghĩa vô lượng vô biên của Diệu Tâm thâm diệu, của Nhất Chân pháp giới, trùng trùng duyên khởi Hoa nghiêm, thấy tất cả mọi sự đều tốt đẹp và tốt đẹp. Vì thế, cho nên thi nhân vẫn tiếp tục hân hoan sáng tác, sáng tạo vô ngần bất tuyệt miên man :

Tháng ngày làm thơ chơi  
Hồn bay thẳng ra khơi  
Bạch phát ngút ngàn tới  
Thu phong tắt nghẹn lời

Làm thơ lúc rửa chén  
Nước chảy tuôn rỏ rên  
Bột trắng sạch rêu đen

Bếp nhà rân tiếng én

Xin gọi đại là thơ  
Làm lúc nào chẳng nhớ  
Cho một cô gái nhỏ  
Chưa từng gặp bao giờ

Muốn gì mà có ngay  
Thì tai nạn vạ bay  
Không thềm muốn gì nữa  
Đời tràn ngập thơ hay

Khi thơ hay bay ngập tràn mặt đất trần gian, thì ngôn ngữ Việt Nam cũng bay về ngợp trời xanh bát ngát, làm trang nghiêm cho nụ cười thanh tịnh, quang minh tính thể. Thế là trên ngõ về im lặng, người thi sĩ kỳ tuyệt của chúng ta đã xuống tận hố thăm cũng như đã lên tới đỉnh cao chất ngất của tâm linh và chợt bừng ngộ thấy ra toàn thể trò đời chỉ là một cuộc đại hòa điệu chơi tối thượng, một trận du hí tam muội lỏng lẻo, phiêu bồng. Sống là chơi, chết là chơi, yêu là chơi, thương là chơi, vui buồn, sướng khổ là chơi, có không, còn mất là chơi, hơn thua, phải trái là chơi, thành công, thất bại là chơi, chiêm bao, mộng mị là chơi, tình thức, thực tế, thực tại là chơi, phiêu bạt giang hồ khắp thế giới là chơi, giảng dạy triết lý, thi ca, thiền học là chơi, biết nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Hán, Phạn, Pali... là chơi, thương yêu năm nàng tiên nữ là chơi, làm đại đức, thiền sư Nguyên Tánh là chơi, làm hành giả Mật tông là chơi, làm văn nghệ sĩ là chơi, làm thơ làm thần cũng là chơi chơi hết thầy mà thôi. O'i chao ! Một cuộc đại hòa điệu chơi trùng trùng vô thủy vô chung giữa mệnh mông vô tận, bất khả tư nghì...Án ma ni bát di hồng. Án ma ni bát di hồng. Án ma ni bát di hồng...

Thơ Phạm Công Thiện, trích trong 2 tác phẩm :

Ngày sinh của rắn. Nhà xuất bản An Tiêm, Sài Gòn 1966

Trên tất cả đỉnh cao là lặng im. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn, TP.HCM 2009

\* Phạm Công Thiện. Trên tất cả đỉnh cao là lặng im. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn, TP.HCM 2009

\*\* Phạm Công Thiện. Ý thức mới trong văn nghệ và triết học. Tái bản lần thứ ba. Nhà xuất bản An Tiêm, Sài Gòn 1966

\*\*\* Phạm Công Thiện. Henry Miller. Nhà xuất bản Phạm Hoàng, Sài Gòn 1969

\*\*\*\* Phạm Công Thiện. Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất. Nhà xuất bản Trần Thi, California 1988

\*\*\*\*\* Phạm Công Thiện. Những bước chân nhẹ nhàng trở về sự im lặng. Nhà xuất bản Phương Đông, TP.HCM 2008

\*\*\*\*\* Phạm Công Thiện. Hố thăm tư tưởng. Nhà xuất bản An Tiêm, Sài Gòn 1966